

VĂN HÓA THÁI HÒA VIỆT NAM XXXXX

BIỂU TƯỢNG

TINH HOA VĂN HÓA VIỆT NAM



Hình Nước Việt Nam (ở Đông Nam Á Châu)



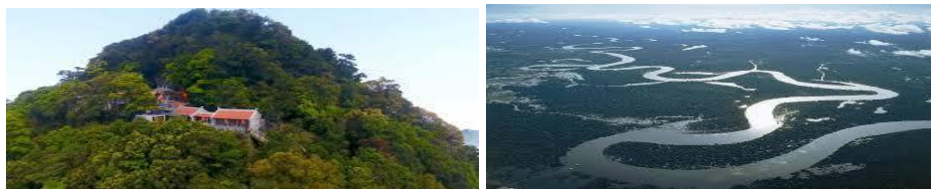
Phía Tây Bắc có Đỉnh Thiêng Everest cao 8,850-m

Phía Đông Nam nhìn ra Biển Đông có Rãnh Mariana sâu thẳm: 10.935 m

Phía Tây có dãy Trường Sơn dài 1,100 km



Dãy Núi Trường Sơn



**Đền thờ Tản Viên Sơn Thánh thuộc xã Tam Hồng, huyện Vĩnh Lạc,
Vĩnh Phúc tại Miền Bắc VN**

Núi Tản Viên với Cơ cấu Văn Hóa Đông Nam : (Bộ Huyền số “ Hòa – Mộc 2 - 3)

Sông Cửu Long uốn quanh 9 khúc đem phù sa tạo ra

Đồng bằng Cửu Long nguồn vừa Lúa nuôi sống toàn Dân VN

SƠN CAO THỦY THÂM, RỪNG VÀNG BỀ BẠC UN ĐỨC NÊN

HỒN THIÊNG SÔNG NÚI CỦA GIỐNG NÒI

NÚI TẢN VIÊN

Khi Kỳ Mạng tức là Thần Tản Viên xuống thăm Thủy phủ, được Huyền Tổ Phụ Lạc Long ban cho Sách Ước.

SÁCH ƯỚC có 2 trang Hỏa Mộc và 3 trang trống trơn

Sách Ước là nguồn gốc của:

Bộ Huyền số về Cơ cấu và Nội dung Văn Hóa:

2 – 3 , 5 (2 + 3 = 5)

Số 2: Dịch lý Âm Dương Hòa: Vũ Trụ Quan Động

Số 3: Tam Tài: Nhân sinh quan Nhân chủ

Số 5: Ngũ hành : Nguồn Tâm linh: $E = mc^2$ (Einstein)

Nguồn Năng lượng Tình Yêu sáng tạo nên Vũ trụ.

**Nhân NGÀY GIỖ thứ 29
của
TRIẾT GIA KIM ĐỊNH**

[25 tháng 3 năm 1997]



T.G. Lương Kim Định (1914-1997)

**Chúng tôi viết cuốn sách này để tỏ Lòng
Kính mến và Biết Ơn đến**

CÔNG TRÌNH VĂN HÓA ĐỘC ĐÁO CỦA DÂN TỘC

TINH HOA VIỆT NHO & TRIẾT LÝ AN VI

**Minh sư đã để cả cuộc đời mới khai quật lên từ
lớp tro bụi Không và Thời gian qua 5000 năm Lịch sử.**

**Hy vọng toàn dân sẽ bảo trọng lấy QUỐC BẢO
và cùng nhau ngày càng làm cho phát huy rực rỡ thêm!**

Công Dân Việt Nho

NỀN TẢNG CỦA VĂN HÓA THÁI HÒA VIỆT

CON THOI “ LƯƠNG NHẤT TÍNH: ÂM / DƯƠNG HÒA “

THÊU DỆT NÊN TÁM THẨM

VĂN HÓA THÁI HÒA VIỆT NAM:

VIỆT NHO & TRIẾT LÝ AN VI

Lưỡng nhất tính : Dual unit: 2→1

The yin-yang symbol is a well-known symbol of duality that represents the balance between opposing forces. Âm Dương là biểu tượng nổi tiếng của tính nhất nguyên, trọng trung cho sự cân bằng giữa các cặp đối Cực .

As hinted at by the word "dual" within it, duality refers to having two parts, often with opposite meanings, like the duality of good and evil. If there are two sides to a coin metaphorically speaking, there's a duality. Peace and war, love and hate, up and down, and black and white are **dualities**

Như được gợi ý bởi từ "kép" bên trong nó, tính đối ngẫu đề cập đến việc có hai phần, thường có phần đối lập nghĩa, giống như sự lưỡng cực của thiện và ác. Nếu có hai mặt của một đồng xu, theo nghĩa ẩn dụ nói thì có tính hai mặt. Hòa bình và chiến tranh, yêu và ghét, lên và xuống, đen và trắng lành nguyên đen trắng lưỡng nhất là Nhất nguyên.

In spirituality, "duality" refers to the concept of two opposing forces or aspects existing simultaneously within a single entity, often represented as light and dark, good and evil, or the physical self and the spiritual self, highlighting the idea that seemingly separate forces are interconnected and necessary for balance and understanding within the universe. Trong tâm linh, "lưỡng tính" đề cập đến khái niệm hai lực lượng hoặc khía cạnh đối lập tồn tại đồng thời trong một thực thể duy nhất, thường được biểu thị dưới dạng Ánh sáng và Bóng tối, Thiện và Ác, hoặc bản thân Vật chất và bản thân Tinh thần, nêu bật ý tưởng rằng các lực lượng dường như tách biệt được Kết nối với nhau và cần thiết cho sự Cân bằng và hiểu biết trong vũ trụ.

BIỂU TƯỢNG LƯỠNG NHẤT TÍNH

TRONG NỀN VĂN HÓA VIỆT NAM

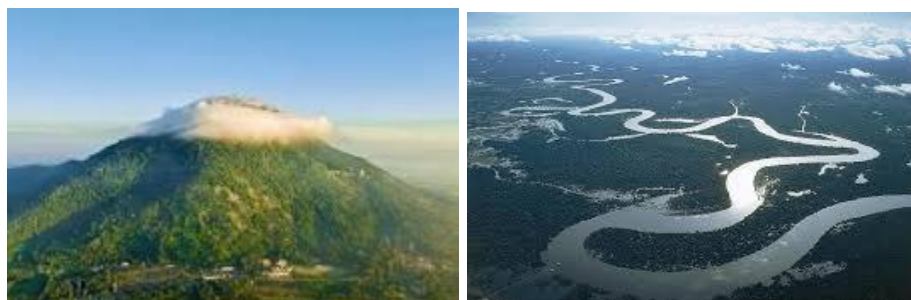
Núi Tản Viên, sông Hồng ở miền Bắc



Sông Hương Núi Ngự ở miền Trung

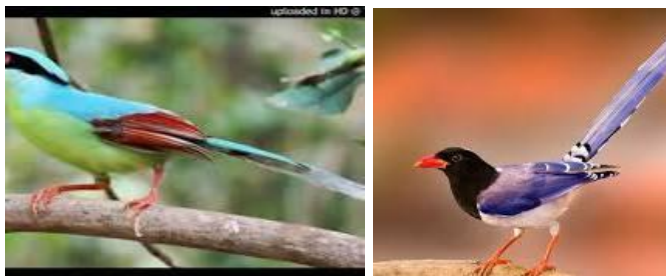


Núi Bà Đen Sông Cửu Long ở miền Nam



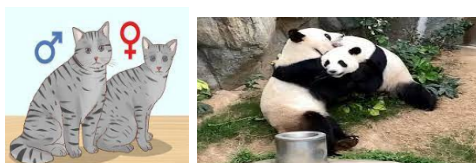
Tổ Tiên chúng ta đã cho biết là: ”Tại THIÊN thành Tượng, Tại ĐỊA thành Hình: Khi ở trên Trời thì mọi thứ đều trừu tượng, còn mọi thứ đã hiện ra ở Đất đều có Hình Cụ thể, nhưng Hình /Tượng (Thiên / Địa) vẫn lưỡng nhất, nên các Hình vẫn mang theo Hồn hay Tinh hoa của Trời Đất “

Các cặp **Đối cực** (opposite term) trong Vũ trụ



Cặp Chim **Loan** (Mái) Chim **Phượng** (Trống)

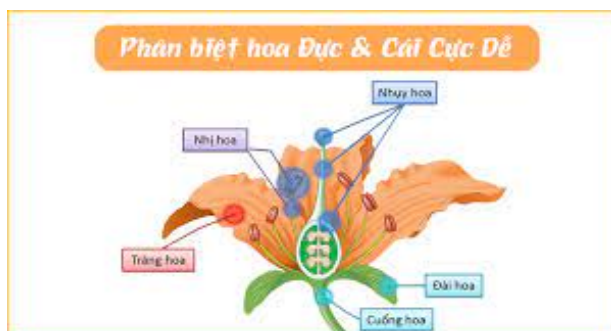
[Viên Ngọc Long Toại]



Cặp **Mèo** và **Gấu Trúc**



Cặp **Hươu Cái** / **Hươu đực**



Nhụy Cái / **Nhụy Đực**



Cặp Nữ / Nam



Vợ / Chồng



Biểu tượng Tiên / Rồng : Âm / Dương



Huyền thoại về Biểu tượng Tiên / Rồng 100 Trứng 100 Con

[Có gốc từ Hà đồ Lạc thư: 50 Âm + 50 Dương = 100] :

Nam Nữ BÌNH QUYỀN

Gia đình TIÊN / RỒNG phân cực để trau dồi Bản sắc Riêng NỮ / NAM



Huyền Tổ Mẫu đất 50 Con lên Núi cao yên tĩnh un đúc Đạo Nhân thành TIÊN

Huyền Tổ Phụ diu 50 Con xuống Biển sâu cực động trau dồi Đức Nghĩa thành RỒNG.

Khi sống chung trao hai Huyền Tổ trao Đạo NHÂN (Tinh) đổi NGHĨA (Lý) với nhau cho hài hòa khi đạt lưỡng nhất thì trở nên HÙNG DŨNG , có khả năng BAO DUNG mọi người mà sống HÒA vui với nhau.

Con Hùng Vương là Biểu tượng Tinh thần bất khuất của Dân tộc :

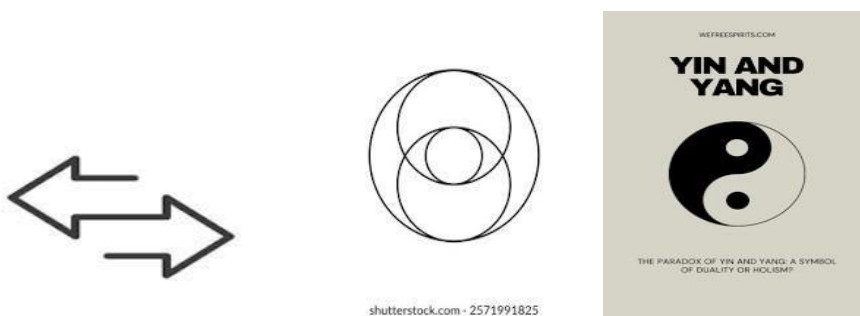
NHÂN NGHĨA ĐẠO DUNG



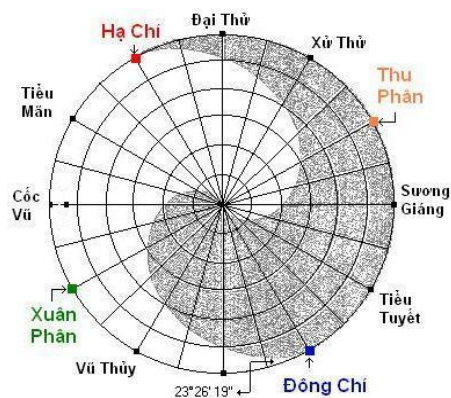
Đền Thờ QUỐC TỔ ở Tỉnh Phú Thọ

“ Dầu Ai đi ngược về xuôi

Nhớ ngày Giỗ Tổ mùng 10 tháng 3 (Âm lịch) “
CHÂM NGÔN TU THÂN ĐỂ DỰNG VÀ CỨU NƯỚC
MẸ: NON NHÂN / CHA NƯỚC TRÍ HAY NGHĨA
CON HÙNG VƯƠNG HÙNG DŨNG (: BAO DUNG)



Hình Biểu tượng Lương nhất tính (Duality: 2 → 1) : Dịch lý Âm Dương Hòa



Hình THÁI CỰC có được từ việc cắm Que Tre đo Bóng Năng

sốt 4 Mùa Xuân Hạ Thu Đông

Hình Thái cực Viên đồ trên cho ta thấy được :

Tiết nhịp Hòa 4 Mùa của Vũ trụ (Cosmic Rhythm)

hay

Bản Nhạc Hòa tấu của Vũ trụ
Rõ ràng là nền Văn Hóa Dân tộc
đã được Kết tinh từ những Biểu tượng ẩn chứa
TINH HOA TRỜI ĐẤT NƠI CON NGƯỜI.

DI SẢN VĂN HÓA VIỆT NAM

ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG HIỆN ĐẠI
[Góc Rễ Triết Việt]
(Kim Định)

“ Bài diễn văn phát biểu của Triết Gia Kim Định tại Hội Nghị Toàn Cầu về Triết Học lần thứ XVIII được tổ chức tại Brighton (Anh Quốc) từ ngày 21-27/08/1988 I.
[Chúng tôi trung thêm các Hình liên hệ để giúp hiểu rõ vấn đề hơn]

DI SẢN VĂN HÓA VIỆT NAM

CHỮ VIỆT

粵: Việt Mễ là Nho thời Bách Việt còn ở Lương Quảng

戍: Phủ Việt cái Búa Việt có khắc 2 Giao Long và 3 người nữ đội lông Chim

nhảy múa là Cơ cấu 2- 3 của Việt Nho .

越: Việt là Nho của người Việt thuộc nước Việt Nam có khả năng vượt khó khăn trở ngại thành siêu việt.

“ Di sản Văn hóa Việt Nam nằm gọn trong chữ VIỆT với ý nghĩa Siêu Việt, là nhảy từ hai Thái cực vào Một: từ Trời cao Đất thấp nhảy vào Người.
Các nhà nghiên cứu về Đông Nam Á thấy nét đặc trưng của miền này là lưỡng hợp tính (dual-unit) thì chính là nó: nét đó là kết quả của cái nhìn riêng biệt không xem hai đối cực như hai thực thể chống đối nhau, tiêu diệt nhau mà như là hai chiều bổ túc hỗ tương của một thực thể. Và đó cũng chính là Minh Triết, vì Minh Triết là gì nếu không là khả năng hội nhập hai thái cực.

MINH TRIẾT

Nói theo thực hành thì Minh Triết là nghệ thuật tối cao xếp đặt việc nhà việc nước thế nào để đem lại hạnh phúc cho mọi người.

[Minh Triết còn là làm cho Triệt thượng / Triệt hạ lưỡng nhất. “ Triệt thượng là Cao minh phối Thiên . Triệt hạ là Bác hậu phối Địa “]

Văn hóa Việt Nam đã làm được như thế xuyên qua gần năm ngàn năm lịch sử. Trong quãng dài lâu vô địch đó nó đã không hề mắc một mâu thuẫn nào: không Đẳng cấp, không Giai cấp; không có Chủ Nô, vì toàn dân đều được tham dự vào tài sản quốc gia, cũng như mọi người được Tự do Tư tưởng, Tự do Tôn giáo.

Cả đến hơn 54 sắc dân thiểu số với những tín tưởng rất khác nhau mà không hề xảy ra xích mích về đảng Tôn giáo. Đó là Di sản văn hóa Việt Nam, có thể gọi di sản đó là nền Triết lý Thái Hòa.

HUYỀN SỬ TIÊN RỒNG

2. Di sản nọ đã được thăng hoa vào trang Huyền sử diễm lệ của Âu Cơ Tổ Mẫu. Mẹ Âu Cơ lấy Bồ Lạc Long để ra cái bọc trăm trứng, nở ra trăm con. Đến lúc chia tay thì 50 con theo Mẹ lên Núi, 50 con theo Cha xuống Biển.

Bọc trứng trăm con chia ra 2 đoàn con đã được thăng hoa thành hình tròn O chia đôi bằng nét cong chữ S như ở sau. Đây là cái vòng tuyệt diệu trên đời không thể vẽ đẹp hơn, sâu xa hơn, bao trùm hơn được nữa.



Chữ S cong lượn hai đầu để chỉ trong Âm có chút Dương, trong Dương có chút Âm: tránh mọi tuyệt đối: tuyệt Âm hay tuyệt Dương.

[Maxima: The masculine principle within a Woman . Maximus: and The feminine principle within a Man. Carl Jung]

[Âm trung hữu Dương căn. Dương trung hữu Âm căn . Nho]



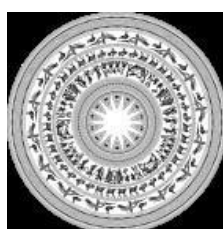
Người ta quen nói có hai loại Văn hóa: một nghiêng về Khoa học của Tây Âu, một nghiêng về Huyền niệm của Ấn Độ, vậy là quên mất loại thứ ba nghiêng về Thẩm mỹ của Đông Á thuộc Việt tộc mà Việt Nam có thể gọi là miêu duệ thừa tự.

Nếu ta biểu thị óc khoa học bằng hình Vuông màu trắng chỉ sự phân chia rõ rệt phân minh: có hay không dứt khoát.

Còn óc Huyền niệm bằng vòng Tròn màu đen chỉ cái không, cái Vô thể âm u, thì người ta sẽ biểu thị óc thẩm mỹ bằng vòng tròn gồm cả Đen lẫn Trắng, cả Có lẫn Không, yes and no... vì tính chất của thẩm mỹ là Hòa hợp là mềm dẻo.

Bởi vậy cái lần chia đôi vòng Tròn ra bên Đen bên Trắng không chạy thẳng chữ I mà cong lượn theo hình chữ S. Chữ S này đã xuất hiện lu bù trong trống Đông Sơn như sau:

ĐÔNG SƠN : DẤU CHỈ HÒA HỢP



Các học giả gọi là dấu Đông Sơn, nó chỉ trở tính cách hòa hợp mềm dịu của Thẩm mỹ và cũng là đức tính nổi vượt của Văn hóa Việt tộc

NÉT CONG DUYÊN DÁNG CỦA VIỆT TỘC

3. Nếu Ấn Độ nghiêng về Thiên Viên, Âu Tây thiên về Địa phương thì Việt theo cả hai: Thiên 3 Địa 2 (tham Thiên lưỡng Địa nhi ỷ số) và cả hai Vuông Tròn hợp lại

làm nên nét Cong. Vì nét Cong là dấu định tính Văn hóa nên tiền nhân đã hiện thực vào các vật dụng nhất là Nhà ở và Thuyền, cả hai đều mang nét Cong lớn để nhắc nhở con cháu phải lấy sự Hòa dịu làm lối sống ở đời.



Thuyền buồm hình cong Nhà mái Cong : Đình làng Đình Bảng: Nét cong duyên dáng của Việt tộc

Đời sống không được điều động bằng Pháp luật cứng đờ như sự vật mà phải bằng Lễ bằng Nhạc mềm dẻo nho nhã. Nhờ sự mềm dịu nho nhã đó mà nó hòa được cả hai bên Đen Trắng, bên Tròn bên Vuông.

Về sau Nho giáo gọi Vòng Tròn chia đôi nọ là Vòng Tròn Thái cực viên đồ.

Đó chính là Vòng tròn chu Tri hay vòng tròn Thái Hòa.

CẢNH THÁI HÒA

Chữ Hòa đây phải gọi là Thái Hòa vì nó là nguồn gốc mọi cái Hòa lẽ tẻ khác: -
Trong con NGƯỜI là Hòa Tình với Lý, Hòa Tâm với Vật... –

Trong GIA ĐÌNH là Hòa Vợ với Chồng hoặc Cha với Mẹ, hoặc Chị Anh với các Em... –

Trong XA X HỘI là hòa Nhân dân với Chính quyền, nên không có hai nền Văn hóa: một cho Chính quyền một cho Dân như ở các nơi. –

[Văn gia với Kinh điển Nho giáo, Chắt gia có Văn chương truyền khẩu cả hai đều là Nhân Nghĩa Bao dung]

Trong NHÂN LOẠI là Hòa giữa các Nước để làm nên cuộc Thái Bình đưa đến mỗi Tình Huynh Đệ phổ biến. –

Trên cấp SIÊU HÌNH là Hòa Có với Không, Vô với Hữu, chứ không duy Hữu kiểu Hữu thể học ontology của Tây Âu, hay duy Vô kiểu Vô Nhị advaita của Ấn Độ.

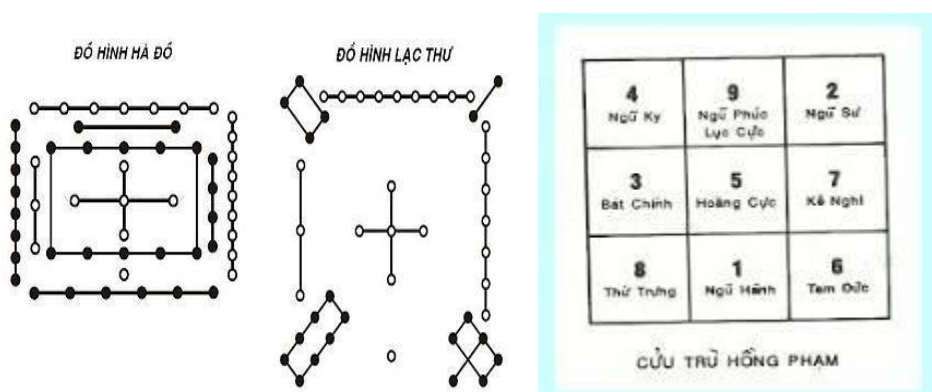
HAI NÉT ÂM DƯƠNG HÒA HỢP

Những biểu hiệu độn nguyên này đã kết tinh vào quyển Kinh Dịch thành bởi hai nét Âm / Dương, Khôn / Càn, Mẹ / Cha.

HỌC / HÀNH, NÓI / LÀM, CHẴN / LẼ

4. Những biểu hiệu trên luôn luôn hòa hợp với nhau để sinh ra rất nhiều biểu hiệu kép để chỉ việc làm theo sau lời nói, hay là Hành đối với độn trước là Học để hai chữ Học Hành đi đôi.

KHUNG CHỮ TỈNH LÀM RA: CƠ CẤU NGŨ HÀNH CỬU TRÙ HỒNG PHẠM HÀ ĐỒ LẠC THƯ



Hai biểu hiệu Âm Dương cũng được diễn bằng số Chẵn số Lẻ. Chẵn chỉ Âm, Lẻ chỉ Dương, rồi các số lại được đặt vào khung chữ Tỉnh 井 để làm ra cơ cấu Ngũ Hành, và các đồ án kép khác như Hồng Phạm, Cửu Trù, Hà Đồ, Lạc Thư sẽ được quảng diễn trong tập sách nhỏ kèm theo. Mới coi tưởng rất phiền toái nhưng tựu trung cũng chỉ là diễn tả sự hội nhập hai mảnh Đen Trắng lại một cách rất tài tình, nên đó chẳng qua là những phát triển từ cái bọc Âu Cơ Tổ Mẫu. Tất cả đều chứng minh rằng Văn hóa Việt đã đạt Đạo, hay đạt Minh Triết tức là nó đã thực sự hội nhập được hai đầu thái cực để tạo ra nếp sống hạnh phúc cho dân Việt như được ghi lại trong Sử ký suốt nhiều ngàn năm qua: cả của Tàu hay Việt Nam hoặc các chi khác của Việt tộc từ Hàn, Nhật, Đài Loan xuống đến Phi, Mã, Ấn Nê, Miến, Lào, v.v...

ĐỜI SỐNG HIỆN TẠI: VÔ HỒN VÔ HƯỚNG

5. Đời sống hiện tại là cuộc sống vô Hướng vô Hồn, ví được như con tàu giữa biển khơi mà thiếu bàn La kinh để hướng dẫn, thiếu Bến bờ để tới lui.

Nói khác là thiếu Minh Triết. Sự thiếu đó được biểu lộ bằng sự thiếu vắng các đồ án chỉ tổ nền thống nhất cách bao trùm như nét Lưỡng hợp mà chỉ có những Triết lý Duy Lý bất lực nên cuộc sống phải nhờ đến sự hướng dẫn của Tôn giáo, của Pháp hình và Luân lý. Trên cấp Siêu hình thì vẫn không sao hàn gắn được nhất chẻ đôi luôn luôn đi máu (bleeding dichotomy).

Trong thực tế không sao xóa bỏ nổi Giai cấp đấu tranh.

TRIẾT LÝ THÁI HÒA

Như vậy thì đời sống nay cần một số điểm như sau:

6. a. Trước hết một nền Triết lý Thái Hòa để làm nền tảng cho cuộc thống nhất hòa âm giữa Đông Tây, giữa Kim Cổ, thống nhất cả về Đạo lý lẫn Chính trị và Kinh tế..

. b. Cần một nền Chu tri toàn diện gồm cả Hữu cả Vô thay cho cái học nay một chiều hoặc Duy Hữu hoặc Duy Vô không đủ rộng để hội nhập được cả hai bên thành một. Thành thử Giáo dục toàn sản ra những con người tản mát fragmentary, split personality. Nước chỉ có đến Hiến Pháp trên không có Đạo nào hết.

c. Một nền Triết lý thiết thực cụ thể, dẫn tới Tác hành thay cho những Triết lý trừu tượng: nói nhiều làm ít.

Một hướng sống hay một Chủ Đạo để đem lại ý nghĩa cho đời đặng có được một cuộc sống tươi vui thay cho Triết học khắc nghiệt buồn thảm từ trước tới nay.

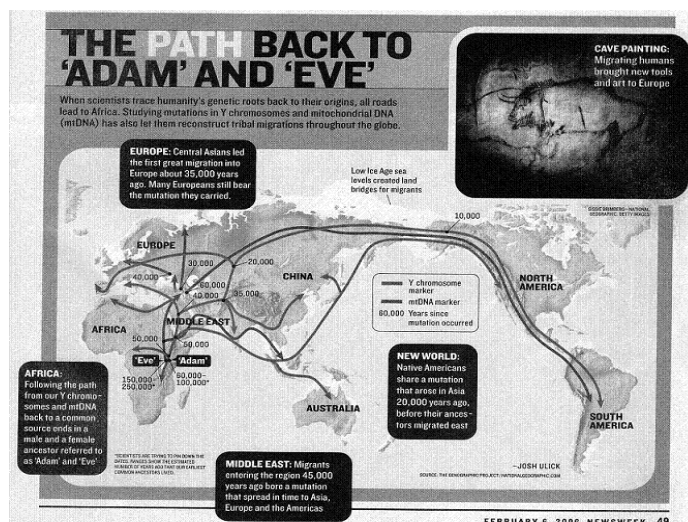
d. Một Tình Huynh Đệ phổ biến để con người xử với nhau như anh em cùng một nhà: yêu thương tương trợ thay vì tranh đấu căm hờn.

Tất cả mấy điều vừa kể trên đây đều tìm được sự đóng góp trong Di sản Văn hóa Việt Nam. Tây phương quá khoa học nên mất nội Tâm. Đông phương Duy Huyền niệm nên quá nghèo. Đã đến lúc phải cộng Vương Khoa học với Tròn Huyền niệm lại một. Và con đường hội nhập phải chăng là nét Cong thắm mỹ trong Nghệ thuật sống?

Dẫn Nhập Về Văn Hóa Việt Nam

TỪ VIỆT TỚI NHO

1. Văn hóa Việt Nam cho tới nay thường bị coi như cái gì không đáng kể, nhưng nếu nghiên cứu thấu triệt sẽ thấy nó là một Trung tâm Văn hóa không những cao siêu và thực tiễn của Đông Á mà còn kiêm luôn cả Thái Bình Dương ăn sang tận Mỹ Châu từ Alaska qua Vencouver xuyên qua Mexico (Astec, Maya) cho tới Peru.
2. Về phía Tây bao Ấn Độ và xem ra cả Sumer rồi từ đó đi vào Ai Cập và Âu Châu.



Path back to Adam and Eve

Đường Thiên di của Nhân loại từ Đông Phi qua Trung Đông, Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ, Châu Úc

[T.G. Kim Định đã sớm phát hiện ra Con tàu Văn hóa thế giới đã đi từ Nam lên Bắc chứ không theo như tin tưởng xưa từ Bắc (Trung Hoa) xuống Nam (Việt Nam . Việt Nho là gốc của Hán Nho , chứ không phải Trung Hoa đem gốc Hán Nho khai hóa cho Việt Nam. The path to Adam and Eve cho ta thấy rõ điều đó) .

Cuối cùng với Tàu hay Khổng Giáo thì quá rõ ràng, nhưng không ai ngờ đến liên hệ từ Việt tới Nho đó.

Chính vì sự thiếu sót này mà cho tới nay các Học giả về Nho cả Tàu lẫn Tây Âu chưa sao dựng nên được một nền Chủ đạo để đáp ứng cho lời đề nghị của Hội nghị Triết ở Honolulu 1949 tính đưa Khổng Triết ra làm Nhạc trưởng để hướng dẫn cuộc Thống nhất Hòa âm giữa Đông Tây Kim Cổ.

Tình trạng bế tắc đó một phần tại các Học giả còn giam mình trong biên giới nước Tàu, lấy từ đời Tần Hán mà gán cho những thời đầu: ít ai nhận thức rằng Tàu mới mạnh nha từ tộc Thương quăng thế kỷ 15 trước tây lịch.

VIỆT: CHỦ Ở ĐỢT VĂN HÓA SIÊU VIỆT TÀU CHỦ ĐỢT VĂN MINH

Đang khi Nho đã thành lập xong ít ra từ vài ba ngàn năm trước ở Việt tộc. Tàu cũng là miêu duệ của Việt tộc nhưng xét như Dân tộc thì chỉ làm chủ Nho ở đợt Văn minh tức

Nho đã thành tựu đầy đủ chứ không trong giai đoạn Văn hóa dùng nhiều Biểu tượng và Huyền thoại, chưa hẳn thành Văn, nhưng lại giàu khả năng Sáng tạo.

VIỆT NHO VỚI NGUYÊN LÝ LƯƠNG HỢP

1.- Vì thế muốn hiểu Nho thấu đáo, hiểu đến độ có thể rút ra từ đó những Nguyên lý hợp thời để dựng nên một nền Triết mới, một Đạo sống khả dĩ chỉ dẫn đời sống hiện đại, thì phải tìm hiểu Nho ở đọt đầu mà tôi gọi là Việt Nho.

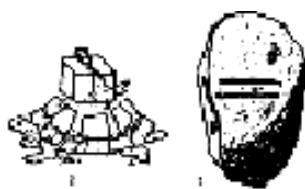
Xin nhắc lại chữ Việt đây có 3 nghĩa, một nghĩa chính nổi bật và chi phối toàn bộ Văn hóa là siêu việt, còn hai nghĩa sau chỉ là tùy thì một là Việt Nam, hai là Việt tộc là tên đại chủng.

Chữ Việt này có lâu trước cả chữ Bách Việt gặp thấy ở sách Cổ Tào như Kinh Thu, Ngô Việt Xuân Thu... Hiện người ta còn tìm được một di vật quen gọi là Phủ Việt hay cây Việt đặc biệt ở chỗ có khắc hình đủ để biểu lộ căn tính nền Văn hóa Việt cách rất Việt nghĩa là cách sâu xa đầy đủ. Theo hình vẽ trong đó thì có thể tả người Cổ Việt là "dân có cánh và ưa dùng số 5". Hai điểm này vừa là dấu để nhận diện người Cổ Việt, đồng thời cũng là dấu chỉ đường cho biết tinh hoa Văn hóa Việt ở đâu, nó sẽ giúp hiểu được mấy điểm mà các nhà khảo cứu từ trước tới nay vẫn cho là "bí nhiệm" như:

TINH HOA VĂN HÓA VIỆT “ẨN TÀNG” NƠI CỔ VẬT CỔ NGHỆ

Cổ Vật

Hai gạch Bắc Sơn.



Hòn Sỏi Bắc Sơn với 2 nét khắc song song

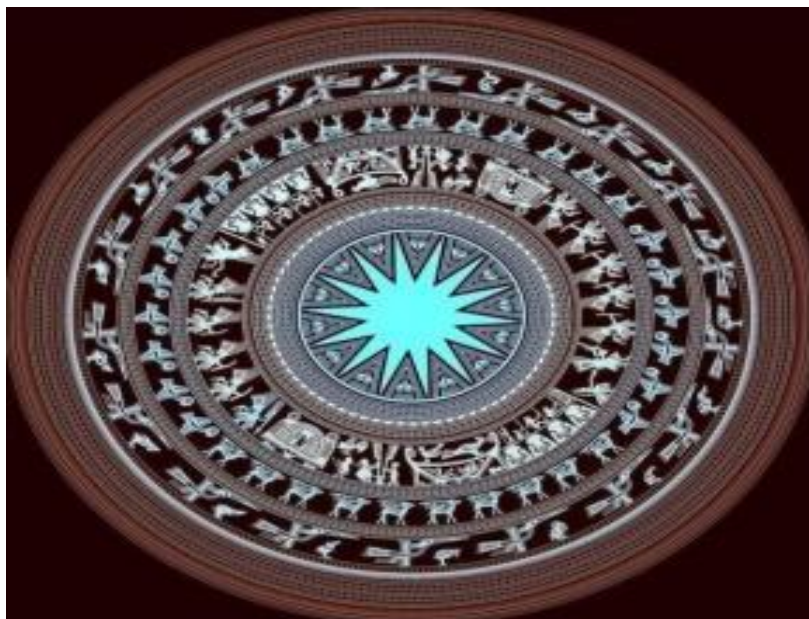
2 đường song song thì gặp như ở Hình học Riemann (Hình học Mặt cầu) nhưng không đập nhau ở Hình học mặt phẳng Euclid

T.G. Kim Định gọi là “nét song trùng lưỡng hợp” hay nét “Lưỡng nhất” (Dual unit: 2 → 1)

Nét Lưỡng nhất của các cặp Đối cực trong nền Văn Hóa là Sợi Chỉ Hồng liên kết Cơ cấu Việt Nho thành Hệ thống Cơ thể (organic System) theo Mạch lạc nội tại (Coherence interne)

Cổ nghệ Trống Đồng Đông Sơn

Dấu Đông Sơn.



2 vòng ngoài gồm Chim Muông tượng trưng cho ĐỊA

3 vòng ở Trung tâm tượng trưng cho THIÊN

Hình 14 tia của 1 trong 2 Tuần Trăng của một tháng tượng trưng cho Âm

Hình tam giác Góc giữa hai tia của ngôi sao có cái Bui với 2 chấm tròn tức là Ngọc hành tượng trưng cho Dương

1 Vòng giữa Thiên Địa gồm người đội lông Chim nhảy múa tượng trưng cho NHÂN

3 Vòng giữa tượng trưng cho Âm Dương : DỊCH LÝ ÂM DƯƠNG

THIÊN- NHÂN- ĐỊA : TAM TÀI

Trời Đất in Ta một chữ Đồng

(Trần Cao Vân)



Biểu tượng Tam Vị Nhất Thể (Trinity)

SỐ 2: DỊCH LÝ ÂM DƯƠNG HÒA

SỐ 3 : TAM TÀI

SỐ 5 (2 + 3 = 5) NGŨ HÀNH

VĂN THAO THIẾT



Thao Thiết biến ra Rồng

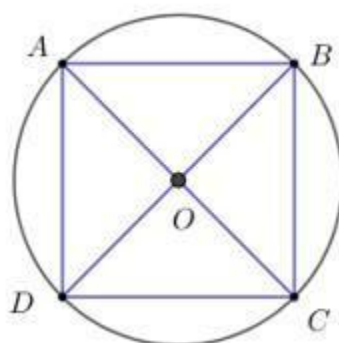


Văn Quy Long

Qui củ...



Nữ Oa cầm cái Quy vẽ Vòng Tròn, Phục Hy cầm cái Cử vẽ Hình Vuông



Nữ Oa Phục Hy nối đuôi nhau cho hình ảnh **Mẹ Tròn Con vuông**

[Tròn Vuông giao thoa thành **hình Vuông ngoại tiếp**]

TINH HOA CỦA TÊN VIỆT

4.- Điều làm cho Văn hóa Việt bị quên là tại nó đã thể hiện đúng ý nghĩa cái tên của nó là Việt theo nghĩa Siêu việt. Vì vậy **Tinh hoa của nó chỉ tìm ra được ở chỗ Siêu việt** chứ không trong những Di vật thù lù hay những Nghệ thuật đồ sộ, ở đây phải tìm trong dăm ba Biểu tượng thí dụ "có Cánh" Vài Ba "lược đồ bằng Số độ" rồi phải tự đó suy luận ra kiểu Triết siêu hình, Cơ cấu, Uyên tâm (Tâm lý miền sâu) v.v... chứ chỉ đi theo kiểu Khảo cổ: Rìu có vai với Rìu chữ nhật, rồi đo Sọ, đo Xương, đầu Tròn với đầu Dài... thì không thể nào thấu tới Cốt tủy của nền Văn hóa này được.

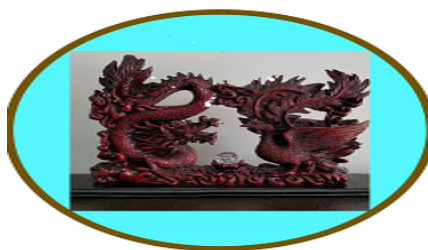
May thay hầu hết các Học giả nay đã theo lối ông Groslier bỏ đường lối vụ Mắt đó. Lối vụ Mắt khiến người ta không tìm được những cái Tế vi Siêu hình. Có nhiều Học giả đã

định nghĩa Văn hóa Việt là Văn hóa Biểu tượng (emblématique). Chữ này theo nguyên nghĩa thì không những Biểu thị, mà còn là Hiện thực.

Trong loạt bài này tôi sẽ thử đi theo lối đó và xin nói lại là embleme không có tính cách biểu thị trang trí mặc dầu có rất nhiều Hình, nhưng các Hình đó phải là những Bàn nhún khác nhau để siêu lên, để vươn tới Thực thể u linh không hiện hình.

Có thể kể ra đến 5 loại biểu tượng hay đồ án như sau:

1. TIÊN RỒNG



Biểu tượng Tiên / Rồng

2. CÂY PHỦ VIỆT

Trên có 2 Giao long giao chân
Dưới có 3 Người đội lông Chim nhảy múa



Phủ VIỆT được khắc Bộ số Huyền niệm 2 – 3
[2 Giao long giao thoa 3 người Nữ đội lông chim nhảy múa]

3. SÁCH ƯỚC

2 trang Hỏa Mộc và 3 trang trống trơn

4. GẬY THẦN 9 ĐÓT

1 – 2 – 3 – 4 – 5 – 6 – 7 - 8 - 9

Ai biết bấm vào số 5 thì hiểu được lẽ Sinh Tử

5. TRÔNG ĐỒNG

“ Chúng tôi gọi là loại vì mỗi loại mỗi tầng bao gồm nhiều tượng hình như sẽ xem sau.

Vì thế đây không là những trang cổ Sử hay khảo cứu chỉ đọc cho biết như những kỷ niệm mà là những Giá trị cần được phục hoạt. Đây không là Sử ký để đi tìm những niên kỷ hay những địa danh đích xác, nhưng là những trang Huyền sử mà giá trị của nó là khơi lên những ý niệm, những cảm xúc, càng gợi lên những ý niệm, những cảm xúc, càng gợi lên cách thấm thía nồng nhiệt thì càng có giá trị. Vì nó sẽ giúp vào việc quang phục lại được một Đạo sống đã tỏ ra rất hữu hiệu vì đã trường tồn suốt thời gian dài dằng dặc quen gọi là bốn ngàn năm Văn hiến mà sự thực có thể là vài ba chục ngàn năm vì những ấn tích đầu tiên như mang cánh chim, thờ Tổ tiên, kính mến Mẹ đã gặp thấy từ Văn hóa Hòa Bình, mà Hòa Bình quang muện nhất cũng là 12 ngàn năm, còn sớm thì phải từ 50 ngàn năm. Các nhà nghiên cứu cho rằng phải có từ vài ba trăm năm trở lên mới đủ cho một ý lực lắng đọng thành Biểu tượng rồi Biểu tượng thành Đồ án (diagrams). Vậy mà Văn hóa Việt đã để lại đến 5 tầng đồ án với những hình Thái cực phong phú, mà vẫn liên kết với nhau cách cơ thể, nên tôi cho là 5 tầng phát triển của một thực thể. Đây là những ấn tích hết sức cao đẹp phải được gọi là bấy nhiêu lâu dài của một nền Văn hóa cổ kính nhất của loài người đã một thời lan rộng khắp hoàn vũ. Với người Việt lưu vong đang bơ vơ trước 12 bến nước, với tất cả con người hiện đại đang đói khát tinh thần vì những niềm tin cũ đóng hộp đã quá hạn, đã cạn hết chất dưỡng nuôi... tất cả đang cần một Bản đồ linh thiêng với một Đối tượng phụng sự. Vậy sự tìm hiểu Văn hóa Việt tạo nhiều cơ may giúp ta tìm thấy được hai điều đó hơn đâu hết. Và xin nhắc rằng tìm hiểu Văn hóa Việt Nho không còn là để thỏa tính hiếu tri để mà tưởng nhớ như một kỷ niệm, mà chính là những Giá trị Nhân bản tinh tuyền

cần được phục hoạt ngay trong bản Thân mình, cho Nước mình, cuối cùng cho cả Nhân loại trên khắp cõi đất “

SÁCH ƯỚC

1. Sách ước chính là Thánh kinh của Việt Nam, một kinh Vô tự: không có chữ, chỉ có 3 trang trống trơn, nhưng hai trang đọc được có tên là Hỏa và Mộc. Sách được ban cho Thần Tản Viên khi xuống thăm Lạc Long Quân dưới thủy phủ.

Hỏa

-

Mộc - X - x

-

x

Sách Ước Lạc Long ban cho Thần Tản Viên

Đây là quyển sách Gia truyền được ông cha trao lại cho con cháu, trao dưới đáy Biển tức chỉ những điều chép trong sách nằm trong vùng Tiềm thức cộng thông của đại chúng. Truyền thống Tâm linh nhân loại thường dùng lòng Biển để chỉ những Chân lý thâm sâu cao cả. Những Chân lý trong sách Ước được diễn tả bằng ba ẩn ngữ:

TIÊN RỘNG , ẨN SỐ 2-3 NÉT CONG

Sách Ước nói lên nguồn gốc Văn hóa Việt phát xuất từ Thái Bình Dương như được kiện chứng bằng truyện Hiền triết Tanê lên thăm kho trời được ban cho 2 Hòn đá quyền lực và 3 thúng Khôn tức cũng cùng dùng hai bộ số 2-3 như sách ước (2 trang Hỏa Mộc: Hỏa số 2, Mộc số 3).

Hiền triết Tanê ở đảo Đanê tức giữa lòng Thái Bình Dương y như Lạc Long Quân. Chắc vì nguồn gốc biển cả này mà Việt Nam gọi Quê hương là Nước. Nước Việt Nam: "Water Việt Nam" nói lên liên hệ với Biển rõ ràng. Để hiểu được nội dung sách Ước cần phải hiểu hai trang Hỏa Mộc là gì tức là phải hiểu Ngũ hành ra sao, vì Ngũ hành thành bởi hai bộ số 2-3 làm gốc.

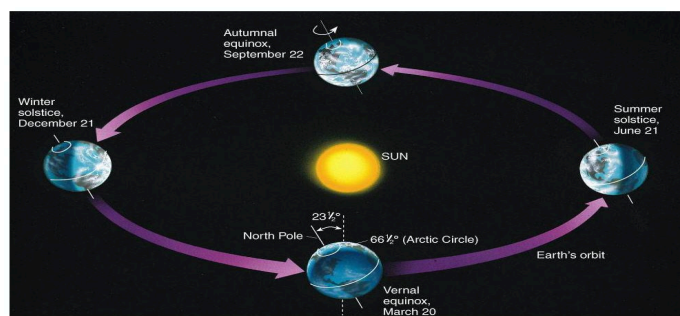


Huyền thoại Maori tại Thái bình dương
 Thần Tane lên thăm Kho Trời được ban cho
 3 thúng khôn ngoan và 2 Hòn đá linh thiêng (Quyền lực)
 [3 baskets of knowledge and 2 sacred Stones]

2.- Hãy xem cơ cấu Ngũ hành (hình) sẽ thấy xương sống của toàn bộ Văn hóa Việt mà cũng là của Đạo Nho nằm trong ba số 2-3-5 nên muốn hiểu Việt Nho cách thấu triệt thì phải hiểu về Ngũ hành, đó cũng là bí quyết của gia tộc.
 Như vậy phân tích Ngũ hành có nghĩa là phân tích Việt Nho trong đợt tinh hoa nhất và sơ dĩ sau Khổng Tử, Nho bị cho là thất truyền, thì một phần cũng tại Ngũ hành không được khởi công nghiên cứu về mặt Cơ cấu.”

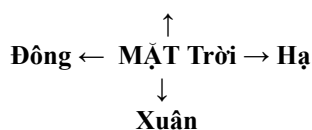
(Kim Định)

Phương vị Tinh đầu

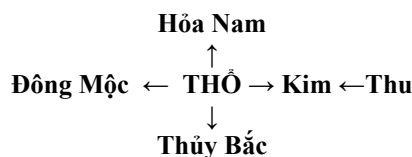


Lieu sidéral Lois des précessions (Tả nhậm: Anti- clockwise)

Thu



[Quả Đất quay xung quang mặt Trời theo chiều Tả nhậm (anti- clockwise)



Khi Mặt nhìn về Hướng Nam (hành Hỏa của Việt Tổ Viêm Đế Thần Nông) , thì chỗ đứng là phương Bắc , quay về phía Tả nhậm ghi phương Đông , quay qua Tay phải ghi phương Tây. Nếu ta đứng ở phía Nam thì Đông sẽ quay qua tay Phải.

NGŨ HÀNH

“Tuy Nho có nói nhiều nhưng toàn theo lối ma thuật kiểu Âm Dương gia tức trật đường rõ rệt. Vậy nét nổi bật trong Ngũ hành của Việt khác với "ngũ hành" các nơi ở chỗ có **VÔ THỂ** nằm vùng ngay trong giữa gọi là Hành **THỔ**, đó là điều không mấy ai để ý tới vì nó diễn tả bằng số và hình cái nét đặc trưng của Đông Nam Á là **Lưỡng nhất (dual-unit) hai mà một**: nếu hai là hai, một là một thì dễ, là sự thường. Đàng này oái oăm ở chỗ hai mà một, một mà ba. Hai đây cũng là Có với Không một trật, Có với Không khác nhau như Trời với Đất, Nước với Lửa. Vậy mà Việt Nho bảo là một, khác biệt bao với Duy Vật chỉ có Hữu, Duy Tâm chỉ có Vô, Việt thì cả Hữu cả Vô một trật.

Chân lý đó còn được kết thành đồ án mới lạ ở chỗ vẽ ra cái không được mới tài, bởi không thì Vô hình làm sao mà vẽ. Vậy mà Việt Nho vẽ được đấy, đó là nhờ cái khung **Giếng Việt**. **Giếng Việt?** Lại một cái vô lý nữa!

Việt Tĩnh

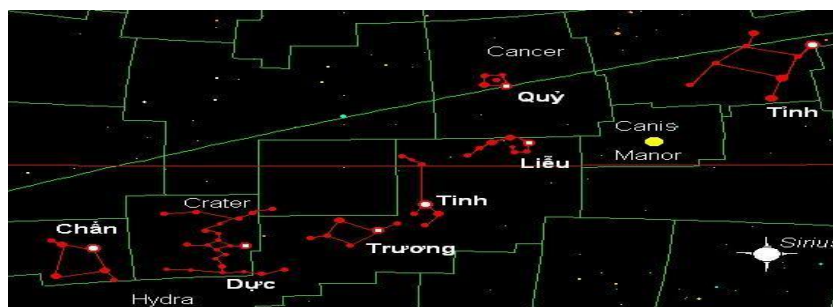


Giếng Việt

Giếng thì đâu chả có, việc gì mà giữ của Việt?

Thưa gọi là Giếng Việt vì nó khác với giếng thông thường ở chỗ bao gồm cả Có với Không. Có hay Hữu biểu thị bằng 4 thanh gỗ đặt bốn chung quanh miệng giếng, còn Vô được biểu thị bằng miệng giếng tròn, dân chúng quen nói về giếng rằng "bằng cái sàng ba làng ăn không hết".

Ba làng đây chỉ cả Đạo Đất, Trời, Người, cùng tham dự vào cái Vô ở giữa gọi là vô biên, vô bờ, vô bên, vô cùng. Vì lối đặt 4 thanh gỗ nên có ba tầng chỉ Trời Đất Người mới gọi là Giếng Việt, và Tổ tiên Việt đã đưa lên Trời trước bạ giữ bản quyền không ai được in lại bằng đặt tên cho ngôi sao Đẩu của chòm sao phương Nam gồm 7 sao là Tinh, Quỷ, Liễu, Tinh, Trương, Dực, Chân. Sao Tinh có hình Việt Tinh. Thế là có đủ khung đủ số rồi, chỉ còn việc đếm số đặt vào khung nữa là ra cơ cấu Ngũ hành như sau:



Thất Tinh: Tinh, Quỷ, Liễu, Tinh, Trương, Dực, Chân

Đó là xương sống của Việt cũng như của cả Nho. Trong đó số 5 ở trung cung Hành Thổ chơi vai trò then chốt bằng đem lại cho 4 hành chung quanh sự phong phú vô biên, miễn biết khai giếng đúng cỡ, nhưng người sau chưa bao giờ xét tới Ngũ hành như Cơ cấu hết mà chỉ xét theo câu nói: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ thành ra quên vị trí trung ương của Thổ, nên cũng đánh mất luôn phần nhiệm màu của Việt Nho. Vì Thổ ở trung cung đại diện cho Vô thể hay muốn nói cách tích cực là cả Toàn Thể, người ta quen dịch là Đất. Sự thật thì không phải là Đất mà là cái Đức của cả Đất Trời cùng hàm tàng trong đó.

Người sau không để ý tới chỗ tế vi đó nên khinh dễ Hành Thổ coi như bà con nghèo, vì Hành Thổ chẳng có chi hết. Bốn hành chung quanh đều có phương, có mùa. Hành Mộc số 3 có phương Đông, mùa Xuân, màu xanh.

Hành Hỏa số 2 có phương Nam, mùa Hạ, màu đỏ.

Hành Kim số 4 có phương Tây, mùa Thu, màu Trắng.

Hành Thủy số 1 có phương Bắc, mùa Đông, màu đen.

Thật ra Thổ không có phương mà cũng chẳng có mùa nên phải đi xin 4 hành kia tí đuôi là tuần cuối đưa về làm vốn gọi là "Tứ Quý". Túng đến nổi bị gọi là "hành vô hành, Địa vô Địa". Thảm thương chưa?

Sự thực thì quan trọng chính lại nằm trong Hành Thổ, như câu phương ngôn quen nói "Trung hòa cực thịnh hồ Ngũ". Lý Nhân Tôn gọi là "Hành Thổ phu Nhân" vì Thổ đại diện Nguyên lý Mẹ là cái làm cho Văn hóa Việt trường tồn miên viễn.

Ông Paul Mus nói Việt Nam không bị Tàu đồng hóa là nhờ lễ Gia Tiên và Thổ thần. Thổ Thần đây chính là Hành Thổ đại diện cho Vô thể để lập thế quân bình với Hữu Thể. Đang có niềm tin là cuối thế kỷ 20 này mọi nền Văn hóa đều sụp đổ hết như có một số học giả đã từng chủ trương, nhưng trừ Văn hóa Việt, nó sẽ còn tồn tại mãi. Bài sau tôi sẽ nói về mấy đức tính làm cho Văn hóa Việt có tính cách trường tồn ra sao. Ở đây xin hãy nhận xét điều này là các "Ngũ hành" khác không là "Ngũ hành" mà thường là "Tứ Tố: Đất, Nước, Gió, Lửa" với khuyết điểm rất lớn là thiếu Vô thể, nên mất Quân bình sơ nguyên, trở nên một chiều kích. Aristotle đã hé thấy điều đó nên cố thêm vào yếu tố thứ năm (quinta essentia) là Ether nhưng thử máu thì thấy cùng loại máu Hữu y như 4 tố kia, tức Ether cũng là khí có tinh tế hơn nhưng còn nằm trên bình diện Hữu chưa vào bình diện Vô. Đàng khác tứ tố thiếu sự kết hợp với phương, mùa, màu, sắc, vị v.v... nên không diễn tả được tính cách "Thiên Địa nhất thể" như Ngũ hành và do đó tứ tố có tính cách cố định không tăng trưởng được như Ngũ hành để biến ra các đồ án sau như Hà Đồ, Lạc Thư, Hồng Phạm, Cửu Trù, thành ra chẳng có giá trị gì hết trọn,

SÁCH ƯỚC

1.- Là sách Lạc Long Quân ban cho thần Tản Viên khi xuống

thăm Thủy phủ. Sách có 3 trang không chữ. Thần đọc hai trang Mộc và Hỏa.

Lại ban cho Gậy Thần 9 đốt để làm nhiều việc ơn ích cho đời, gọi là phép cai trị Cửu Lạc mà Trang Tử khen rằng "Cửu Lạc chi sự trị thành đức bị".

Ai cầm vào được đốt 5 thì coi sống chết như nhau".

2. Để hiểu truyện Sách Ước ta hãy phân ra số 2, 3, 5. Số 2 ẩn trong trang Hỏa chỉ hỏa lực, sức mạnh. Đây là con số đã xuất hiện đầu trước hết với Tiên Rồng, rồi thăng hoa nhiều cách, cuối cùng thành nét Song trùng ở Bắc Sơn, gọi là số Lương hợp hay Lương nhất dual-unit không một dân nào khác có cả.

3. Kể tới là số 3 cũng được quan trọng hóa như thấy nơi cái Chạc (đồ tùy táng giống cái ly uống nước) bao giờ cũng tìm được đi bộ ba, đi theo tục đốt 3 nén hương, rót 3 chén rượu, ba cấp bàn thờ.

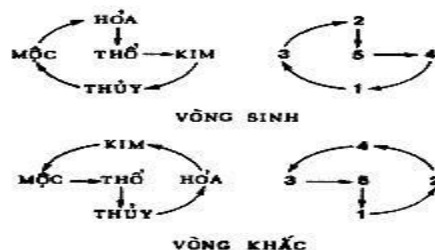
4. Con số 3 quan trọng đến độ định tính sự vật nên biến thể nhiều vật như Cóc và Chim tìm được ở Đông Sơn có miệng nhọn (tức ba góc) Gà ba chân, Cóc cũng ba chân để lên chức cậu ông Trời (phải rụng một chân).

5. Ngũ hành là số 5 đặc biệt được xếp theo khung Việt tỉnh (giếng Việt) gọi là Giếng Việt vì có 4 thanh gỗ đặt quanh miệng giếng Tròn, mức không bao giờ cạn.

Việt đi với Tỉnh đã được ghi trên Trời trong chòm 7 sao phương nam là Tinh, Quỷ, Liễu, Tinh (điều), Trương, Dực, Chấn.

Trong Ngũ hành số 3 Đông, xanh, Xuân; số 2 Nam, đỏ, Hạ; số 4 Tây, trắng, Thu; số 1 Bắc, đen, Đông; số 5 Trung cung, Vàng, "hành vô hành, địa vô địa". Văn minh Đông Á số 2, 3, 5; Văn minh tây bắc 4-1 Văn minh Ấn độ 1-4; Ngũ hành biến ra Gậy thần bằng 2 vòng.

6. Vòng sinh đi theo kim đồng hồ: Kim Thủy Mộc Hỏa Thổ 4 1 3 2 5



7. Vòng khắc ngược đồng hồ: Thủy Hỏa Kim Mộc Thổ 1 2 4 3 5

8. Vòng trong từ 1-5; Vòng ngoài từ 6-9

9. Hồng Phạm là mọi việc (ở 4 góc và mang số chẵn) đều phải theo mẫu lớn (Hồng Phạm) là Ngũ hành đặt ở giữa. 4 9 2 3 5 7 8 1 6

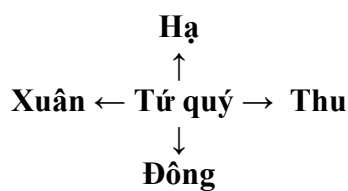
Cơ cấu của Nho qua BẢNG =NGUYỆT LỆNH

Ngũ Hành	Thủy	Hỏa	Mộc	Kim	Thổ
Thời Tiết	Đông	Hạ	Xuân	Thu	Tứ quý
Ngũ Phương	Bắc	Nam	Đông	Tây	Trung ương
Ngũ Tạng	Thận	Tâm	Can	Phế	Tỳ

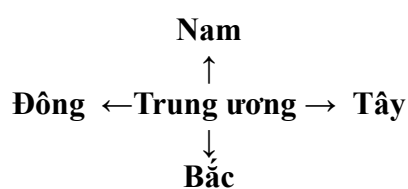
Tác Dụng	Thị giác	Thính giác	Cử chỉ	Ngôn ngữ	Tư duy
Ngũ Sắc	Đen	Đỏ	Xanh	Trắng	Vàng
Ngũ Vị	Mặn	Đắng	Chua	Cay	Ngọt
Ngũ Cung	Vũ	Chủy	Giốc	Thương	Cung
5 Số	6	7	8	9	5
Thiên Can	Nhâm-Qu ý	Bính-Đin h	Giáp- Ất	Canh-Thâ n	Mậu-Kỷ

**Cơ cấu của Nho được sắp xếp
THEO KHUNG HÒA NGŨ HÀNH
(THEO BẢNG NGUYỆT LỆNH)**

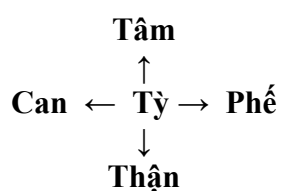
1.- Cơ cấu Thời gian



2.- Cơ cấu Không gian



3.- Cơ cấu Ngũ tạng

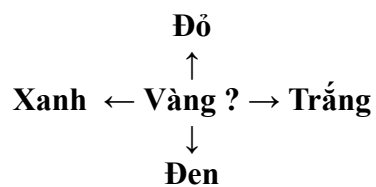


4.- Cơ cấu Ngũ quan: (Tư duy)

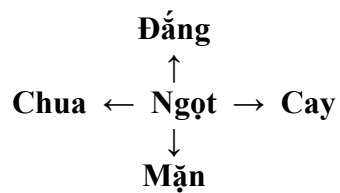
Thính giác



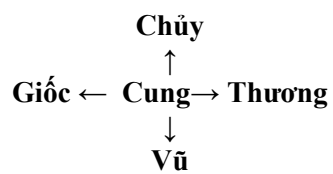
5.- Cơ cấu Ngũ sắc (Hội họa)



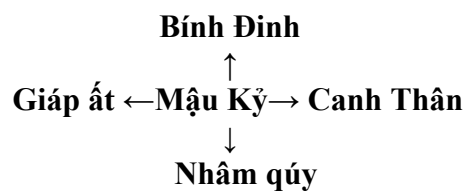
6.- Cơ cấu Ngũ vị (Ẩm thực)



7.- Cơ cấu Ngũ cung (Nhạc)

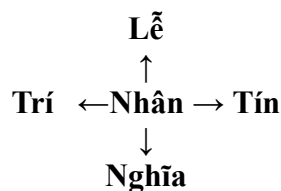


8.- Cơ cấu Thiên can

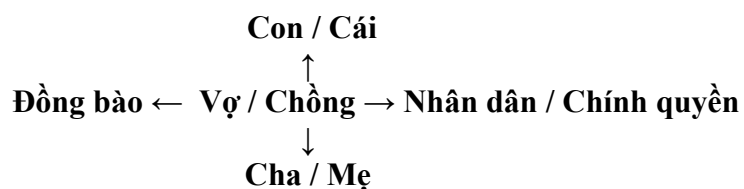


9.- Cơ cấu Tu, Tê:

a.- Ngũ thường



b.- Ngũ luân



10.- Cơ cấu Trị, Bình

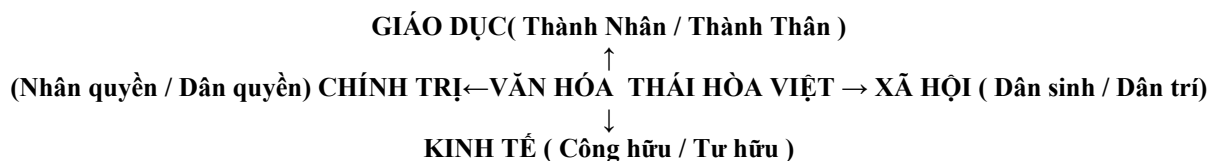
HAY

CHỦ ĐẠO HÒA CỦA DÂN TỘC

Cách đem Đạo Lý Nhân sinh (THỰC SẮC DIỆN) vào Đời

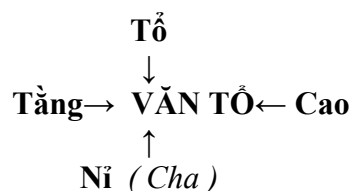
hầu thực hiện LỘ ĐỒ TU TỀ TRỊ BÌNH

Để Phục vụ toàn Dân



11.- Cơ cấu Phục vụ: Văn Tổ

“ Lối đặt bài vị theo Ngũ hành Chính sự xếp đặt này nói lên một cuộc cách mạng vĩ đại đã xảy ra ở miền Việt.

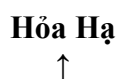
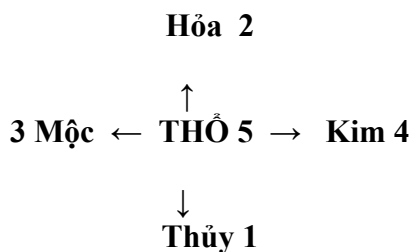
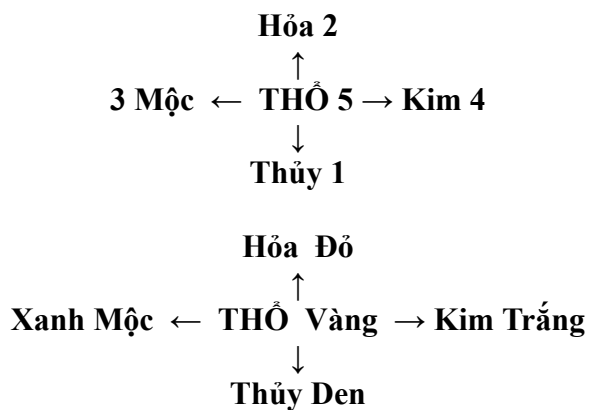


Ni là cha, khi còn sống thì gọi là phụ, khi qua đời thì gọi là khảo,

khi rước vào Miếu thì gọi là Ni

**VĂN TỔ là Tổ trên các Tổ, là Thượng Đế (Perfect Ancestor)
Thờ phượng Tổ Tiên trước tiên là Thờ phượng Thượng Đế**

Chúng tôi đã xếp được Lộ đồ Tu Tề Trị Bình theo Đồ hình Ngũ hành, Ngũ hành là Cơ cấu Hòa, điều này cho ta thấy rõ Tính chất Thái Hòa của Văn Hóa.



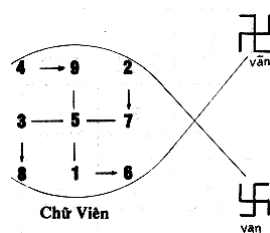
Xuân Mộc ← THỔ Tư quý → Kim Thu
 ↓
 Thủy Đông

4	—	9	2
3	—	5	— 7
4		9	— 2

Mạch nối chữ Vãn

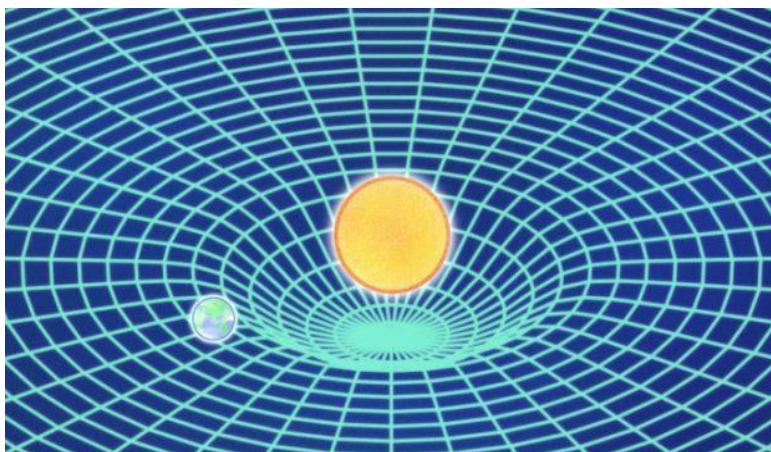
4	—	9	2
3	—	5	— 7
8		1	— 6

Mạch nối chữ Vạn

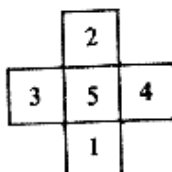


Khi hai mạch nối chữ Vãn và chữ Vạn quay ngược chiều nhau thì Số Lễ và số Chấn sẽ đan kết với nhau, cá biệt hóa mà sinh ra Vạn vật.

Ta cũng liên tưởng tới Time – Space - Continuum, trong đó Time: sợi dọc là số Lễ, : Space: sợi ngang là số Chấn.



Time = Space- Continuum: Thời - không – Liên



4 Ngũ Kỳ	9 Ngũ Phúc Lục Cực	2 Ngũ Sư
3 Bát Chính	5 Hoàng Cực	7 Kê Nghi
8 Thứ Trưng	1 Ngũ Hành	6 Tam Đức

CỬ TRÙ HỒNG PHẠM

Cử trừ theo Cơ cấu Lạc Thư, Lạc thư là Vòng Trong vòng Ngoài của Ngũ hành

10. Cử Trừ: kể ra những việc cần làm cho một nước đời xưa. Toàn là những việc tinh thần, nên đáng gọi là Tâm linh sử quan. Đây là việc mẫu kê theo con số 9 của dân Lạc Việt gọi là Cử Lạc.

1 Ngũ Hành 2 Ngũ sự 3 Bát chánh 4 Ngũ Ky 5 HOÀNG CỰC 6 Tam Đức 7 Kê Nghi 8 Thứ Trung 9 Ngũ Phúc: Cửu trụ Hồng Phạm.

11. Chữ Viên. Chỉ cuộc sống viên mãn tròn đầy, gồm cả Vạn lẫn Văn. Văn là tu thâu thân cho đến độ coi sống chết như nhau (tức đắc đạo). Vạn là tỏa ra cùng khắp hết đến độ "Tế thể An bang" tức là việc Thiện, việc Nghĩa lớn lao hơn hết có thể có ở đời. Chữ Viên chỉ có ở Việt Nho cũng như ý tưởng Tế thể An bang vậy

12. Phục Hi sáng tạo Kinh Dịch gồm có 8 quẻ. Đây chẳng qua là giai đoạn hai trong tiến trình kiểu thức hóa (styliser) từ các vật lên đến các số 2, 3, 5. Số 2, 3 là Đạo Dịch của Phục Hi gồm gạch liền gạch đứt. Gạch liền _ là Dương, gạch đứt -- là Âm. Giai đoạn ba là Dịch Đại Vũ đưa số 9 vào làm ra Hà Đồ Lạc Thư. Giai đoạn 4 Dịch Văn Vương đưa Hào Từ vào để làm ra sách bói.

Giai đoạn 5 Dịch Khổng Tử đưa thập đực Hệ Từ vào để làm ra triết lý.

13. Tứ Đại của Tây Âu là 2 cặp Nước Lửa và Khí Đất không có Hành Thổ làm con độn, Triết lý gọi đó là thiếu Vô Thể. Chỉ có Hữu Thể.

14. Huy hiệu Việt Linh vẽ theo Sách Ước (Ngũ hành) 2 nét cong lên theo tính Trời, 3 nét Trời thẳng ra theo nét Đất, biểu lộ ảnh hưởng của Trời Đất giao thoa. Chim Âu bay theo Tả nhậm biểu thị Nguyên lý Mẹ "vẫn ấp ủ nước Văn Lang".

GẬY THÂN

1. Gậy thân là tên chỉ những đợt tăng trưởng của Ngũ hành như sau:

Bước tăng trưởng đầu tiên là vòng Trong vòng Ngoài. Vòng trong mới đáng gọi là Ngũ hành, vì chữ hành nói lên sự biến động, nói lên luồng linh lực vận chuyển chưa kết đọng ra cái chi cả.

Điều này chỉ xảy ra ở vòng Ngoài, nơi sinh lực đã kết tinh thành sự vật và từ đấy thì phải dịch là tứ Tố như của các nơi, vì đã thành sự vật cố định như Nước, Lửa, Kim, Mộc.

Vòng Trong vòng Ngoài nhắc lại tính chất Lương nhất của con người gồm cả Trong lẫn Ngoài. "Ngoài là Lý nhưng trong là Tình". Tình thâm nhi Văn minh. Duy Tâm chỉ ôm vòng Trong. Duy Vật chỉ biết có vòng Ngoài. Các Duy làm nên những Văn hóa một chiều kích nó làm què quặt con người, đẩy con người xa khỏi cái "Chu tri" toàn diện.

Các nền Văn hóa hiện đang bị khủng hoảng là vì vụ này. Heidegger gọi Văn hóa Tây Âu là quên nét Gấp đôi là vì vụ này đây. Bachofen 1851. Briffault 1927 chứng minh được rằng Văn hóa Tây Âu đánh mất Nguyên lý Mẹ cũng vì vụ này: vì thiếu vòng trong chỉ toàn tứ, ngũ Tố, có được chút Hành nào đâu mà chả ứ đọng

2. Cũng chân lý Lương hợp nhưng được biểu diễn kiểu khác là vòng Sinh vòng Kháng. Vòng sinh là đường đi ra thế sự theo kim đồng hồ với chặng Sinh, Thành, Suy, Hủy.

Vòng kháng là đi ngược chiều trở về trung Tâm theo 4 chặng: Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh nó đem lại chất trường tồn cho Văn hóa (và do đó mà có vụ Tả nhậm là đề cao tay Trái như sẽ nói sau). Vì có Trong ngoài, mà cũng có 2 vòng Xuôi Ngược, nên cuối cùng thành ra chữ Viên gồm cả Văn lẫn Vạn.

3. Cùng chân lý trên: vòng Trong vòng Ngoài, Tả nhậm Hữu nhậm nhưng được trình bày bằng khung Việt tỉnh đã được mở rộng thành Việt tỉnh cương. Thay vì Việt tỉnh thì nó biến ra Việt tỉnh cương từ Việt tỉnh cương ra Thái thất. Thế là có đủ khung đủ số. Bấy giờ đem cả số Sinh lẫn số Thành đặt vào Việt tỉnh cương thành ra "Cửu Lạc" là 9 con số của dân Lạc Việt. Sau nho giáo gọi là "Hồng Phạm Cửu Trù". Đó là một thứ Hiến Pháp. Đúng hơn là một thứ Đạo gọi là Hồng Phạm là mẫu mực lớn mà các việc lẻ tẻ (cửu trù) đều phải tuân theo. Cái mẫu lớn đó chẳng qua là Ngũ Hành nó phải là mẫu mực cho hết mọi việc. Làm được như vậy thì Cửu Lạc hay là Hồng Phạm Cửu Trù đã biến thành Minh triết gọi bóng là gậy thần. Vì làm được hết mọi việc khó khăn.

4. Minh Triết là gì? Nói theo siêu hình là khả năng hội nhập hai đầu Thái cực lại một. Nói theo kiểu thông thường thì Minh Triết là nghệ thuật tối cao xếp đặt cuộc sống thế nào cho mọi người được hạnh phúc.

Nhiều học giả khen Đông Á là miền duy nhất có Minh Triết thì câu nói đó đúng cả về nghĩa Siêu hình lẫn nghĩa Thường nghiệm.

Về nghĩa siêu hình đúng vì đây là miền duy nhất có khả năng nối kết Có với Không.

Còn về nghĩa thông thường thì đây cũng là miền duy nhất tạo Hạnh phúc cho nhiều người hơn hết tức liệu mọi người được hưởng Bình sản và Tự do.

Đang khi các Văn minh khác không đạt được: xã hội thì để có Giai cấp Chủ Nô, Chủ có hết, Nô chẳng có gì. Hầu hết các xã hội lớn xưa đều có Giai cấp, có khi đến 3/4 dân là Nô. Nay xét kỹ lại mới giật mình quả là Tổ Tiên đã tạo lập cho con cháu đủ sách Ước gậy Thần, nhưng con cháu quên lú mới đi rước Triết ngoại lai vào làm nước mất nhà tan.

Sách Ước là 5 số sinh hay là Ngũ hành. Thêm 4 số ngoài vào nữa thành ra 9 số gọi là Cửu Lạc hay Gậy Thần đều như nhau, gọi Ngũ hành là Hồng Phạm, còn Cửu trù là Gậy Thần. Đó chỉ là những tên khác nhau để chỉ nền Minh Triết hoặc gọi là Đạo cũng vậy vì cho được là Đạo thì phải gồm cả Âm cả Dương y như Minh Triết vậy "Nhất Âm nhất Dương chi vi Đạo".

5. Như vậy Minh Triết chính là Đạo "Thuận thiên" mà nếu diễn tả ra bằng tiếng ngày nay là đem Lý trí thuận theo "Tiềm thức" "Thiên năng". Nói bằng số là đem 2 phục 3 hay đem 4 phục 5 gọi là "Mẹ tròn con vuông" như đã nói trên. Hoặc đem câu đó hiện thực vào phép làm lịch là đặt 12 tháng vào khung Thái thất chia ra 4 mùa, mỗi mùa có 2 tháng nhỏ (tháng ca) một tháng to, tháng to đặt cuối mùa. Tuần thứ 4 của tháng đó thì vua vào ở trung cung Hành Thổ, để "an Thổ, đôn hồ nhân, cố năng ái". Cuối 4 mùa đều làm như thế gọi là tứ quý. 12 tháng vua phải ở trong 12 phòng. Tháng nhuận thì vua phải ra ở cửa, nên chữ nhuận 閏 viết chữ môn 門 là cửa, dưới có chữ Vương. 王 Vua phải theo Nguyệt lệnh mà ở như vậy, vì vua thay mặt cho toàn dân đóng vai giao tiếp với Trời gọi là Người bắc cầu số dách (Supreme Pontife - kỹ sư cầu công thượng đẳng); chỉ thế thi hành khi ông bắc từ Đất lên đến Trời thì mới đạt Minh Triết và đáng gọi là Pope King. Còn mấy ông vua du mục xưng mình là God king có cao hơn về tên gọi nhưng xét cầu các ông bắc thì giống cầu vòng có vươn lên cao, nhưng cuối cùng lại cắm đầu xuống đất, thì đó chỉ là chuyên chế, độc tài, độc địa chứ đem được hạnh phúc cho ai mà bảo là Minh Triết.

6. Nhìn xem Văn minh nhân loại ngày nay đang bị khủng hoảng trầm trọng là vì toàn là vô đạo, thiếu Minh Triết. Nói chi tiết thì Văn minh này đang thiếu: (1) Một nền "chu tri" toàn diện: Cái học ngày nay chỉ là cái học thành Công mà thiếu thành Nhân.

Nước chỉ có đến Hiến Pháp, trên không có gì nữa. Các đảng chính trị cũng chỉ có đến "cương lĩnh" là hết, trên nữa chẳng có Đạo nào để mà tu Thân, để nâng Nhân cách lên cả, nên chính sự của đảng phái chỉ toàn Mưu lược sao để nhằm hạ bệ đảng kia, chứ không biết lo cho nước. Đúng hơn chỉ lo kiểu "hiếu hành tiểu tuệ" chính trị tính từng tuần: thiếu hẳn cái nhìn "an bang tế thế" để bình thiên hạ. (2) Thiếu khả năng kiến tạo Hòa Bình, vì đến đợt siêu hình đã nói được Có với Không đâu. Triết học hí hoáy suốt 25 thế kỷ không sao cộng nối Vuông với Tròn vào nhau được, chỉ có kỹ thuật là sáng lạn. Bên trong không Chủ Đạo, bên ngoài làm sao thiết lập nổi Hòa Bình. Có làm hết cỡ cũng chỉ đi đến tạm ước (modus vivendi) vậy thôi. 7. Ngoài ra thì đúng như Bachofen đã tố cáo Văn minh nay đánh mất nguyên lý Mẹ từ lâu rồi, nên không làm sao tạo hạnh phúc cho con người được. Phải có Mẹ mới nâng cao sự sống, chứ Cha chỉ nghĩ đến tăng quyền lực. Vì bỏ mất nguyên lý Mẹ là Tình yêu thương nên cho tới nay toàn dùng nguyên lý Thống trị, principal of domina chỉ đi

đến những Đế quốc: từ Babylon, Assyria, Egypte qua Roma, Mongol... toàn Đục rữa, dựa trên Bạo hành Bạo lực. Tất cả đều vang bóng một thời rồi sụp đổ trọn vẹn, không để lại trong khi Di sản Văn hóa được một cái gì đáng giá. Ngoài mấy trái bom H thì Văn hóa này đóng góp được chi.

8. Văn minh lên cực cao đến đọt vi thể... nhưng chưa bao giờ thiết lập được một nền Nhân chủ để cho con người làm Chủ vận mệnh mình: hết phục tùng Trời thời trung cổ, thì đến nay phục tùng Đất: hạ tầng kinh tế chỉ huy thượng tầng điều khiển nhưng con người khốn khổ như lũ chó lè lưỡi thở hắt ra. Văn minh nay cũng chưa bao giờ tìm ra được cái Học có Hành, nghĩa là cái Hành gắn liền với Học như sách Ước gậy Thần. Gậy Thần là phần thực hiện của sách Ước. Với Sách Ước thì ước gì được nấy. Sách Ước có tất cả các điều vừa kể trên:

(1) Nền chu tri toàn diện trong ngoài.

(2) Kiến tạo hòa bình kéo dài nhiều ngàn năm.

(3) Giữ được nguyên lý Mẹ cho tới tận đời mới.

(4) Thiết lập được nền Nhân chủ để con người khỏi làm nô lệ cho các thế lực ngoài lai.

(5) Lập ra được một nền Học vấn có hiện thực chứ không chỉ là thứ học gậy nên những con người lý thuyết.

Những điều đó cho đến nay mới chỉ thấy miền có Sách Ước mới thiết lập được mà thôi. Và vì vậy có thể nói là nền Văn hóa duy nhất đã tạo được hạnh phúc cho con người. Chương sau sẽ nói về bức tranh Hạnh phúc

NHÂN THOẠI

1. Huyền thoại là một nguồn suối đưa ta đến Minh Triết, đến những đọt sâu xa hơn về nhân cách con người. Sâu xa hơn cả thì không gì bằng Nhân thoại.

Nhân thoại cũng là Huyền thoại, nhưng khi người làm Chủ thì gọi là Nhân thoại; trái lại nếu Thần làm chủ là Thần thoại.

Khi Promethee ăn trộm Lửa bị bắt thì bị đóng đinh trên núi Caucase, đó là Thần thoại. Còn khi Mơ Sao cũng ăn cắp Lửa mặt Trời đưa xuống sưởi ấm cho Nhân dân mà không hề hấn chi hết, đó là Nhân thoại.

Dữ hơn nữa là Đam Sang có lần lên tóm cổ Trời bắt phải thả Thóc giống xuống cho dân làm rẫy, thì đó là Nhân thoại tức con người làm Chủ tình thế.

Nhân thoại lấy lòng hơn hết trên trần gian này thì không truyện nào dám tranh với Bàn Cổ: "Hỗn mang chi sơ Vị phân thiên địa. Bàn Cổ thủ xuất. Thủy phán âm dương"

2. Lớn lao và tự lực tự cường đến thế là cùng tột: xuất hiện trước cả Trời cùng Đất. Bàn Cổ trước rồi mới đến lượt Trời Đất sau. Ra trước là tuyệt được cái nạn "ma cũ bắt nạt ma mới", nên sau trong Văn hóa Việt không hề xảy ra cái nạn bị Trời Đất bắt nạt: tức không duy Thiên, định mệnh, mà cũng không duy Vật sử quan: hạ tầng kinh tế chỉ huy thượng tầng, nghĩa là Cửa cái được trọng hơn con Người đến độ chia người ra Giai cấp theo tài sản: có cửa là chủ, không có cửa là nô. Nước thì gọi là cộng sản, hay tư bản tức con người không được dùng làm nền tảng. Vậy là vong Thân. Đó là những cái sọ của vụ bị Thần thoại ăn hiếp

Bị ăn hiếp như vậy nên Tâm thức con người không sao vươn lên được đột an hành để có Triết lý An Vi, mà cứ lệt bệt ở đột Cương hành: làm vì sợ Trời đánh Thánh vật, "sợ Thần cây Đa, ma cây Gạo, cú cáo cây Bò đề". Cố vươn lên cũng chỉ tới đột Lợi hành tức động lực các việc làm luôn luôn là Quyền với Lợi: có được Lợi mới làm. Nói theo Triết là còn lệ thuộc vào Địa gọi là "Địa Lợi". Triết học lý niệm cũng gọi là Ý hệ hoàn toàn ở trong đột Lợi hành này, không sao vươn lên đột An hành: thấy đáng làm là làm, như Thánh Gióng được nhận làm quan thầy Triết lý An Vi của An Việt, khi đánh đuổi quân xâm lăng xong thì ngài không về triều lĩnh Bổng lộc mà lên thẳng núi Sóc Sơn ở miền An Việt để hóa.

2. An Vi là nền Triết căn cứ trên An hành thấy việc đáng làm là làm, làm tận tình tận lực

để không tiêu phí sinh lực vào sự lo lắng về thất đắc, nên "thắng không kiêu bại không nản" việc bất thành thì gây ngay công cuộc khác. Tục ngữ nói: "Đắm dò tiện thể rửa trôi". Tan nhà mất nước phải lưu vong ư?

Thì nhân tiện lấy mấy cái bằng kỹ sư, bác sĩ, luật sư. Anh em An Việt thì hô nhau xây dựng một nước Việt Nam khác, linh thiêng hơn, mở rộng khắp vũ hoàn. Eo ơi gì mà mơ dữ vậy hở bồ? Ấy vì bọn tôi là con cháu Bàn Cổ, Nữ Oa, toàn mơ những việc có tầm vóc vũ trụ vậy đó. Bàn Cổ lớn sơ sơ mỗi ngày có 9 dặm (sức lớn đuổi gần kịp xe lửa xã hội chủ nghĩa). Đó là Huyền sử để chỉ thị sức đi lên của Bàn Cổ trên đường linh thiêng. Ở những Văn hóa Thần thoại thì tinh anh phát tiết hết ra ngoài, thể hiện vào những cái khổng lồ như Ziggurat, Kim Tự Tháp, Borobodour... Còn ở Nhân thoại thì sức tăng trưởng rút vào tinh thần gọi là Đại Ngã Tâm Linh được

kích thước hoang đường của Bàn Cổ phác họa tầm vóc. Đường lên linh thiêng có 5 đọt:

- (1) Thấp nhất sát con vật thì người ăn thịt người.
- (2) Lên một đọt nữa thì người hà hiếp người.
- (3) Lên đọt nữa thì người chia của đều nhau (bình sản)
- (4) Cao hơn nữa thì san sẻ (công đức, việc nghĩa).

(5) Lên đến chót đỉnh thì Tâm linh: "tám Thân ngoại vật là Tiên trong đời". Nhân loại đang quanh quẩn ở đọt hà hiếp nhau hoặc bằng chế độ Nô lệ, hoặc bằng Đế quốc Độc tài. Tại sao vậy? Vì chưa trút hết trắng trời của Thần thoại nên không cất mình lên được tới đọt An hành mà chỉ luẩn quẩn ở dưới đọt Lợi hành hay Dưỡng hành

4. Thi sĩ triết gia Emerson cho câu nói "Thiên lý tại Nhân Tâm" là một cuộc mặc khải lớn lao nhất, ơn ích cho Nhân loại hơn cả, nó làm cho con người bắt đầu tự Cường tự Lực, dám đón nhận trách nhiệm trước Trời cùng Đất. Đó là tầng Tâm thức mà Nho giáo gọi là "Tam Tài" đặt con người ngang hàng với Trời cùng Đất. Nếu Trời là vua, Đất là vua thì Người cũng là vua. James Legge là người dịch toàn bộ Tứ Thư Ngũ Kinh khi viết đến chỗ này ông đã chửi toáng lên rằng là cha tiên sư chúng mày kiêu ngạo, dồ dại đến thế là cùng: dám đặt mình ngang hàng với Trời cùng Đất. Diên thật. Ông đâu có ngờ rằng chính quan niệm Tam Tài đã giúp con người Việt nho tiến mạnh lên ba bước sau cùng là chia đều, san sẻ và Tâm linh, còn những nơi thiếu thuyết Tam Tài thì cứ bì bõm mãi ở hai cấp dưới, nên lập hết đế quốc nọ đến đế quốc kia để nô lệ hóa con người. James Legge chưa biết mình là lạc hậu vì ông bị tiêm nhiễm bởi ý niệm Thượng Đế của Aristotle ngự mãi tấp tít trên tầng Trời thứ 9 lặn, nghĩa là còn xa lắm ông mới khám phá ra Trời ở ngay trong Tâm con người, nên ông chỉ biết có thiêng liêng ngoại khởi chứ không biết đến Tâm linh nội khởi. Vì thế mà Văn minh gốc Hi Lạp dù có tiến bộ cao đến đâu cũng không lập nổi Tình Huynh Đệ phổ biến hay hàn gắn được nhất Chẻ đôi luôn luôn dĩ máu vẫn chia rẽ loài người ra bên Chủ bên Nô, rồi nay bên Vô sản, bên Hữu sản (hay vô Thần hữu Thần cũng vậy) do đó bất lực không ngăn nổi hai cuộc Thế chiến hoàn cầu. Đó là tại thiếu Nhân thoại!

Chỉ có Thần thoại. Chung qui là tại cái học Duy Lý không biết đường mở sang Tâm linh nên thiếu những cái nhìn trên cấp vũ trụ...

2. Bên Việt Nho đôi khi cũng gặp tai họa Duy Lý đó thường từ phía Tây Bắc truyền

sang nên được kể lại bằng chuyện Thần Chúc Dong coi Lửa phía Đông Nam đuổi Cộng Công, nó giận quá húc đầu vào "núi không tròn: Bất Chu " làm cho Trời sụt xuống phía Tây Bắc, đất không đủ ở phía Đông Nam, xảy ra tháo thứ trong vũ trụ. Làm thế nào bây giờ? Lại một Nhân thoại lấy lòng khác đưa ra giải pháp cứu nguy đó là trang sử oai hùng của Nữ Oa Thái Mẫu: vừa hay tin Người liền nấu ngay một nồi bộng đá Ngũ hành rồi không đợi phi thuyền con thoi mà đích thân đội ngay lên Trời vá lại mảnh Trời giột. Nhân thoại này cũng như bao Nhân thoại khác cả 25 thế kỷ Nho không hiểu ý nghĩa nên bỏ qua hoặc kể lại lung tung, thí dụ truyện Cộng Công đặt sau vụ đội đá vá trời làm mất hết ý nghĩa, rồi giải nghĩa kiểu địa hình là Trời không che đủ phía Tây Bắc nên nước đổ xuống thành ra các sông chảy về phía Đông Nam làm sụt đất... (thiên bất túc Tây Bắc, Địa bất mãn Nam).

5.- Đó chỉ là sự giải nghĩa hạn hẹp do Lý trí suy ra chứ Huyền thoại phát xuất từ Tiềm thức cộng thông để chuyên chở những Chân lý cao cả có tính cách phổ biến chứ đời nào đi nói về Địa hình Địa vật thế đâu.

6. Đây là ý nghĩa thực sự. Cộng Công là cái khuynh hướng làm đẹp lại những cái vốn lớn lao kiểu cái học duy trí, cái học chỉ lo thành công (người xưa gọi đó là cung công) mà không lo đến thành Nhân khiến cái học thiên về bên Hữu, bên duy Vật mà không còn chi cho bên Vô, không còn là cái học Chu tri toàn diện gồm cả Hữu và Vô. Nói bằng số Ngũ hành thì đó là cái học số 4 ở phía Tây hay số 1 ở phía Bắc (xem lại đề án Ngũ hành kỹ cho dễ hiểu truyện Nữ Oa). Làm thế nào để chừa lại? Thừa đối với cái học quá chú ý đến sự Biết nhiều mà không chú ý đến Hiểu sâu thì phải thêm những cái tinh luyện Tình cảm con người như Thi, Thơ, Lễ, Nhạc... Chính những cái không sản xuất đó mới nâng Tâm hồn con người lên, giải thoát nó ra khỏi những cái Bé nhỏ để mở chân trời vào cõi Tâm tình man mác, để thoát ra khỏi nạn tham lam quá độ: vợ vét vào cho nhiều, gây nên nạn chênh lệch Tài sản, làm xáo trộn xã hội. Tâm linh là cái gì bao la như Vũ trụ, có tính cách thống nhất; con người phải được hút thở trong môi sinh rộng mở đó mới bớt được Tham tàn, mới trở nên thanh thoát. Trái lại cái Học Lý trí chẻ bét sự vật ra bé nhỏ làm cho cái nhìn càng ngày càng trở lên eo hẹp, không cho thấy được Đại Ngã mệnh mông như Vũ trụ.

Làm thế nào để đạt Tâm linh? Thừa hãy đi một đường "Tả nhậm" hãy quay về với nội Tâm trung cung. Đấy gọi là Nữ Oa theo câu "Nữ nội Nam ngoại". Oa là oa trứ tàng chứa muôn hạnh phúc nên thiếu Tâm linh là thiếu hết cả. Đó! truyện Nữ Oa là thế. Đó là cái chiều Vô biên mà con người phải hội nhập, hội nhập bằng Thiên, hoặc bằng Thi, Thơ, Lễ Nhạc hay bằng các việc thiện.

7. Đó là ý nghĩa vá Trời của Nữ Oa nói lên tác động mạnh của Nguyên lý Mẹ làm cho con người hết què quặt vì có cả hai bên nên có thể tự Lực tự Cường không để cho cái gì bên ngoài sai sửa nữa. Tục ngữ Việt nói: "Còn Mẹ ăn cơm với cá. Mất Mẹ liếm lá gặm

xương". Văn hóa đánh mất nguyên lý Mẹ chỉ còn có đường gặm xương khô thiếu chất nuôi dưỡng.

8. Việt Nam có một tập sách nhỏ gọi là "Lĩnh Nam Trích Quái" chứa đến 15 truyện Nhân thoại liên tục chứng tỏ Việt Nam là cái lò sản xuất ra các Nhân thoại mà mở đầu là Bản Cổ. trong bài 1 tôi đã kể truyện cái Bọc trăm trứng của Âu Cơ quốc Mẫu và chỉ tỏ tính cách Vũ trụ của nó. Đây tôi xin nói thêm rằng tầm vóc truyện đó còn lớn hơn cả truyện Nữ Oa Thái Mẫu. Vì đây là đẻ ra cả cái trứng chứa toàn những tay chọc trời khuấy đất hoặc xếp đặt Trời Đất như ta xếp sách vở vậy đó, như truyện vua Tiết Liệu sau đây. Vua Hùng Vương thứ 3 muốn truyền ngôi cho con. Để chọn ra người tài đức Vua hứa sẽ truyền ngôi cho con nào làm được món ăn ngon nhất. Các con liền đi khắp nơi tìm của ngon vật lạ. Riêng Lang Liêu nhà nghèo không biết làm chi. May thay đêm đến Thần hiện ra bảo hãy lấy Gạo làm Bánh vuông chỉ Đất và một bánh Tròn chỉ Trời. Lang Liêu vâng theo được Vua Cha chấm đậu và đặt cho tên tự là "Tiết Liệu" vừa có nghĩa là do liệu cách tiết kiệm, vừa có nghĩa cao siêu là biết lo liệu theo Tiết nhịp uyên nguyên Trời Đất. Nói theo Triết đây là vấn đề nan giải ở tại hội nhập Vuông vào Tròn tức là khó như bắt vẽ hình vuông không góc hay vẽ vòng tròn có góc. Triết học lý niệm đã hí hoáy suốt 25 thế kỷ qua mà không sao hiện thực được. Thế mà Tiết Liệu đã làm xong liền còn diễn ra bằng số nữa là 4-5 tức là Tâm linh (số 5) phải trội hơn đất: số 4. Nói thẳng là "Đức giả bản dã, Tài giả mặt dã". Hãy nói bóng theo kiểu dân gian là "Mẹ tròn con vuông" hoặc nói kiểu khác: phải lấy Tâm trùm Cảnh, đừng để Cảnh trùm Tâm.

9. Lý trí chỉ sản ra được có ý niệm cứng đờ thì làm sao cộng vuông với tròn được. Ý niệm vuông thì đời đời là vuông. Ý niệm tròn đời đời là tròn. Muốn cộng vuông tròn phải thêm phần Tâm tình là cái rất uyển chuyển. "Yêu nhau cau sáu bổ ba, Ghét nhau cau sáu bổ ra làm mười". Sáu có thể là ba là mười, thì chỉ có Tâm tình mới làm được chứ lý trí thì không. Lý Trí chỉ có giao dịch với sự vật Hữu hình, chứ không với Vô hình. Nói theo Tâm lý là chỉ có logic ý thức mà không có phần illogic, Vô thức, mà chính ở tầng Vô thức này mới xóa được bờ cõi bắt góc để cho phép vuông tròn hội nhập.

Trong truyện nói Lang Liêu bỏ nhẹ phần suy luận để cho tiếng nói Tâm linh tràn lên được chỉ thị bằng Thần hiện ra ban đêm. Ban đêm chỉ phần Tiềm thức thường chỉ ra phương thế hữu hiệu, nhưng chỉ nói khi lý trí không còn ồn ào, phải làm như Kinh Dịch nói "vô Tur dã, vô vi dã tịch nhiên bất động cảm nhi toại thông thiên hạ chi cô" không suy tư, không làm cái gì nhân vi giả tạo, không xáo động thì đột nhiên cảm được sâu xa, thông suốt được các lý trong Trời Đất. Đây là lúc xảy ra vụ "nhất Lý minh, vạn lý thông" và liền đạt Minh Triết, là biết lo liệu mọi việc như Tam Công "luận đạo, kinh bang, nhiếp lý". Nói kiểu triết là liệu cho hai đầu Thái cực đi đôi, cả phần Hữu lẫn phần

Vô (vô cũng gọi là Tâm). Chính phần Vô này đem lại cho các truyện Nhân thoại chiều kích vũ trụ vô biên phổ biến. Văn minh nay bị khủng hoảng vì chỉ có Hiện hữu, thiếu chất Vô biên. Cần một Tiết Liệu xuất hiện mới cứu vãn được tình trạng.

VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG CỦA VIỆT NHO

Việt Nho là Nho có Cơ cấu 2 -3 từ Cây Buá mang tên Việt (Phủ Việt)

Vấn đề “ quan trọng thiết thân “ của Việt Nho, không chỉ là Văn học Nghệ thuật để thỏa mãn khiêu thẩm mỹ hay tính tò mò, hay để tả oán. mà là những điều bất cứ người Việt Nam nào cũng nên hiểu rõ và phải thực hiện để giúp mọi người sống hóa vui với nhau. Hòa là nguồn Hạnh phúc Cá nhân và của cả Nhân loại nữa! Nền Văn hóa này phổ cập cả Văn Gia (Trí thức) lẫn Chất gia (Bình dân) nên được thể hiện trong mọi lãnh vực của Xã hội.

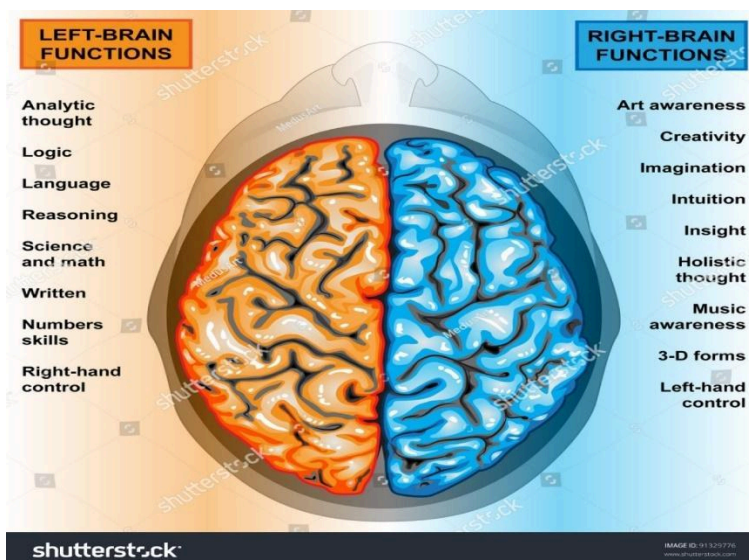
Cả hai đều thống nhất nơi Tinh thần Dân tộc NHÂN NGHĨA BAO DUNG

DỊCH LÝ ÂM DƯƠNG HÒA : THIÊN LÝ

Nguồn gốc của Dịch lý là các cặp đối cực như Trời / Đất . Núi / Sông , Sáng / Tối, Ngày / Đêm, Năng lượng Sáng / Năng lượng Tối, Nhụy Cái / Nhụy Đực, Mái / Trông , Trên /Dưới, Trong / Ngoài, Trước / Sau. Thời gian / Không gian, Cái / Đực. Gái / Trai , Âm / Dương . . . cần được lưỡng nhất hay Quân bình thì mới có Tiết nhịp Hòa của Vũ trụ (Cosmic Rhythm) . Vợ / Chồng có Hòa _ thì Gia đạo thành, tức là Gia đình thành Tổ ấm, Nhân quyền / Dân quyền được Quân bình thì con người trong Xã hội được An hòa Hạnh phúc . Dịch lý là Thiên lý mà “ Thiên lý tại Nhân Tâm “ .

Nhân Tâm không phải là nơi QUA TIM hay cái TÂM , mà là BỘ NÃO với Não Phải chủ Tình, Não Trái chủ Lý, Corpus Callosum là cầu nối như

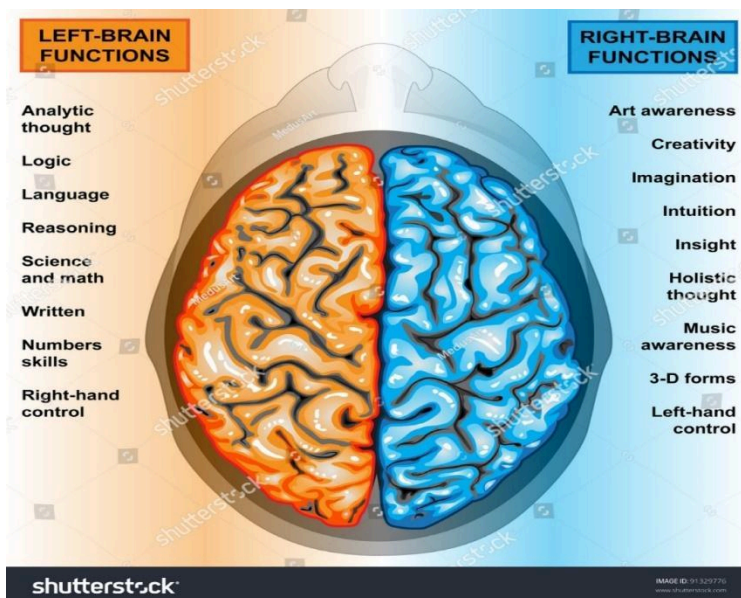
Xa lộ giúp hai Bán cầu não trao Tình đổi Lý qua lại với nhau sao cho Tình Lý tương tham hay lưỡng nhất mà sống Hòa vui với nhau



Bán cầu NÃO TRÁI CHỦ LÝ , Bán cầu NÃO PHẢI CHỦ TÌNH ,

CORPUS CALLOSUM : Cầu nối hai Bán cầu Trái Phải liên lạc với nhau sao cho TÌNH LÝ TƯƠNG THAM giúp hai bên hành xử giao hòa với nhau.

Trong Thiên lý thì cặp Vợ Chồng - Tinh hoa của Trời Đất - nên là “ Đại Đạo Âm Dương Hòa, do đó mà : Quân tử chi Đạo Tạo đoan hồ Phu / Phụ. Phu / Phụ Hòa Gia đạo thành. .



Left Brain Functions: CHỨC NĂNG BÁN CẦU NÃO TRÁI

Analytic thought, Logic Language. Reasoning DCience and Math Wwritten Numbera skills Right Hang control: Tư duy phân tích, Ngôn ngữ logic. Lý luận Khoa học và Toán Kỹ năng Viết Số Thuận tay phải.

Right Brain Functions: CHỨC NĂNG BÁN CẦU NÃO PHẢI

Art awareness Creativity Imagination Intuition Insight Holistic thought Music awareness 3 – D forms Left hand control : Nhận thức nghệ thuật Sáng tạo Trí tưởng tượng Trực giác Cái nhìn sâu sắc Tư duy toàn diện Nhận thức âm nhạc Hình thức 3 – D Điều khiển bằng tay trái (Thuận tay Trái)

CORPUS CALLOSUM là cầu nối hai Bán cầu Não như Xa lộ giúp hai Bán cầu trao TÌNH ĐỐI LÝ với nhau sao cho TÌNH LÝ quân bình ay Lương nhất để giao hòa với nhau gọi là “ Tình lý tương tham :” theo Tinh thần Dịch lý,

Dịch lý Âm Dương Hòa còn là “ Vi ngôn Đại Nghĩa “ Vi ngôn là lời nói kín nhiệm về Đại Nghĩa, Nghĩa là lẽ Phải hai chiều tức là Lẽ Công bằng.Đại Nghĩa là Công bằng xã hội tuy rất cần thiết nhưng rất khó thực hiện, Công bằng xã hội là nguồn sống Hòa của Toàn dân. Xã hội bất công là nguồn khổ đau của Dân tộc . Cứ sống trong chế độ CS thì sẽ nhận ra Công bằng xã hội là cần thiết tới mức nào! Công bằng xã hội chỉ là tương đối, quan niệm Công bằng Xã hội tuyệt đối như Cộng sản là cuồng vọng do lạp trường Cực đoan !

A.-TRIẾT LÝ AN VI

Triết lý Vô thể (Âm Độ. Đông phương) /Triết lý Hữu thể Tây phương lưỡng nhất:thanh Triết lý An vi.

TRIẾT LÝ AN VI

(*Kim Định*)

I.- NỀN TẢNG

Triết lý An vi là Triết lý Hòa giải (Philosophy of reconciliation or of harmony) có nguồn gốc tư Dịch lý Âm Dương Hòa của Việt Nam .

Viên Ngọc Long Toại (Cặp Trống / Mái) & Huyền Thoại Tiên / Rồng là nền tảng của Dịch lý Việt được Tổng quát thành Âm / Dương Hòa, trong khi Dịch Trung Hoa chỉ coa Độc cực Dương : Rồng .

II.-HAI TIÊU CHUẨN

1.- Chấp kỳ Lương đoan: Hai bên chấp nhận đối thoại với nhau.

2.- Doãn chấp Kỳ Trung: Đối thoại theo cách vừa đấu tranh vừa hợp tác với nhau
Tiêu chuẩn Chính Trung hay Lý Công chính hay theo:

3.- Tiêu chuẩn đối thoại:

Chí Nhân / Đại Nghĩa, Bao dung (Hùng / Dũng) : Tinh thần Dân tộc

II.- Triết lý Sống “Nơi Đây và Bây Giờ: Here and Now”:

Hiện tại Miên Trường. (ever present)

1.- Khởi điểm: Đây / Bây. (Here Now)

Chấp nhận Hiện tại là chấp nhận những phân biệt cụ thể: khởi sự tự Gắn, bắt đầu tự cái Nhỏ, cái Dể. Đó là con đường Lương tri tuy nhiên bị rất nhiều Triết học từ chối.

Thí dụ Lão Trang không chấp nhận những phân biệt giữa tốt / xấu, dưới /trên, xa / gần, sống / chết... Thiếu những cái đó làm chi có Hiện tại, làm chi có quan điểm của con Người mà chỉ có quan điểm Vũ trụ theo đó thì mọi cái Bé nhỏ ở Đây và Bây giờ bị xóa sạch. Miên trường cũng bị chối bỏ, vì miên trường đòi phải có mẫu mực lâu dài bền bỉ mới làm nên cái miên trường. Và đó là Văn hóa.

Lão Trang không chấp nhận những mẫu mực để đề cao những sự tự nhiên đột khởi theo ngẫu hứng, chối bỏ học thuật, “tuyệt học vô ưu”. Chối bỏ Văn hóa tức là chối bỏ cái miên trường.

Vì nói đến Văn hóa là nói đến những dạng thức đã được nhiều người noi theo một quãng thời gian dài. Thời gian đó càng dài, số người theo càng đông thì Văn hóa càng lớn theo đà.

Con Người cũng thế, thiếu mẫu mực đã được theo lâu dài thì không là Vĩ Nhân. Cái làm nên vĩ nhân không là những việc lớn nhất thời, những ý nghĩ thoáng qua, những cảm tình bông bột, mà phải là sự trường cửu của những cái đó, chính sự trường cửu của hành động theo một mẫu mực kèm theo những cảm tình cao cả mới làm nên Vĩ Nhân chân thực. Đó cũng chính là đường đi lên cõi đại Ngã. .

Tự nhiên có mối nguy hiểm trong sự “miên trường” đó là sự bóp chết cái luồng hứng khởi, những đợt sáng tạo ngẫu hứng tự nhiên, đó là những luồng sóng vọt ra tự cõi vô biên, tự trùng dương của muôn khả thể.

Thế mà chính những cái hé nhìn, những cái đột khởi nọ là những đạo quân tiên phong trên con đường tiến hóa của con người, nếu ta tự ví mình với người đi bắt cá trên sông thì những ngẫu hứng, những trực thị là những đàn cá: từ bỏ những đợt sáng, hứng cảm là từ bỏ không bắt cá.

Đó là tội những người câu nệ, cố chấp bám chặt vào luật tắc. Nhưng nếu không có những dạng thức làm như giỗ để dựng cá thì lại như lo bắt cá mà không lo giữ cá. Cho nên chỉ đáng tên là hiện tại miên trường khi thể hiện được cả hai: Làm sao vừa giữ được phương thức mẫu mực (khoa học nghệ thuật ở đó) vừa đón nhận được những luồng sáng tạo mới.

Đó là bài toán rất ít người giải đáp được. Triết lý An Vi đã đưa ra giải quyết tiên thiên lý thuyết với ba nguyên lý chỉ thị bằng các số 2-3-5 và phó sản là số 9 tạm được quảng diễn như sau:

2.- Phân tích Hiện tại miên trường thành 3 con số: 2, 3, 5.

a.- SỐ 2:

Số 2 là đặt mọi sự việc trong Tương quan giữa hai hạn từ mà độ sâu hơn cả là giữa Có với Không, rồi thứ đến là giữa Động với Tĩnh. Vì đó là đợt cao nhất bao gồm tương quan của mọi cặp đôi khác như Sáng / Tối, Đất / Trời, Tiểu / Đại, Cứng / Mềm, Đục / Cái... tóm lại là khắp vũ trụ bởi vì không vật nào nằm ngoài sự giằng co đối đáp đó nên bao la vô cùng, không đâu không có, đến nỗi nói được rằng không nền Văn hóa nào không có những Thần thoại bao 30 gồm cặp đôi, y như không có nhóm người nào mà không có Nam có Nữ, không đâu không có Đất thấp / Trời cao, Sáng / Tối, Ngày / Đêm, Trong / Ngoài, Lành / Dữ... Chỉ khác là chúng có đó ở đợt Lương tri thường nghiệm mà không được một ý thức sâu sắc nào nâng lên bậc Nguyên lý, nâng lên bậc Cơ cấu như với Triết lý An Vi, nên các Triết thuyết đó không có tương quan Động Tĩnh, tương duyên, mà chỉ có hoặc duy Động hoặc duy Tĩnh vì vậy chỉ có tiểu Ngã chứ không có Đại Ngã.

Vậy số 2 là căn bản mở đầu cho mọi đức tính cao cả khác.

Đó gọi là nét Song trùng căn cơ (hay Lương nhất) đưa lại cho con người một tác động xứng với bản Tính tác hành và Vô biên của con người : nó đặt con người vào một tình trạng vô cùng khó khăn nhưng bó buộc phải làm xong, phải tham dự rất mạnh mẽ, nếu không sẽ nghiêng sang một bên rồi mất Nhân tính mà dẫu bề ngoài là muôn vàn phiền lụy tự bệnh hoạn khổ đau cho đến các thứ tai ương xã hội mà then chốt là chuyên chế với thuyết lý Duy Vật.

Quan trọng ở chữ Duy: duy Tâm hay Duy Vật cũng đều gặp nhau ở Duy, mà bản chất duy là nguyên lý Đồng nhất, xóa bỏ Biến động, xóa bỏ mọi dị biệt là căn nguyên của sự phong phú, nên các chính thể chuyên chế đều ưa những thứ Duy này: Duy nào cũng được: Tâm hay Vật không mấy quan trọng, hễ đã Duy là sẽ đưa đến chuyên chế, đưa đến ngưng đọng, đưa đến đồng đều.

Đến đây ta nhận ra vai trò của số 3.

b.- SỐ 3

Số 3 đem sự biến động đặt vào con người nơi thâm sâu đến độ sự biến động trở nên tính chất nền móng của con Người. Nói theo Việt Nho thì người là một Tài trong ba Tài là Trời, Đất, Người. Trời đất như hai hạn từ (terms) hay là hai đối cực mà tương quan là con Người, con người xuất hiện như tương quan giữa Trời cùng Đất.

Đây là một tuyên ngôn quá vĩ đại nên biết bao học giả không dám xét tới, hoặc coi khinh. Học giả James Legge cho là đại đột. Bình luận thế vì ông đứng ở quan niệm Triết lý bản thể, nên hiểu theo nghĩa người cũng có bản tính cao cả to lớn như Trời cùng Đất, nếu thế thì Tam Tài quả là điều tầm bậy. Nhưng đứng vào quan điểm năng động, định nghĩa con người là một tác năng thì không có gì là “phạm thượng”

vì cái chi con người cũng phải làm ra, cũng phải tạo dựng lấy: từ nghệ thuật, thi, ca, nhạc, khoa học, tinh thần đều phải tự tay tạo dựng: tất cả đều phải là sản phẩm của nhà làm ra...

. Xét về phương diện ấy thì con người quả là một tác nhân như Đất Trời, nên cũng gọi là tham thông tức con người thông với Trời cùng Đất. Chữ tham có nghĩa là cả ba (tam) tham dự với nhau: đây là người tham dự với Trời cùng Đất. Trời cho con thịt, người tham dự vào bằng cách xào, rán, bó giò, làm gói.

Cũng là tình Người mà làm ra biết bao liên hệ nào Vợ Chồng, Cha Con, Vua Tôi, nào Lễ, Nghĩa, Liêm, Sỉ... Nhân chủ ở tại chỗ tham dự nọ.

Vậy phải xét theo quan niệm hành động của con người mới đúng thuyết Tam Tài, thấy không có việc nào của con người không liên hệ với Trời Đất. Nói cụ thể là tùy nơi tùy thời. Một việc tốt là một việc do người làm ra ở một lúc xứng hợp, trong một nơi thích đáng: “the right man in the right place at the right time” nói kiểu Triết thì một việc phải có cả “Thiên thời, Địa lợi, Nhân hòa” mới là tốt: công việc nào cũng phải nương theo Thời và Nơi thì tất phải dành cho con Người một chỗ để quyết định Thời và Nơi ấy. Đó gọi là thuyết Tam Tài.

Hậu quả trên đọt Triết là thuyết Tam Tài giúp tránh được tai họa định mệnh: cái chi cũng phó mặc cho Trời. Còn đây thì “có Trời mà cũng có Ta”. Vì vậy không là cưỡng mệnh cũng không định mệnh mà là thiên mệnh được hiểu là Tính con người, nên thường nói: “tận nhân lực nhi qui thiên số”: Thiên số đã vậy mà cũng không quên Địa hay duy Địa: không kinh tế chỉ huy tất cả con người vì còn có những cái cao hơn nhiều như Tình và Lý.

Minh triết ở tại xếp đặt các yếu tố đó cho hòa hợp: cho cao Trên thấp Dưới để không có Duy nào hết: Nhân chủ là vậy. .

Ngoài ra quan niệm Tam Tài còn là con đường tốt nhất để dẫn đến chỗ trọn hảo: người tốt là gì, là người nghĩ đến việc theo đuổi cái tốt cho mình, mà cũng luôn cho người khác, ít nhất không gây hại cho tha nhân.

Lý tưởng là cảm thức được nhân loại tính ở cùng khắp nơi để nói được là “vũ trụ nội mạc chi phận sự” không gì tôi không tham dự: nếu vừa tầm sức thì tôi làm hết mình, nếu vượt quá tầm sức tôi thì tôi cũng vẫn tham dự bằng cả Ý, Tình, Chí tức chấp nhận cách thành khẩn: vì đó cũng là tham dự vào kiểu cách con người tức bằng tán thành tận tâm. Như vậy cũng là sáng tạo ra cái gì riêng của mình làm như ấn tích mình ghi trên những cái vượt sức, tức mình không những chấp nhận mà còn

thành thực mến yêu, đó gọi là amor fati, không mất chút thì giờ nào vào việc trách Trời trách Đất, trách Người: “bất oán thiên, bất vu nhân”. Nhờ thế vẫn nói được rằng việc đó là của tôi, Vũ trụ của tôi, trong đó tôi có phần đóng góp.

c.- SỐ 5

Đây là bộ phạm trù lớn lao của Thời gian, Không gian quen gọi vắn tắt là Ngũ hành. Chính Ngũ hành làm cho ra cụ thể hai chữ Thời Không quá trừu tượng. Nó cụ thể hóa bằng cung ứng cho một Cơ cấu nền tảng trên hết mọi Cơ cấu. Nhờ vậy nó giúp giải quyết không biết bao là vấn đề rắc rối trong Triết để đưa đến chỗ hiện thực bản tính trung thực của con Người. Vấn đề rắc rối sâu xa hơn hết trong Triết là vấn đề Hữu hay Vô, hoặc Nhất hay Đa. Vũ trụ là Nhất hay Đa, vạn vật Nhất Thể hay Đa Thể.

Chủ trương Nhất như Ấn Độ hay Lão Trang thì chối đa tạp biểu lộ bằng không nhận phân biệt cao thấp, tốt xấu, sống chết...

Nếu chủ trương Đa thì chỉ biết có những vật trong hiện tượng, gọi là duy-vật thể (chosisme) hoặc hình thức quen thuộc hơn là duy Vật (materialisme).

Đó là đẩy Vô thể ra khỏi cặp đôi Hữu Vô tương sinh.

Nói thấp xuống một bậc là đẩy Trời ra khỏi Đất, đẩy Thời gian ra khỏi Không gian.

Áp đặt vào Người là đẩy Vô biên tính ra khỏi con Người, tức vất bỏ linh thiêng tính của nó.

Nói Ngũ hành cũng là nói Âm / Dương, Không / Có, Đất / Trời, Thời / Không...

Tuy nhiên nói thế rất có thể mới ở đợt Lý trí mà không đi vào Cơ cấu, thì rồi tuy miệng nói ra thế nhưng lại mâu thuẫn với mình liền, như Lão Trang chỉ nhận có Chung mà thiếu Riêng, nhận có Trời mà thiếu Người.

Vì thế cần gắn liền Ngũ hành vào cõi Nhân sinh bằng Ngũ luân (vợ chồng, cha con, vua tôi, anh em, bè bạn) và Ngũ thường (Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín).

Đó là cụ thể hóa Ngũ hành để nó dễ ăn nhập vào mọi việc. Do đấy mà đem hình Việt Tinh tức hình Ngũ hành nguyên thủy là kép lên thành Hồng Phạm Cửu trù : Hồng Phạm là cái gương mẫu cao cả rộng lớn vô biên được tượng trưng bằng Trù ở giữa. Mỗi ô vuông là một Trù , chính chữ Trù là bờ cõi, Trù trung ương gọi là Vô biên, vì quả thực nó không có bờ cõi, nếu ta lấy 8 Trù rời ra khỏi Hồng phạm thì Trù (ô giữa) biến mất . Vì thế cái “Trù” giữa “ gọi là vô hình, vô biên, vô cùng tận.

Chính sự Vô biên đó mới làm trọn vẹn con Người, mới đem lại cho con Người hạnh phúc chân thực gọi là Việt Tĩnh tức ví như cái giếng thiêng luôn chảy nước ra linh nhuận mọi việc. Việc nào làm theo hướng đó thì sẽ trường tồn, sẽ tạo niềm an lạc, gây hạnh phúc, nên gọi là nước Cam tuyền (tuyền là giếng gợi ý do chữ giếng ẩn trong khung hồng phạm). Do đấy trong Huyền sử nước Việt mới có truyện Việt Tĩnh Cương tức nói đến Đạo lý, cái mẫu mực đem lại an vui, hạnh phúc. Việt Tĩnh Cương cũng gọi là Cửu Lạc vì nó đem lại cho Thân Tâm một sự an lạc do sự quân bình nội khởi làm cho Tâm hồn trở nên an nhiên tự tại.

Theo quan niệm cổ xưa thì bệnh hoạn phát xuất do sự chênh lệch của khí huyết. Lập lại được sự quân bình là khỏi bệnh. Trên cấp siêu hình cũng có một sự bình quân siêu tuyệt gọi là “quân Thiên” = heavenly equilibrium, khi nó chỉ huy toàn bộ Thân Tâm thì sẽ đem lại sức mạnh làm cho sống hết tuổi đời cách đầy đủ an vui như được uống nước cam tuyền tự trong lòng mình luôn luôn trào vọt.

Chính bản gốc con Người là Vô biên tính, những cái làm nên khác biệt của con người không là những cái hữu hình, hữu hạn, trật trờ ra trước mắt, mà là những cái vô hình, vô tượng, vô thanh, vô xứ, những Tình cảm bao la, những ý nghĩ quảng đại, những động cơ cao viễn, có đáp ứng được những cái vô hình đó mới là chí thành: tức thành con người trung trực trọn hảo.

3.- Tóm lược Tóm lại ba Nguyên lý nền tảng trên là:

a.- **ÂM DƯƠNG** Đặt con người vào Nhất Thế với Vũ trụ: cả ba cùng một tác động như nhau: không gì không là Âm Dương. Một vũ trụ quan toàn diện gồm cả Thời gian lẫn Không gian.

b.- **TAM TÀI:** Một Nhân sinh cao cả đặt con Người ngang hàng với Trời Đất trong phương diện tác hành và tạo dựng, khác hẳn con vật, con vật chỉ dùng sự vật phác tố y nguyên. Con người thì khác, nó lập lại, làm ra của mình, trong ba nhu yếu thâm sâu: Thực, Sắc, Diện đều có tham dự vào hết nếu không trong cơ cấu thì cũng trong văn sức ngoại diện.

c.- **NGŨ HÀNH** . Là Tâm linh sử quan có giá trị vô biên ở chỗ cơ cấu hóa được cái Vô thể.

Biến vô thể trừu tượng của Ấn Độ, vô thanh của Nho thành ra cái Trống được tiêu biểu trong trống Đồng, còn thực tế là Đạo đi vào Đời tránh được nạn chỉ biết có Đời, có hiện tượng như các Triết xây trên Hữu thể hoặc chỉ biết có Vô xây trên Vô thể thái hư.

Ngũ hành đã thành công đưa ra được nền Triết lý dung nhiếp cả Có lẫn Không. Xếp những cái Có bé nhỏ quanh cái Không vô biên để cái Không trở nên Đạo Trống. Trống là trống không của lòng Trống rỗng được tạo dựng nên do cái tang trống. Vậy trống Đồng là kết tinh của Tứ quý, Tứ quý mượn của bốn mùa mà có, y như trù Trung ương (trong Hồng Phạm) phải mượn bờ cõi tám trù chung quanh mà thành, thì trống thể của trống Đồng cũng mượn cái tang của trống mà Trống nghĩa là không ai thấy, nhưng lại tác động ở đợt căn cơ mở đầu cho mọi công cuộc. Các lễ hội Việt bao giờ cũng mở đầu bằng 3 hồi 9 tiếng trống là thế.

III.- TỔNG LUẬN AN VI

1.- An Vi là nền Triết lý mới nhất Được đề nghị với thế giới hiện đại

coi như xứng hợp để dẫn đến cảnh Phong lưu, một cảnh sẽ trái ngược với môi đe dọa loài người hiện nay là nạn Cơ Tâm: Tâm hồn trở nên khô cạn như Cơ Khí.

Trang Tử có lần nói: “Cơ Tâm là do hữu Cơ Khí”. Làm thế nào để “hữu Cơ Khí mà không bị Cơ Tâm”. Có làm được như thế mới đạt lý tưởng là mưu hạnh phúc cho toàn cầu: đưa nhân loại đến thời Phong lưu nhân bản, để phát triển những khả thể cao siêu nơi con người. Đó là vấn đề mà Triết học nhân loại đã cố giải quyết nhưng chưa thành tựu. Ta hãy phân tích tình hình để rút kinh nghiệm.

2. - Lấy HẠNH PHÚC ĐỜI NÀY làm CỨU CÁNH

Trước hết hãy xét các thuyết lý lấy Hạnh phúc đời này làm cứu cánh cuộc sống có chấp nhận được chăng. Thưa rằng có, đó là con đường mọi người đều theo cách bền bỉ, mặc dù những người đi lối thanh giáo khắc khổ coi như chống lại. Kỳ thực chỉ chống trong phương thức do sự đặt hạnh phúc ở đời này hay đời sau, chứ kỳ thực cũng là theo đuổi hạnh phúc, chỉ khác là họ không đặt ở thế giới hiện tại, nên dùng phương pháp coi như chống lại hạnh phúc thí dụ cách sống khổ hạnh, cực nhọc... Kỳ thực đó chỉ là phương tiện để tìm hạnh phúc cao hơn theo niềm tin càng khổ cực bao nhiêu lại càng tỏ ra say xưa thành khẩn đi tìm hạnh phúc bấy nhiêu, chịu cực là để chắc đạt hạnh phúc hơn, và để đạt hạnh phúc một cách lâu bền toàn triệt. Như vậy ta có thể coi Hạnh phúc là cứu cánh cuộc đời này; đối với những người muốn đạt hạnh phúc ở đời sau cũng không cần thay đổi lập trường vì có thể cho rằng tìm hạnh phúc ở đời này chính là điều kiện cho được hạnh phúc đời sau. Đời này có Hạnh đời sau mới Phúc.

3.- Tiêu chuẩn Hạnh phúc: CHÂN THIỆN MỸ

Nên ta có thể dùng Hạnh phúc đời này làm tiêu chuẩn vững chắc hơn cả: vì gồm cả Chân, Thiện, Mỹ. Ngược với tiêu chuẩn y cứ vào một mặt thí dụ Chân hoặc Mỹ: những tiêu chuẩn này tỏ ra không đủ tầm bao quát vì Chân lý là gì? Các Triết gia đã tranh luận hàng bao thế kỷ chưa ngã ngũ. Ngạn ngữ nói cái bên này núi cho là thật thì bên kia lại cho là giả. Vì con người bị trói vào một quan điểm: chỉ thấy được một chiều của sự vật làm sao có được sự thật toàn triệt để đem ra làm tiêu chuẩn phổ biến. Chỉ như hạnh phúc thì mọi người trực cảm nghiệm được: nó hiện hình ngay ra trước mắt ai cũng có thể thấy phần nào. Vậy phải lấy Hạnh phúc làm cứu cánh cuộc đời này, lấy trọn vẹn đến nỗi Hạnh phúc trở nên tiêu chuẩn đo lường mọi giá trị. Nó không có tính cách phổ biến vì Hạnh phúc mỗi người một khác, nhưng nó trung trực thiết cận ngay vào Thân Tâm con Người ở Đây và Bây giờ nên rất cụ thể. Con người trong cõi hiện tượng không thể cầu hơn được nữa.

4.- Phương thức HÀNH ĐỘNG

Bàn luận xong về cứu cánh và tiêu chuẩn, bây giờ phải quyết định phương thức hành động sao cho đạt tới. Hành động cao nhất Việt Nho gọi là Đốc hành. Phân tích đến cùng cực cách hành xử của con người ta thấy nó qui ra ba hạng tùy với sự đối đãi của Chủ thể và Đối tượng.

Khi Đối tượng (Object) đoạt Chủ thể (Subject) ta hãy gọi là Hữu vi.

Chủ thể đoạt Đối tượng là Vô vi

CHỦ THỂ/ ĐỐI TƯỢNG hài hòa (Lưỡng nhất) là AN VI

Đối tượng đoạt Chủ thể xảy ra như câu nói trên của Trang Tử: “Hữu cơ Khí tất hữu cơ Tâm” = có cơ Khí tất có cơ Tâm hay là khi con Người dùng nhiều máy móc thì Tâm hồn tất bị Cơ khí hóa, bị máy móc hóa tróc hết Tình người. Tâm hồn không giữ được tính thể riêng của nó nữa mà bị sát nhập vào đối tượng, gọi là đối tượng-hóa (objectivation) hay vật thể hóa (thingification).

Duy vật là một hình thái của sự Vật thể hóa này, người ta không nhận ra được vì trong trạng thái đó con người vẫn giữ được phần tiểu ngã như ai, không ngờ rằng thú vật nào cũng có bấy nhiêu: cũng ăn uống cũng làm tình... nhưng phần Đại Ngã là phần riêng biệt của con Người thì không còn, như Tâm tình cao thượng, lòng yêu thương khắp hết, sự quý chuộng Chân, Thiện, Mỹ; không còn nữa những cố gắng vươn lên miền cao cả.

Tất cả không còn, từ sự vật, thú vật đến con người chỉ khác nhau về hơn kém chứ không còn cái đặc trưng gọi là linh thiêng nữa. Tai họa như thế kể là toàn triệt: con Người bị vong Thân giữa đám sự Vật.

5.- Triết lý HỮU VI của Tây Âu

Tai họa này nói chung Âu Tây đã đi vào tự đầu kể từ Thales chủ trương Bản thể cuối cùng của vạn Vật là Nước hay Democritus với thuyết Nguyên tử...trải dài qua Plato, Kant, Hegel; đều kinh doanh trên sự Vật, học về tượng ý của sự Vật. Tuy có nhiều lần phản đối, cựa quậy nhưng không thoát được, vẫn sấp một chiều dưới sức nặng của ý hệ. Ficht đã đưa ra một duy Tâm luận giống lạ lùng với thuyết của Shankara, Schopenhauer thì hầu như hội nhập toàn bộ thuyết lý của Phật, của các kinh áo nghĩa thư giống như tổng hợp Vedanta, còn Nietzsche cuối đời đã bị ám ảnh bởi ý niệm “sự trở lại vĩnh cửu” (eternal recurrence).

Đó chẳng qua là một dị-bản của thuyết Luân hồi.

Tất cả những cố gắng này thực ra chỉ là những bắt tay với hàng xóm theo định lý hai Thái cực (Hữu, Vô) ở liền ngõ nhau nên đôi khi bắt tay nhau, và nhờ sự mới lạ nên đã gây được ít nhiều chú ý nhưng cuối cùng cũng chỉ vang bóng một thời vì sự mới lạ của nó, nhưng rồi cũng xẹp xuống như tại nơi xuất xứ. Ta hãy xét tận gốc của chúng là Ấn Độ quê hương của thuyết Vô vi.

6.- Triết lý VÔ VI của Ấn Độ

Để phản pháo lại Hữu vi thì Vô vi nhận thái độ quay lưng lại Đời. Họ chủ trương rằng muốn Tâm không bị cơ khí thì đừng thân dụng Cơ khí, cho chắc ăn nên li lià thế giới Đối tượng gọi là “Tị thế” như Lão Trang chủ trương. Nhưng Lão Trang chỉ là hai cánh nhọn lẻ loi ở cõi trời Đông, còn chính ổ của Vô vi là Ấn Độ. Ấn Độ không còn thèm trốn sự vật nữa mà chối tuột là không có.

Vạn vật đang phơi mình quanh ta chỉ là ảo ảnh, là maya “tuồng ảo hóa đã bày ra đó” khỏi cần để tâm, khỏi cần trốn, có gì đâu để mà phải trốn, trốn đi đâu, vì đâu cũng là ảo hóa. Cả tấm Thân này nữa trốn cái chi. Thế là hết: không còn Chủ thể lẫn Đối tượng, khỏi lo gì về tai họa bị Đối tượng hóa.

7.- Sự thất bại của Tăng Lữ thành công chẳng?

Thừa đó chỉ là những suy tưởng chủ quan không xóa bỏ nổi Đối tượng, nên vẫn bị như thường, kiểu đà điều vui đầu vào cát để khỏi thấy người săn, nhưng thợ săn càng dễ bắt. Chứng cứ là các Tăng Lữ Brahmana đã trở nên những người làm giàu mạnh nhất: không từ chối cả những phương tiện phi nhân: thí dụ tục bắt các bà góa phải lên giàn hỏa chết theo chồng được Tăng Lữ cổ võ duy trì thành khẩn, vì sau khi các bà chết, của cải đương nhiên thuộc về các Brahman (tên gọi Tăng Lữ của thần Brahma).

8.-Nguyên do thất bại

Do thế mà tài sản bị thu dồn vào đẳng cấp Tăng Lữ quá nhiều gây nên sự chênh lệch lớn lao, đưa đại chúng vào cảnh khổ cực. Đến nỗi các cuộc chống đối Brahman cũng mang hơi hướng kinh tế, chẳng hạn kinh Upanishad Chandogya ví các cuộc kiệu của Tăng Lữ đương thời với đoàn chó cắn đuôi nhau sửa om om (om là tiếng thánh của đạo Bà La Môn). “Om chúng ta hãy ăn! Om chúng ta hãy uống!” Luật phép đã được Balamon đặt ra nên rất có lợi cho các Tăng Lữ: thí dụ nếu giết Tăng Lữ thì phải chết vì đó mới chính là tội giết người, còn giết các đẳng cấp dưới chỉ phải đền bằng bò: giết Sudra đền 10 bò, giết Vaysia 100 bò, Kshatriya 1000 bò, nhưng không phải đền cho nạn nhân mà dâng cho Brahman. Trách gì Tăng Lữ không giàu sụ và bị chống đối. Người chống đối Balamon hơn hết là Phật Thích Ca đã được tiếng là đập tan hai triệu thần của Bà La Môn. Trong thực tế Phật cực kỳ khinh thị các sãi Bà La Môn và đã làm cho đạo Bà La Môn lu mờ hẳn. Mãi đến thời Shankara mới phục hồi lại được bằng cách hội nhập Phật vào Bà La Môn giáo, tuyên dương Phật là một hiện thân (avatar) của thần Brahma, cũng như chấp nhận nhiều giá trị mới của Phật tức là rút tĩa hết giá trị của Phật; kết quả là Phật giáo trở nên lu mờ hẳn trên đất Ấn Độ.

Ngày nay chỉ còn không đáng kể. Xem bao quát lịch sử Ấn ta thấy Bà La Môn đàn áp con người đã vậy, mà cả đến những người cố gắng vươn lên như Shankara cũng không để ý giải thoát người dân Ấn Độ. Đủ thấy rằng Vô vi cũng thất bại như Hữu vi, có phần hơn là khác. Vì Hữu vi đã đi vào cơ khí tuy có hữu cơ Tâm, nhưng cơ khí giải thoát con người được bước sinh. Chỉ còn tìm ra Triết nào giúp cho dấu hữu cơ Khí mà không hữu cơ Tâm. Có chăng? Thưa đó phải là An Vi.

9.- Cách HÒA GIẢI theo TRIẾT LÝ AN VI

An Vi hòa giải Chủ thể với Đối tượng cách ổn hơn hết. Vì thế nói đến An Vi ai mà chẳng ưng. Thế nhưng nói dễ làm khó. Khó đến nỗi không nói lên được “lời ràng buộc”. Vì thế ở đợt triết cùng này thì cần xoay ngược câu “nói dễ làm khó” thành “nói khó làm dễ”.

Sau đây là những lời nói cần thiết để làm nên Triết lý An Vi, có xét qua ta mới thấy khó vô cùng đến độ biết bao đời Triết mà chưa nói lên nổi.

10.- Người , Lời nói khó thứ nhất: Người là gì?

Hầu hết câu thưa đã đánh mất Tính thể con Người, chỉ còn lại có “con Vật biết suy lý”, “con Vật kinh tế”, “con Vật hợp quần”.

Tất cả đều đánh mất chiều kích Vô biên làm nền tảng tinh cốt của con người Đại Ngã, nên bị sự Vật đàn áp dễ dàng.

Vì thế An Vi chính hiệu đưa ra một con Người cực kỳ to lớn, to đến nỗi đặt ngang hàng cùng Trời Đất, hàm ý rằng Trời Đất có vô biên đi nữa cũng không đàn áp được ta vì:

“Ta cùng Trời Đất ba ngôi sánh, Trời Đất Ta đây đủ Hóa công.”

Ta cũng “đội Trời đạp Đất ở đời Làm nên động Địa kinh Thiên dùng dùng” Như vậy về to lớn địa vị vững rồi, khỏi lo vong Thân, có đáng lo là bị trách phạm thượng, hay ngông, hoặc không tương. Nhưng trách mà chi: đó chẳng qua là thuật Tâm lý chiến, nói già dặn để tránh khỏi bị nuốt trôi mà.

11.- Yếu tính của CON NGƯỜI ĐẠI NGÃ

Bây giờ ta hãy xem đến Yếu tính của con Người Đại Ngã, có mạnh chẳng hay yếu xèo. Nếu yếu thì có to như Trời Đất cũng bằng nằm phơi xác ra đó cho Trời Đất dày. Phải vậy chẳng?

Thưa không phải chút nào hết. Trái lại Yếu tính con người là Động tác, là Hành, là Ngũ hành; con Người bị dị chứng với Thụ động tính (man is allergic to passivity) nghĩa là con Người sống được là do “có Làm” là do “không thể không Làm được”, y như thời gian không thể ngừng nghỉ. Con người cũng vậy, vì con Người làm nên bởi chữ Thời, cũng cùng một Yếu tính như Thời gian. Thời gian không hề ngưng chạy, con Người cũng vậy, không thể ngừng nghỉ, luôn luôn phải là tác Hành, tác Hành cùng cực. Thời là Trời, là Thiên “hành kiện” quân tử cũng phải Hành kiện theo đó: “Thiên hành kiện Quân tử dĩ tự Cường bất Túc”

12.- Liên hệ giữa NHÂN SINH và VŨ TRỤ

Nhân sinh muốn tác Hành cùng cực tất nhiên Vũ trụ phải năng động.

Vũ trụ quan ví như cái đồ đựng con Người: nó in dạng thức nó lên con Người trọn vẹn đến nỗi tục ngữ nói được là “ở Bầu thì tròn ở Ống thì dài” tức Vũ trụ quan in bản chất nó lên con Người:

Vũ trụ Tĩnh con Người cũng Tĩnh, cũng Thụ động. Đó là trường hợp của con Người theo quan niệm Hữu vi, vì Vũ trụ quan của nó Tĩnh chỉ nên con người cũng tĩnh chỉ ù lì, thụ động trước Định mệnh, như con người Âu Châu đã bị thế, xuyên qua dòng sử mệnh của họ: luôn luôn nằm dưới ách Định mệnh moira.

Cho đến nay tuy vậy vùng tưởng là thoát, kỳ thực lại bị ông Địa đè cổ, nhưng nói kiểu Văn hoa để che đậy rằng “ Hạ tầng Kinh tế chỉ huy Thượng tầng Văn hóa”. Hèn chi mà Văn hóa đó “thù nghịch với sự động” để nói theo Nietzsche: Người sao Chiêm bao làm vậy: người mà yếu xìu thì Văn hóa, sản phẩm của Người cũng yếu xìu, như quả thật quan niệm con người trong Triết cổ điển.

Ấy cũng vì Thụ động tính mà con Người bị sự vật nó cơ Khí hóa (đây là nói theo Triết, chứ còn người Âu Tây rất hoạt động, nhưng hoạt động theo Lương tri chứ không theo Triết, ít ra Triết học ở nhà trường .

13.- Mối tương quan giữa CON NGƯỜI và VŨ TRỤ

Vậy muốn có và duy trì được Hoạt động tính, con Người tất phải được “đựng” ở trong Vũ trụ quan động; động giữa Âm / Dương, Sáng / Tối, Cứng / Mềm, Nam / Nữ, Lớn / Nhỏ, Có / Không để dệt lên tấm vải Tương quan dạng làm Môi trường hoạt động cho con Người.

Đó là bí quyết thành công của An vi: nó ở tại đặt trên Tương quan mà không trên sự Vật. Như Cơ cấu luận nay đã hé thấy điều đó và đang cố gắng đi tới việc đặt nặng trên Tương quan mà không trên hai Hạn từ là Năng hay Sở, Tâm hay Vật.

Chưa biết có thành công hay chẳng. Vì tuy đó là Cơ cấu nhưng quá nhiều chất Lý trí, chưa phải là Cơ cấu thực thụ, ít ra Cơ cấu chính tông.

Vậy ta hãy đi về với Cơ cấu Tổ của An Vi để xem cái chất chính tông của nó.

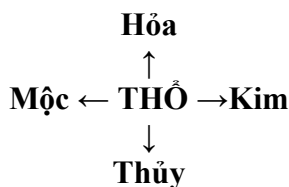
14.- Vai trò quan trọng của HÀNH NGŨ trong NGŨ HÀNH

Đến đây mới thấy hiện lên bí mật của Ngũ hành mà xưa rầy người ta quen dùng theo nghĩa ma thuật không phải theo nghĩa Cơ cấu. Theo nghĩa Cơ cấu thì “Ngũ hành” chính là hành hướng về với Ngũ tức là về chỗ “không có gì” (có thể dịch là “to be”) nên hành Ngũ gọi là “Hành vô Địa, Hành vô Hành”. Hành vô Địa là không có Phương, Hành vô hành là không có Mùa, mà là hành Vô biên bên ngoài phạm trù Thời gian và Không gian bé nhỏ : nó Vô biên trong Không gian, Vô cùng trong Thời gian.

Đấy mới là Trường hoạt động của Triết lý An Vi cũng là của Con NGƯỜI viết hoa tức chính là Yếu tính Con NGƯỜI.

Con Người cần được nuôi dưỡng bằng cái Trống không vì đó mới thực là nền tảng của Tinh Thần, được Kinh Dịch định nghĩa cách tuyệt vời là “ Thần vô phương”. Xem vào Cơ cấu Ngũ hành sẽ thấy rõ. Thủy / Hỏa - Thổ - Mộc / Kim .

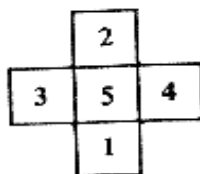
Thủy / Hỏa ở hai cực trên dưới đối đãi nhau thì tương quan là Thổ. Kim / Mộc ở hai cực phải trái đối đãi nhau: tương quan cũng là Thổ.



Đồ hình Ngũ hành

Số độ Ngũ hành

Nếu tách 4 ô 1, 2, 3, 4 ra thì ô 5 :
không: Vô biên : Vô cực



Hành Thổ sẽ là số trống

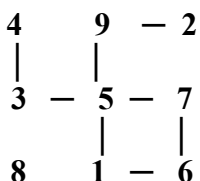
Nguồn Tâm linh

1, 2, 3, 4 (Thủy/ Hỏa, Mộc / Kim (Tượng trưng cho Hữu (Vũ : Không gian : Space)),

5 : Thổ tượng trưng cho Vô (Trụ : Thời gian: Time)

Vô / Hữu lưỡng nhất : Vũ Trụ : Time – Space – Continuum (Einstein)

Lấy các Số Lẻ (Thời gian) và số Chẵn (Thời gian) trong Lạc thư sắp theo mạch nối chữ Văn và lấy Số Lẻ số Chẵn *(Không gian) xếp theo mạch nối chữ Vạn lên trên trục Tọa độ vuông góc (cho số Lẻ) và chéo góc cùng Tâm (cho số Chẵn) rồi cho quay ngược chiều , thì các số Lẻ Chẵn đan kết với nhau cá biệt hoá mà sinh ra Vạn vật .



Mạch nối Chữ Văn (Tả nhậm) : swastika 卐

4	-	9	2
3	-	5	-
8		1	-
			6

Mạch nối Chữ Vạn (Hữu nhâm) Chữ Vạn : sauwastika

卍

(Xem Lạc Thư Minh Triết của Kim Định)

15.- Con Người ngự giữa Hành Thổ

Hỏa (Thiên)
↓
Thổ (<u>Nhân</u>)
↑
Thủy (Địa)

Thiên / Địa : Nhân

Vậy mà Thổ là chính Con Người ngự giữa Thủy Hỏa (Trời Đất) cũng như ở giữa Kim Mộc (Vạn Vật) nên nói Người là đầu Ngũ hành (là nõi là tinh túy Ngũ hành) hoặc nói theo Cơ cấu thì Con Người là hành Thổ.

Kinh Dịch nói “An Thổ đôn hồ Nhân” là nói lên tác động căn bản của Con Người: Con Người phải hướng vào mối Tương Quan to lớn nhất giữa Trời với Đất là Người. Đó là kiểu nói của Cơ cấu, nói thường là “Tồn Tâm dưỡng Tính”, nói theo cơ cấu là “An Thổ”. Điều đó kéo theo hai hệ luận, một: Yếu tính con Người nằm trong chỗ Vô hình. Cho nên đường lên Cá tính phải đi theo lối rời “to Have” tới “to Be” nói đơn sơ là từ To tới Nhỏ. Khi đi đến chỗ cùng cực thì chạm vào cõi Vô biên. Vậy nên làm những cái nhỏ, những cái “vô dụng” cũng chính là đường lên Tinh thần.

16.- Đường về TẢ NHẬM

Do đó đường lên Cá tính đi ngược kim đồng hồ. Việt Nho gọi là đường Trời hay Hình nhi Thượng với ý nghĩa tìm về với cái Bé nhỏ, cái Phàm, đó là đường ngược với lối đi xuôi gọi là Hữu nhậm là Hình nhi Hạ hay đường Đất cụ thể là tìm về cái

To lớn, cái gì có khối lượng, như nghệ thuật đồ sộ, những đèn điện khổng lồ vượt tầm mức con người gây cho người xem cảm tưởng bị đè bẹp. Tai nạn đó xảy ra do cái đối khối lượng (gọi là tham). Đó là tại đi theo Hữu nhậm là đường về Địa hay Vật chất. Đó là lý do giải nghĩa tại sao Đông phương coi trọng Nghệ thuật vĩ tế, chuyên về những nghệ thuật bé nhỏ như ngọc thạch, cái dù, bộ chén, đồ chơi, cái quạt, những tranh sơn mài chạm trổ công phu. Càng nhỏ và càng lẩn vào cuộc sống càng hay. Đó không là những sự chơi suông vô ích, mà chính là con đường dẫn đi xa khỏi Vật chất để đưa gần đến Tinh thần. Vì thế ở miền Việt Nho hầu như không ai lưu danh hậu thế vì tài kiến trúc chạm trổ, nhưng lại có cả hàng trăm hàng ngàn người lưu danh trong hội họa, thi ca ... tức cố đi đến lý tưởng là “sống ở đời như Thi sĩ” (Molderlin) tức sống gần Tinh thần theo nghĩa sẵn sàng bỏ miền “to Have” để đi sang miền “to Be”, mà cụ thể là trọng Nghĩa khinh Tài. Tinh thần biểu lộ cách cụ thể là vậy: đi tự To tới Nhỏ.

Sự vật càng nhỏ, càng vô dụng, con người càng dễ dàng buông thoát, không bám sát vào cửa cải, lòng sẽ sẵn sàng chịu phân chia tài sản. Mà đó là điểm then chốt để con Người tiến vào giai đoạn Phong lưu, giai đoạn coi Người trọng hơn của, lấy những đức tính cao cả, những Tình người nồng hậu làm quý nhất ở đời.

Bởi vậy để tâm vào những việc vô vị lợi chính là con đường dẫn đến chỗ làm chủ đối tượng. Làm chủ mà không chối bỏ nên con Người chiếm ba (3), Vật chiếm hai (2), nói bóng là bành Dầy bánh Chung, Thiên viên Địa phương. Nếu ta vẽ vòng tròn bao vuông (hình vuông ngoại tiếp), nói khác đi là vuông mà tròn, tròn mà vuông. Đó là điều Triết học Lý niệm không thể tưởng tượng, đã Tròn thôi Vuông, đã Vuông thôi Tròn, không sao vẽ được cái Vòng Vuông. Căn do sự bất lực nọ phải tìm trong câu định nghĩa con Người bé nhỏ, trong vụ tôn thờ Lượng Chất lớn lao, trong Vũ trụ quan Tĩn. Đây là căn do gây nên sự đổ vỡ của Văn hóa một chiều hoặc Tròn hoặc Vuông. Trái với Tròn ôm Vuông cân đối, nó lâu bền như Trời cùng Đất vậy.

18.- LẠC LONG QUÂN: NGHỆ TỔ

Như vậy sự giữ được cả Tròn lẫn Vuông, tức pha độ sao cho đúng quả là một nghệ thuật tối cao. Huyền sử nói là Lạc Long Quân (Tổ Việt) “đóng đô ở Nghệ An xứ” là có ý nói người là NGHỆ TỔ viết hoa tức đã đạt được Nghệ thuật thượng thừa ở tại nơi Trời với Đất, Trời cao Đất thấp mà nói lại được quả là trác việt. Chữ Nghệ cổ xưa thành bởi hai nét ngược chiều: một nét phẩy, một nét móc: 乂 = 丿 + ㇇ Nét Phẩy tiến theo kim đồng hồ có thể chỉ Triết Hữu vi mà tượng trưng là chữ Vạn Đức Quốc Xã chỉ “extraverti” hướng Ngoại.



Chữ Vạn (Đức Quốc xã: Hitler) Chữ Văn (Nhà Phật)

Chữ Vạn :Đức Xã (Hữu nhậm) Chữ Văn của Phật giáo (Tả nhậm)

Nét Mác tiến ngược kim đồng hồ có thể chỉ Triết Vô vi mà tượng trưng là chữ Văn “intraverti” hướng Nội. Triết Việt lồng cả hai, thành chữ Nghệ với hai nét ngược chiều giao nhau.

Nét phẩy: 丿 (extraverti :Hữu nhậm) Nét móc ㇇ (intraverti: Tả nhậm)

Nét Phẩy / Nét Mác Lương nhất : Chữ Nghệ: 乂

19.- TRIẾT LÝ HỮU VI

XIỀNG XÍCH HỒN NGƯỜI

Còn thực tế là khi đọc Triết Hữu vi ta thấy nó bàn về các cái thực tế như Lửa, Nước, Nguyên tử, hoặc về Kinh tế, Chính trị, Khoa học, Máy móc, hoặc về Ý niệm sự hữu “ontology”. Ta có cảm tưởng sự kiện được kết cấu chồng lên cao ngất như tháp Eiffel hết sức đồ sộ nguy nga, bụng bảo dạ rằng thế mới là Triết, Triết phải hệ thống hóa như vậy mới ra Hồn. Nhưng chỉ ít lâu sau ta thấy như có cái gì bất an: trước thấy như giá lạnh và ngộp thở, rồi sau cảm tưởng như bị tù túng không có lối thoát. Thực tế là cảm tưởng tù túng biến ra một thứ xiềng xích để xích Hồn vào sự phục vụ cho chuyên chế. Nói kiểu trừu tượng là con Người bị nô lệ cho sự Vật, cho Vũ trụ... lúc ấy ta mới hiểu tại sao bao điều hay trong Plato, Kant, Hegel không được áp dụng mà chỉ có những điều tai hại được họ tung hô như thần thánh hóa chính quyền là được thực thi.

20.- TRIẾT LÝ ÁN ĐỘ

MÁT CHÂN ĐỨNG TRÊN ĐẤT

Đến khi đọc sang Triết Án Độ thoát tiên ta cảm thấy cái gì như thanh thoát cao xa, quả như học giả Âu Mỹ xưa đã gọi là cảnh tiên siêu hình. Lúc ấy ta coi thường Triết Tây vì quá Hữu vi, còn triết Việt Nho không đáng nhắc đến nữa vì không hiện ra hình hài như hệ thống hay những suy luận cao vút tận ngọn Meru, mà chỉ là những

câu cụt ngủn bò lè tè trên mặt đất. Nhưng qua một hai năm trên Triết Ấn ta thấy như mình mất chân đứng trên Đất, cảm thấy đúng là bị dẫn ra khỏi Vũ trụ con Người. Không còn gì về Vũ trụ, ta cảm thấy mình rơi vào chốn trầm không u tịch (acosmic unconsciousness) không còn biết Trời đâu Đất đâu nữa. Cái gì cũng bị chối, để rồi có lúc lại quyết. Quyết rồi lại chối khiến ta phải quay cuồng chóng mặt trong các rừng kinh sách muôn trùng dằng co giữa Có với Không. Ít nhất có thể nói nó khó hợp với Văn hóa của Việt, nếu không được biến đổi sâu rộng.

21.- LÝ DO TRỞ VỀ AO NHÀ

Lúc ấy ta thấy bó buộc trở về với “Ao nhà”. Thoạt đầu thấy quả là ao đục, nông sò, toàn nói những chuyện quá thông thường Tề Gia, Trị Quốc, Tu Thân .. rồi cũng Kinh tế, Chính trị, Xã hội như Tây Âu nhưng kém hơn ở chỗ nó lộn xộn rời rạc, không hệ thống gì cả, toàn là bã mía, là hủ học.

Nhưng đột nhiên trong mớ hủ học đó có lẫn vài lời chỉ dẫn lên đường Tố Nguyên, nó thúc ta phải gạt sang bên tất cả để lần về Cội Gốc. Lúc ấy và chỉ lúc ấy thôi ta mới cảm thấy Triết Việt có cái chi khác hai bên Âu Ấn, đồng thời cũng giống hai bên: nếu áp dụng bộ số “Vài Ba Tham Lương” là 3 Trời 2 Đất ta liền nắm được chỗ Dị biệt của Việt Nho. Nó có giống mà cũng có khác: giống Hữu vi vì cùng ở trên Đất, cũng làm việc, nhưng thay vì để lòng vào đó tới 4 thì Việt để vào có 2, còn 3 thì để lên siêu tượng gọi là Tâm linh, nên lại giống với Ấn. Ấn để lên siêu hình cả 5, chẳng còn chi cho thực tại, thành ra coi tất cả là maya, là huyền ảo. Theo ba chữ thông dụng ở Việt Nho thì:

NHẬP THỂ cho HỮU VI

XUẤT THỂ cho VÔ VI

XỬ THỂ cho AN VI

HỮU VI / VÔ VI Lương nhất → AN VI (*Dual unit*)

Hữu vi đặt nặng trên Vật thể, đúng hơn trên Ý niệm của vật thể.

Vô vi đặt nặng trên Chủ thể (Tâm) trên Thái hư, nên tị thể, không làm.

An Vi đặt nặng trên chữ Tác hành.

Cũng tác hành như Tây Âu nhưng không đi đến lao tác, lao động, bó sát đối tượng, làm đến không còn được ngẩng mặt lên, đánh mất chữ Tiết trong việc Làm, nó ở tại một nhịp Vào một nhịp Ra: một Làm một Chơi.

CHỨTHỂ / VẬT THỂ Lương nhất → AN HÀNH

Hầu hết các Triết lý lao động hiện nay đều bệnh hoạn vì thiếu Tiết nhịp, chúng xuất hiện do phản đối sự không làm của Triết học xưa xây trên Ý, dừng lại ở Từ, không xuống đến Dụng, đến việc, coi việc là hèn.

Vì vậy ngày nay mới hô làm, làm trời chết. Vô vi là không làm. Đã quan niệm tất cả là Hư vô, là ảo hóa thì còn chi để mà làm. Thế nhưng không làm sống được chăng? Thế là phải có Nô lệ để nó “làm”. Chung cuộc cũng như Hữu vi chỉ có Nô lệ gánh chịu hậu quả quá đáng của Triết: dẫn đến kết luận là không có chi, nên không có làm, hoặc coi việc là hèn hạ dành cho tôi tớ. Cả hai không đặt nền tảng cho Triết lý Tác hành. Không đề cao lao động. Cả hai đều có Chế độ Nô lệ để chúng làm.

Con Người LƯƠNG THỂ: TIỂU NGÃ / ĐẠI NGÃ

An Vi đứng giữa coi việc làm như thành tố cấu tạo nên con Người: con Người được định nghĩa là tác năng, như vậy làm việc không còn là cái gì tùy phụ, mà chính là thuộc bản tính con Người, vì thế mà có làm. Có làm mới hợp bản tính con người nhưng con người gồm hai đợt (lương thể = amphibious) nên làm cũng phải có hai nhịp một Làm một Nghỉ (chơi).

LÀM cho Tiểu ngã chiếm 2,

CHƠI cho Đại Ngã chiếm 3.

Tác hành cũng có hai đợt như vậy (2+3) gọi là Ngũ hành, hoặc gọi là An Vi.

VI chiếm 2

AN chiếm 3.

Cụ thể là có Làm mà cũng có Chơi. Chơi cũng là Làm theo ý niệm làm được mở rộng có cả Chơi. Như vậy Chơi được hiểu theo nghĩa tích cực là để phát triển khả năng vô biên của con người. Hiểu theo đó thì chơi mới chính là phần cốt trong việc làm Người.

Vì Người là Linh, Linh là Thần. Vậy chơi là hiện thực chiều kích Thần linh nơi con Người mà diễn tiến có thể tóm tắt như sau: “Chơi là ngời ra khỏi những việc ích dụng gắn liền với sự sống còn, để đưa xa dần khỏi sự vật (ích dụng gắn liền với Vật chất, với Địa ta nói Địa lợi) để bay lên Tinh Thần.” Tinh Thần hiểu như vậy nó không có xa đâu : nó gắn liền ngay trong đời sống, nó tô điểm, nó làm đẹp đời sống, làm cho đời sống lên hương. Đời lên hương chính là Tinh Thần : Tất cả những thứ đó từ Nghệ thuật, Văn hóa, Khoa học đều gọi được là Chơi: “Chơi nhiều là lãi đấy”

không thêm lãi tiền lãi bạc mà lãi được Thần linh. Cuộc đời thiếu Chơi là cuộc đời lỗ vốn. Một nước no ăn đủ mặc, nhưng không ai có được chút giờ nhàn rỗi để sống cho mình thì Văn minh đó còn lỗ vốn.

Con người Tiểu ngã / Con Người đại ngã→I: Con Người phát triển toàn diện

24.- CON NGƯỜI: HÓA NHI ĐA HÍ LỘNG

Người lái tối đa là Đấng Tạo Hóa bởi Tạo Hóa chơi nhiều hơn ai hết. Kinh Thánh Ki-Tô Giáo nói : “Bay hãy nên trọn lành như Cha bay ở trên Trời”.

Triết Đông quan niệm “Cha trên Trời” như “Hóa nhi đa hí lộng”. Bản tính Hóa công là đa hí đa lộng, là chơi giỡn nô đùa, đời đời kiếp kiếp cũng chỉ có chơi giỡn. Cả Vũ trụ Càn Khôn cũng chỉ là một trò hí lộng của Hóa công. Con người là những Hóa công nhỏ cũng phải bắt chước Đại Hóa Công mà hí lộng mà chơi nhiều để được lãi nhiều.

Ở đời chẳng có gì đáng trịnh trọng quá đáng, hãy để sự trịnh trọng vào hết cuộc Chơi, sống đến độ như Chơi, Chơi mạnh là Sống mạnh. Đừng thờ một lý tưởng nào. Thờ là tuyệt đối hóa. Chính những lý tưởng được Tuyệt đối hóa đã giết người nhiều nhất, giết tận tình, giết tàn nhẫn, vì nghĩ là giết cho lý tưởng nên vô tội. Chính những lý tưởng nọ biến đời thành u buồn, thành bể khổ. Đừng tin chúng mà lỗ vốn. Hãy ca lên, hãy mặc cánh chim Hồng hộc vào để bay cao, cao vút đặng cùng với muôn loài trong Đất Trời đồng múa bản “Nghê thường vũ y khúc”

25.- CUỘC SỐNG NHƯ CHƠI

Đây là hậu quả của sự xếp đặt giữa Xuất /Nhập, giữa Có / Không, giữa Vạn / Văn, nó giúp con người sống được cuộc sống như Chơi: thanh thoát nhẹ nhàng không bám vào cái chi cả; Có mà như Không, Không mà lại Có.

Cái đó không phải muốn mà được. Muốn được trước hết phải nắm vững những Nguyên lý đặc biệt về Vũ trụ và Nhân sinh (như đã bàn về Âm Dương Tam tài, Ngũ hành).

Muốn cho những nguyên lý đó thấu nhập vào Tâm can con cháu, các Hiền Triết đã đưa ra vô số Định chế, Thói tục, Phương ngôn. Nói khác trong sách có bàn dài về những điều đó, thí dụ bài “Quốc túy với ngày Tết” nói lên việc xử dụng thời gian. Bài “Đường cong duyên dáng”: không Tròn không Vuông có thể coi là Biểu tượng cho muôn vàn những động ứng tế vi khác. Chúng làm nên lối ở riêng biệt gọi là lối ở Đời:

không XUẤT THỂ, cũng không NHẬP THỂ, mà là XỬ THỂ

Đó chỉ là mấy bài mẫu, còn nhiều vô số như có thể đọc trong toàn bộ Việt Nho.

26.- AN VI vượt lên trên cả HỮU VI và VÔ VI

Tất cả đều hợp nhau để trình bày nền Triết lý An Vi, thứ Triết đã sản xuất ra bao người thanh thoát, tuy chưa hoàn bị nhưng trong Nguyên lý đã vượt cả Hữu vi lẫn Vô vi.

Vượt Hữu vi đã đành rồi vì lấy Tư sản làm thiêng liêng nên phân chia ra không đồng đều, giam phần lớn con Người lại cảnh Nô lệ, Chuyên chế. Mặc dầu tài sản dồi dào vượt xa những xã hội Việt Nho xưa nhưng chưa đi đến được đợt Phong lưu.

Đến như Vô vi của cải vẫn dòn vào mấy nơi to tiếng giảng khuyên, đến nỗi khi một Tâm hồn nào muốn vươn lên chỗ cao cả đều phải bắt đầu bằng một cuộc khởi loạn với nền Văn hóa đã được thiết định, như đã nói về Upanishad, Phật Thích Ca hay cả những người mới đây như Tagore, Gandhi, Ramakrishna.

Tất cả đều chống Chế độ Đẳng cấp, thiêu sống đàn bà, chối bỏ thần Brahma, một thứ thần minh được “sáng tạo” hợp với óc thâm đoạt của người thống trị, khác hẳn cách mạng bên Việt Nho: chỉ chống Lạm dụng, gọi là Vô đạo, còn chính Đạo không hề dám nghĩ đến chối bỏ, trái lại là tuyên dương “ thể Thiên hành Đạo”

HỮU VI / VÔ VI lưỡng nhất → AN VI

27.- AN VI: TRIẾT THUYẾT HỢP VỚI CẢM QUAN N THỜI ĐẠI

Đó là đại để về Triết lý An Vi, một nền Triết lý rất lâu bền vững mạnh đã làm nảy sinh những hậu quả ơn ích có thể kiểm chứng được cách rất rõ ràng khách quan. Vậy đó phải là nền Triết cho thế giới hiện nay, một thế giới đang ngất ngư con tàu vì thiếu Bàn La kinh chỉ dẫn.

Đó là điều Lương tri đã hé thấy trong hội nghị Quốc tế về Triết lý tại Honolulu khi mà đại biểu của hơn năm mươi nước đã bầu Khổng Tử làm Nhạc trưởng cho cuộc Hòa tấu Đông Tây mai hậu. Nhưng sau cuộc hội đó không còn nghe thấy bao nhiêu âm hưởng, tuy vô số sách đã được viết ra nhưng xem lại cũng chỉ nói đi nói lại bấy nhiêu kiểu bác học, sử ký, ghi nhận, dữ kiện, tài liệu.. cùng lắm thì trình bày theo kiểu suy tưởng có hệ thống chứ không thấy kiểu Cơ cấu. Kiểu Cơ cấu khác với lối đọc ăn sẵn ở chỗ phải sáng tạo, phải khám phá nghĩa là mình phải là Tác nhân, phải tạo dựng. Phải từ dăm ba định đề, một vài bộ số, ít Huyền thoại, một lô Phương ngôn Tục ngữ chứa trong kinh điển... đi đến việc xây lên được một Triết thuyết hợp

cảm quan thời đại. Đó là điều chưa được làm và đó là điều chúng tôi muốn thúc đẩy để người Âu Mỹ khởi đầu làm vì cờ đã đến tay rồi đó.

28.- LỊCH SỬ NHÂN LOẠI: ĐÔNG TÂY KIM CỔ

Tôi rất tiếc cho Trung Hoa đã không duy trì nổi vai trò lãnh đạo của mình đã từ ngàn xưa trong một nền Văn hóa vững mạnh lâu bền nhất thế giới, để đến nỗi trụt xuống địa vị học trò bằng đi rước về một Triết thuyết ngoại trái với Văn hóa mình, hơn thế còn trái với Bản tính con Người khắp nơi

Tuy nhiên nhìn lại khắp hết Nhân loại thì thấy sự nhỡ nhàng ngu ngốc không là của riêng Trung Hoa, nhưng là của chung loài người, kể cả những người được xưng tụng là Triết gia.

Đọc lịch sử nhân loại Đông Tây kim cổ toàn thấy sự ngu dốt bao trùm như đêm tối, trong đó sự khôn sáng chỉ nhấp nháy thưa thớt như đom đóm lập lòe.

Tuy nhiên vẫn thấy được sự yên ủi vì những đom đóm đó tuy chỉ là một hai ánh le lói đối với hàng triệu triệu âm u nhưng vẫn đẩy được cuộc tiến con Người. Nghĩa là con người trải qua hàng ngàn vạn lầm lẫn lờ mờ nhưng vẫn tiến lên cao dần cả trong việc Sinh sống lẫn Tinh thần.

29.- MẪU MỤC CỔ ĐẠI: AN VI

Thứ đến cũng tìm ra được sự an ủi ở chỗ loài người có ngu dốt lầm lẫn như thế mới có đủ việc làm cho mọi người, mọi nơi, mọi đời, giả như thế giới tốt đẹp ngay từ đầu, tất con người cũng chỉ như con vật: cái gì cũng ban ra cho rồi không phải trả lệ phí, con người sẽ không còn là tác năng, không là tiểu Hóa công, hết linh hơn vạn vật.

Điều yên ủi nữa là thế giới luôn biến dịch, sự đi trước của Trung Quốc trong Triết nay đã hết, sứ mạng đi đầu nhân loại đã chấm hết. Cờ lãnh đạo đã trao sang tay Âu Mỹ rồi, và Âu Mỹ đã đi được một bước Sinh rất cao. Bây giờ chỉ còn thiếu bước Tâm, liệu Tây âu có đủ sức làm chăng?

Muốn vậy cần kiến tạo lấy một nền Triết lý mới xứng hợp cho giai đoạn mới. Triết lý là sự thu góp những kinh nghiệm sống tốt đẹp vào một hệ thống gọi là Đạo lý. Kinh nghiệm mới này đã chồng chất lên muôn vàn nhất là những khám phá mới, vậy chỉ còn cần Tổ chức theo mẫu mực nào.

Không thể có mẫu khác ngoài ba mẫu đã sẵn có: Hữu vi, Vô vi, An vi; chọn mẫu nào đây?

Trong việc này hãy lợi dụng bài học lịch sử, hơn hai mươi thế kỷ qua đã chứng minh đủ cho thấy sự vô hiệu của hai đường lối cả Hữu vi lẫn Vô vi, và hiện cả hai còn đang phơi bày sự phá sản của mình bằng bị chối bỏ do những Triết gia và các nhà Tư tưởng của hai nơi đó.

Vì chúng chỉ có một chiều không đủ chỗ sẵn để hội nhập các kinh nghiệm và hiểu biết mới rất phong phú.

Nói cho cùng các điều hiểu biết về Triết trình bày ở trên đều đã có rồi, còn nhiều và cặn kẽ hơn nữa ở các Triết học Âu Mỹ, nhưng hầu hết là thiên lệch thiếu Cơ cấu, chỉ bàn nhiều về Bản thể mà không về Tương quan tác hành.

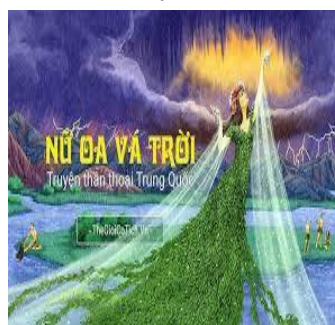
Vì vậy làm cho Triết học trở nên quá khó khăn cũng như quá xa thực tại, đại chúng không thể cảm nhận. Vậy chỉ còn mẫu mực cổ đại An Vi tỏ ra hữu hiệu bền bỉ hơn cả, vì nó đơn sơ, nó xây trên Cơ cấu, nói về những mối tương quan tác hành nên quần chúng dễ cảm nhận, lại rất quân bình nên có đủ chỗ chứa đựng những kinh nghiệm mới cả Khoa học lẫn Nhân văn.

Trong dĩ vãng nó đã chứng tỏ khả năng kiến tạo và duy trì cuộc an lạc cho nhiều thế hệ Việt Nho nên tỏ ra xứng đáng được dùng làm mẫu mực trong việc xây đắp mới để đưa nhân loại vào giai đoạn sống an vui đặng hành hương về chốn Chân không diệu hữu. “

(Kim Định)

B- NỀN TẢNG CỦA VIỆT NHO

Nhân vật Huyền sử sáng tạo Văn Hóa: Việt Nho



BÀN CỔ hai tay ôm 2 Quả Âm Dương, ông sáng tạo ra Dịch lý Âm Dương: số 2

Ông Bàn Cổ người Di thuộc đại chủng Việt



Duality : lưỡng nhất: Bipolar: lưỡng cực nhất Nguyên

PHỤC HY vẽ ra Quẻ Âm vờ nét đứt, Quẻ Dương nét liền .

Ông có biệt hiệu là Thanh Tinh “: RỒNG xanh

NỮ OA đội Đá vá Trời Đất sao cho :

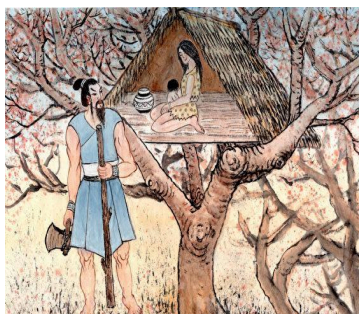
Thiên bát túc Nam (2) Bắc (1), Địa bát mǎn Đông (3) Nam (2)

Cặp đối cực có chênh lệch mới “ tương thối “ mà gây ra Biến dịch.

Nữ Oa là Em và là Vợ của Phục Hy, khi chết biến thành chim Tinh vệ thuộc nòi Tiên

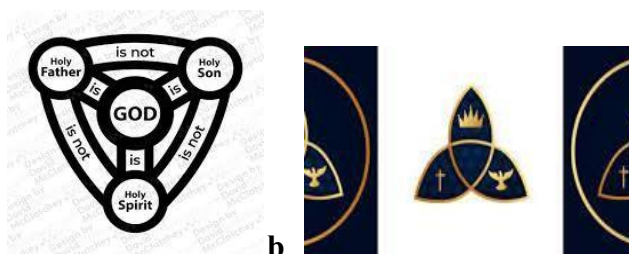


HỮU SÀO làm nhà trên cây như Chim làm Tổ : Nguồn của Tam tài;



Hữu Sào thuộc giống Chim Tiên

Trên: TRỜI. Giữa : Nhà ở của NGƯỜI Dưới: ĐẤT . Số 3



Thiên Chúa 3 Ngôi Trinity symbol

Tam tài: Trời – Người - Đất

Số 5 : Ngũ hành



Số 5 tượng trưng cho: Thẻ Quân binh của Vũ trụ, May mắn. Tự do, Đoàn ông, Sức khỏe, Ốc tò mò, Tình Yêu.

I.- CÁ NHÂN : Con Người Nhân chủ với 3 Nhu yếu:

- 1.- THỰC: Nhu yếu THỂ LÝ cho Sự Sống hàng ngày như Ăn Uống và Tiện nghi nhật dụng,
- 2.- SẮC : Nhu yếu SINH LÝ nên kết đôi Vợ Chồng sinh nở Con Cái và giáo dục nên Trai hùng Gái đảm.
- 3.- DIỆN Nhu yếu TÂM LINH để có TÌNH NGƯỜI :

NHÂN NGHĨA BAO DUNG

NHÂN 仁 là lòng yêu thương cả Tam tài “

Yêu Thiên là tìm về nguồn Yêu thương nơi Tâm linh để nâng cao Tư cách Vi Nhân , Vi nhân là:

- 1.- Hoàn thiên mọi việc làm bất cứ Nhỏ To, lỗi làm việc tích Tiểu thành Đại mọi

thứ là hành động tích cực, còn cách tìm lý tưởng cao xa ở tương lai mà không bao giờ hoàn thành được chỉ là ảo tưởng .

2.- Hoàn Thiện mối Liên hệ với Tam tài:

Với Thiên là trau dồi nguồn Yêu thương với cả Tam tài

Yêu Địa là quý trọng Môi trường Không khí, Nước và Đất, không làm ô nhiễm

Yêu Nhân là biết yêu thương hết mọi người, kể cả người xấu, bằng đức Bao dung

NGHĨA 義 là “ Đồng đồng vãng lai,

Là cách hành xử theo hai chiều Di Lại hay công bằng với tha nhân, để sống an hòa với nhau.

Chúng ta đã nói nhiều về Nhân Nghĩa , nhưng việc làm của chúng ta đều chưa đến nơi đến chốn, nên nói nhiều về Nhân Nghĩa nghe ra nhảm tai! !

BAO DUNG 包容.

Nhờ tinh thần Hùng Dũng mà trong cách hành xử của Dân tộc với nhau thì người tốt cũng chấp, người xấu cũng nhận, người lành cũng đón, người xấu cũng đưa, rồi dùng Văn mà Hóa với nhau, mà bao bọc chứa chấp lấy nhau. mà bảo vệ nhau theo Tinh thần Âm Dương Hòa.

II.- TỔ ẤM GIA ĐÌNH

Nền tảng của Gia đình là Vợ Chồng. Vợ là người Nữ bản tính thì Nhu, yếu mềm , Chồng là người Nam , bản tính lại Cương: Cứng rắn. Nhu / Cương, Thủy / Hỏa là tương xung, tương khắc, khi sống với nhau rất khó hòa hợp , do vậy mà cần đến hai nhu cầu quan trọng:

Một là nhu cầu Dục tình rất quan trọng để thỏa mãn nhu cầu sinh lý giúp Vợ Chồng luôn sống kết thân với nhau, hai là phải có Tinh thần Bao dung của Nhân Nghĩa giúp hai bên luôn sống hòa với nhau để tạo nên Tổ ấm Gia đình với hai mục tiêu chính :

Một là để sống Hòa vui hạnh phúc bên nhau cho đến suốt đời, cho đến Đầu bạc Răng long.

Thứ hai và sinh đẻ Con Cái và nuôi dưỡng chúng thành Trai hùng Gái đảm làm nền tảng vững chắc cho xã hội.

Gia đình là nền tảng quan trọng bậc nhất của Xã hội

Nền Chính trị tốt là phải có kế hoạch biết xây dựng 3 nền tảng của Xã hội:

Con người Nhân chủ, Tổ ấm Gia đình và cách thiết lập Công bằng Xã hội tương đối.

III.- XÃ HỘI AN VUI THẾ GIỚI HÒA BÌNH

Khi mọi Gia đình thành Tổ ấm và Nhân quyền / Dân quyền được Lương nhất thì xã hội an vui giúp mọi người được sống an bình hạnh phúc bên nhau .

Với Tinh thần Tứ hải giai Huynh Đệ giúp đời sống Tâm linh / Khoa học của nhân loại được lương nhất, thì Khi đó mới giúp Con người sống an hòa hạnh phúc bên nhau, thế giới mới mong có Hòa bình.

Đường đi tới Hòa bình theo Văn Hóa Dân tộc xem ra:

Đường đi không khó vì gần Sông cách Núi. mà khó vì “ Lòng Người Ngại Núi (NHÂN) E Sông (NGHĨA “) (Dương Bá Học)
Muốn Không ngại Núi e Sông thì mọi người phải tu Thân cho sao cho có được NHÂN NGHĨA BAO DUNG để ăn ở hòa vui với nhau , chứ không tranh dành Hòn Thua để ngồi lên đầu nhau cho có hạnh phúc cá nhân !

BA NẾP SỐNG TRÊN ĐỜI

Đại loại trên thế giới có 3 nếp sống:

I.- NẾP SỐNG ĐA DỤC 多慾 Nếp sống nhiều Ham muốn

Đa dục là nếp sống có nhiều ham muốn tức là nếp sống ham lợi, ham có nhiều của cải vật chất, nói cách khác là “ Đa đa ích thiện: Có được càng nhiều càng tốt. Đây là nếp sống Tư bản. Ta có định nghĩa về Tư bản:

Capitalist ids Greed, Greed is good; Tư bản là tham lam, tham lam là tốt. Đây là nếp sống “To Thuyền To Sóng : Con người phải luôn phải luôn làm việc cật lực để có được nhiều lợi tức hầu sống xa hoa, có khi ngoài công việc mỗi ngày 8 giờ, họ còn làm thêm giờ phụ trội nữa. Văn hóa Đông phương đã có lời than: “ Hà vị Thân nhi hành dịch: Sao vì cái Thân mà lại làm khổ cái Thân, khi nào cũng làm việc đật tăt mặt tối, đến nỗi “ Mặt không thấy Trời, Lưng không thấy Đất! “ Đức Đa La lạt Ma cũng đã thốt lên:

“ Con người hy sinh Sức khoẻ để kiếm Tiền.
 Rồi lại bỏ Tiền ra để tìm lại Sức khoẻ.
 Họ quá sốt ruột với Tương lai.
 Nên chẳng còn thời gian để tận hưởng Hiện tại.
 Kết quả là họ chẳng sống ở Hiện tại hay Tương lai.
 Họ sống như thể họ không bao giờ Chết.
 Rồi lại Chết như chưa từng được Sống! ”

(Đức Đạt Lai Lạt Ma)

NẾP SỐNG CUỒNG DỤC

Là nếp sống Cộng sản, ho.nguy biện để cướp của Quốc gia làm của riêng cho Đảng CSVN.

Nếp sống Cuồng dục này biến Nhân dân thành Đàn cừu, Biến Người thành Ngộ !

II.- NẾP SỐNG DIỆT DỤC: 滅慾:

Nếp sống dập tắt lòng Ham muốn

Đây là nếp sống của các nhà khổ Tu của các Tôn giáo với hy vọng là dập tắt lòng ham muốn để nâng cao Tinh thần . Phép Tu khổ hạnh đầu đà trong Phật giáo.

Gương tu hành của Đức Phật

Sự thành tựu giải thoát của Đạo sĩ Gotama, Bậc Giác ngộ ra đời, là một sự kiện hy hữu.

Tuy sự tu hành khổ hạnh không đưa đến giác ngộ nhưng quá trình tìm cầu chân lý để thực hiện lý tưởng giải thoát suốt sáu năm tu hành khổ hạnh của Đạo sĩ Gotama (tên gọi Đức Phật khi Ngài còn tu khổ hạnh) đã để lại tấm gương sáng ngời cho nhân thế về ý chí, nghị lực và lòng kiên định.

Trong kinh tạng *Nikàya* và *Àgama* đều có ghi lại con đường tầm đạo của Ngài, đầu tiên là thọ giáo với hai vị đạo sĩ Àlara Kàlāma và Uddaka Rāmaputta, sau đó là quá trình tu hành khổ hạnh với nhóm đạo sĩ Kondanna (Kiều Trần Như).

Sau khi rời bỏ hoàng cung, từ giã đời sống vàng son nhung lụa, Thái tử Siddhattha cởi bỏ áo mào cân đai, cắt tóc xuất gia trở thành một đạo sĩ (người tu đạo) sống đời sống tu hành vì mục tiêu tìm cầu chân lý. Để tìm cho mình một bậc thầy hướng đạo, Đạo sĩ Gotama đã đến cầu học với Àlara Kàlāma, một đạo sĩ lỗi lạc thời bấy giờ, và tại đây Ngài đã tu tập thành tựu được pháp thiên Vô sở hữu xứ, một pháp thiên giúp hành giả sanh về tầng thứ ba của cõi trời Vô sắc sau khi thân hoại mạng chung. Tuy nhiên thiên chứng này không đưa đến giác ngộ, giải thoát. Từ giã Àlara

Kàlāma, Ngài tìm đến Uddaka Rāmaputta, cũng là một bậc đạo sư trứ danh đương thời, vị này đã hướng dẫn Ngài tu tập thành tựu pháp thiền Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, đây là pháp thiền giúp hành giả sinh về tầng thứ tư, tầng trời cao nhất của cõi trời Vô sắc sau khi thân hoại mạng chung. Sau khi đã học tất cả những gì hai vị đạo sư kia truyền dạy và thành tựu những gì hai vị đạo sư kia đã thành tựu, Ngài nhận thấy rằng: “Pháp này không đưa đến yêm ly, ly tham (nhàm chán, lìa bỏ tham đắm, dục vọng), đoạn diệt (chấm dứt mọi đau khổ), an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn”(Trung bộ kinh, kinh số 26). Thế là Ngài lại từ giả đạo sĩ Uddaka Rāmaputta và đi về hướng Ưu-lâu-tần-loa, một thị trấn của xứ Senāni. Tại đây Ngài gặp nhóm năm đạo sĩ khổ hạnh do Kiều Trần Như dẫn đầu

Thời bấy giờ người Ấn Độ có tín niệm rằng, muốn giải thoát khổ đau thì phải khép mình vào nếp sống khổ hạnh. Cũng theo niềm tin đó, Đạo sĩ Gotama cùng với năm anh em ông Kiều Trần Như kiên trì tu hành khổ hạnh ép xác trong 6 năm ròng rã. Từ một thân thể tráng kiện dần dần chỉ còn da bọc xương, sức khỏe Ngài sa sút trầm trọng đến nỗi không còn đứng vững được nữa, tâm trí mê mờ. Kinh Trung bộ (kinh số 12 và số 36) mô tả tình trạng khổ hạnh của Ngài như sau: “Vi Ta ăn quá ít mỗi ngày, nên cơ thể Ta hết sức gầy yếu. Tay chân Ta như các lóng tre khô gãy khúc khuỷu. Hai bàn tọa của Ta lúc này giống như hai móng trâu, xương sống với cột tủy lồi ra trông giống chuỗi hạt. Xương sườn Ta lộ rõ như rui cột của ngôi nhà đổ nát. Đôi mắt Ta sâu hoắm. Da đầu Ta khô héo nhăn nheo. Nếu Ta sờ da bụng thì đụng nhằm xương sống, vì hai thứ đã dính sát vào nhau. Nếu Ta chà xát tay chân thì đám lông hư mục rơi rụng xuống”.

Bằng ý chí và nghị lực phi thường, Ngài tu hành trong một hoàn cảnh hết sức khắc nghiệt. Thời gian đầu tiên trong rừng là một thử thách rất lớn đối với một vị Thái tử. Trong bài kinh *Sợ hãi và Khiếp đảm* (kinh số 4, Trung Bộ kinh), Đức Phật đã kể lại cho Bà-la-môn Jānussoṇi nghe và cho biết rằng, phải trải qua một thời gian Ngài mới có thể khắc phục được nỗi sợ hãi nơi chốn rừng già bằng tinh thần tự chủ. Đức Phật đã thuật lại như sau: “... Sự quạnh hiu của rừng già quả thật khó chịu đựng, thật khó tìm an lạc trong đời độc cư. Ban đêm khi Ta ở lại những nơi đáng khiếp đảm kia, chỉ một con vật đi ngang qua hay một con công làm gãy cành cây, hoặc tiếng gió thổi xào xạc giữa đám lá, Ta cũng đầy kinh hoàng hốt hoảng”

Rừng già là nơi mà người nông dân Ấn Độ cho là có nhiều ma quỷ ẩn náu. Ở đó loài dơi và chồn bay đậu lưng lẳng hàng chục con thành từng đám như những chiếc túi nhung đen mềm mại trên các cây cao... Mùa đông ở Ấn Độ, về đêm giá buốt, Ngài sống ngoài trời. Và ngược lại đến mùa hạ, ban đêm không khí ngột ngạt oi bức thì Ngài sống trong rừng rậm, ban ngày Ngài lại phơi mình dưới ánh nắng gay gắt như đốt như thiêu. Đó là lối tu khổ hạnh ép xác mà Ngài hành trì (Theo *The Historical Buddha* - H.W. Schumann).

Đạo sĩ Gotama đã thực hành tất cả các phương pháp khổ hạnh để cầu đạt được chân lý, từ phương pháp nhịn thở, nhịn ăn, ăn ít (chỉ một lần trong bảy ngày -

theo *Trung bộ kinh*), có khi chỉ ăn các loại cây cỏ mọc hoang, mặc áo quần toàn bằng giẻ rách, bằng vải liệm tử thi hoặc bện bằng vỏ cây, rơm hay cỏ khô... Kinh *Trung bộ* (kinh số 36), Ngài mô tả: “Ta cắn chặt răng lại, ép lưỡi sát vào nóc họng, ta nỗ lực nhiếp phục tâm, hàng phục tâm, chế ngự tâm... Mặc dù những cảm giác đau đớn phát sinh khắp thân Ta nhưng nó không làm tổn hại đến tâm Ta chút nào. Rồi Ta kiểm soát chặt chẽ hơi thở vô và hơi thở ra từ miệng và mũi. Khi Ta kiểm soát hơi thở vô, hơi thở ra ở miệng và mũi thì có luồng hơi thoát ra từ lỗ tai tạo nên một thứ âm thanh to lớn khác thường. Hơi gió thoát ra từ hai ống thụt của anh thợ rèn kêu như thế nào thì lúc Ta ngừng thở, luồng hơi từ lỗ tai thoát ra tạo một âm thanh cũng to như thế ấy. Dù thế nào, hạnh tinh tấn của Ta vẫn kiên trì và bất khuất. Tâm niệm của Ta vẫn vững chắc và không hề chao động. Tuy nhiên thân Ta mòn mỏi và không an lạc sau khi cố gắng một cách đau khổ, thể xác phải chịu khuất phục trước sự nỗ lực kiên trì. Mặc dù những cảm giác đau đớn phát sinh khắp thân Ta nhưng nó không thể làm tổn hại đến tâm Ta chút nào. Lúc bấy giờ ta tự nghĩ: Hay là Ta thử hành pháp nín thở. Ta kiểm soát hơi thở vô, hơi thở ra từ miệng, mũi và tai. Lúc ngừng thở bằng miệng, mũi và tai thì hơi bị dồn ép đập mạnh trong đầu Ta đau đớn như có người thật mạnh khoan vào sọ ta một lưỡi khoan thật bén. Mặc dù những cảm giác đau đớn như vậy, phát sinh ở thân Ta nhưng nó không ảnh hưởng đến tâm Ta chút nào. Ta lại tự nghĩ: Hay là Ta thử hành pháp nín thở thêm nữa. Rồi Ta kiểm soát hơi thở vô, hơi thở ra từ miệng, mũi và tai. Và lúc Ta ngừng thở, đầu Ta nghe đau bung lên. Trạng thái đau đớn kinh khủng lúc bấy giờ giống như có một lực sĩ dùng dây thừng siết chặt đầu ta lại. Tuy nhiên hạnh tinh tấn của Ta vẫn một mực kiên trì. Những cảm giác đau đớn ấy không gây ảnh hưởng đến tâm Ta. Lúc ấy có những vị Trời thấy Ta như vậy, đã nói với nhau rằng: “Đạo sĩ Gotama sẽ chết!” Vài vị khác ghi nhận: “Đạo sĩ Gotama đang chết dần!...”

SƯ THÍCH MINH TUỆ



Sư Minh Tuệ tu theo lối Khổ hạnh đầu đà, ngày đi khát thực chỉ ăn một bữa, mặc áo 3 mảnh lụa nơi thùng rác tự may lấy. tối ngủ nơi hoang vắng, như dưới gốc cây, Nghĩa địa, vườn hoang. Sư đã hành Đạo bằng cách đi chân trần khát thực dọc đường Bắc Nam Việt Nam 4 lần.

**GƯƠNG (KHỔ) TU CỦA CÔNG GIÁO
BÀ THÁNH TÊRÊSA HÀI ĐỒNG GIÊ- SU**



10 Lời Dạy nổi tiếng của Thánh Nữ Teresa Hải Đồng Giêsu

(Tinh thần Vĩ đại Trong Hành động Tinh vi)

1. “Chúa Giêsu là Tình Yêu độc nhất của con.”
2. “Hãy làm mọi sự vì Tình yêu.”
- 3.- “Vâng, con nhận thấy, khi con Bác ái, đó chỉ là Chúa Giêsu hành động trong con ; con càng gắn bó với Ngài, thì con càng yêu mến Chị Em.”
- 4.- “Con muốn ở trong tay Chúa nhân lành, như một đóa Hoa nhỏ, một cánh Hồng đơn sơ, nhưng màu sắc và hương thơm làm cho Người thêm vui.”
- 5.- “Xin nhớ rằng không có điều gì là Nhỏ bé dưới mắt Thiên Chúa.”
- 6.- “Các vị đại Thánh làm việc để vinh danh Thiên Chúa, còn con, con chỉ là một Tâm hồn nhỏ bé nhất, chỉ làm việc để làm vui lòng Người.”
- 7.- “Đức Tin của chúng ta thật hiển hách!”
- 8.-“Sứ mạng của con – làm cho Thiên Chúa được yêu mến – sẽ bắt đầu sau khi con chết. Con sẽ sống trên Trời mà làm điều Thiện dưới Đất. Con sẽ gửi đến một trận mưa Hoa Hồng.”
- 9.- “Chúa Giêsu không cần sách vở hoặc các Tiến sĩ thần học để dạy dỗ các Tâm hồn; là Tiến sĩ của các Tiến sĩ, Người dạy dỗ không cần nói năng ồn ào.”

10.-“Một lời Nói hay một nụ Cười thường cũng đủ để đưa sự Sống tươi mát vào trong một Tâm hồn thất vọng.”

10 Bài học từ Thánh Têrêsa Hải Đòng Giêsu

1. Vì Vinh Danh Chúa “Niềm tin và sự tự tin của bạn sẽ một ngày được thưởng, một phần thưởng vinh quang. Hãy tin chắc rằng Chúa sẽ ban phúc cho bạn, và nỗi đau khổ sâu thẳm của bạn sẽ được đền bù bằng sự an ủi lớn lao.”
2. Qua Ân Sủng của Chúa “Chúa Giêsu nói: ‘Nếu ai giàu có, những món quà sẽ được ban cho người ấy, và sự giàu có của họ sẽ tràn đầy.’ Với mỗi ân sủng tôi sử dụng đúng cách, Ngài đã ban cho tôi nhiều hơn nữa.”
3. Rước Lễ “Chúa chúng ta không xuống từ Thiên Đàng mỗi ngày để nằm trong chén thánh bằng vàng. Ngài đến để tìm một thiên đàng khác quý giá hơn nhiều đối với Ngài—thiên đàng của linh hồn chúng ta.”
4. Qua Sự Từ Bỏ “Khi tôi nói về sự từ bỏ, tôi không có ý chỉ đến loại hãm mình mà các thánh đã thực hành. Có những linh hồn lớn lao thực hiện mọi hình thức từ bỏ từ thời thơ ấu, nhưng tôi không giống bất kỳ ai trong số họ. Tất cả những gì tôi làm là kiềm chế ý chí, ngăn lại một lời đáp trả vội vàng, và làm những điều tử tế nhỏ bé mà không làm rình rang—và nhiều điều tương tự.”
5. Chạy Theo Chúa Giêsu “Vì Chúa Giêsu đã về Trời, tôi chỉ có thể theo Ngài qua những dấu vết mà Ngài để lại. Nhưng những dấu vết này thật sáng ngời và thơm ngát! Tôi chỉ cần nhìn lướt qua Phúc Âm là ngay lập tức tôi hít thở hương thơm cuộc đời Ngài và biết đường mà chạy theo.”
6. Chứng Minh Tình Yêu ‘Vì nếu bạn yêu những người yêu bạn, bạn có công trạng gì?’ [Mt 5:46] Ngay cả kẻ tội lỗi cũng yêu những người yêu họ. Không đủ để yêu thương. Chúng ta phải chứng minh rằng chúng ta yêu. Chúng ta tự nhiên muốn làm hài lòng một người bạn, nhưng điều đó không phải là bác ái, vì ngay cả kẻ tội lỗi cũng làm thế.”
7. Sự Thánh Thiện Thật Sự “Sự thánh thiện không phải là vấn đề của bất kỳ phương pháp linh đạo cụ thể nào: nó là một trạng thái của tâm hồn khiến chúng ta nhỏ bé và khiêm nhường trong vòng tay của Chúa, ý thức về những yếu đuối của mình, nhưng vẫn tin tưởng vào lòng nhân từ của Ngài.”
8. Đặt Niềm Tin Vào Lòng Thương Xót “Lạy Chúa Giêsu, con cảm thấy rằng nếu Ngài tìm thấy một linh hồn yếu đuối hơn con—dù điều đó là không thể—Ngài sẽ vui lòng ban cho nó những ân sủng lớn lao hơn, nếu nó tự phó thác mình với niềm tin tuyệt đối vào lòng thương xót vô biên của Ngài.”
9. Kiên Trì Trong Cầu Nguyện “Đối với con, cầu nguyện là xuất phát từ trái tim hướng về Chúa; một lời kêu lên yêu thương đầy biết ơn từ đỉnh cao của niềm vui hoặc từ vực sâu của nỗi tuyệt vọng: đó là một sức mạnh siêu nhiên to lớn mở rộng trái tim con và gắn kết con chặt chẽ với Chúa Giêsu.”
10. Giúp Đỡ Các Linh Hồn “Sức mạnh của con nằm trong cầu nguyện và hy sinh. Chúng là vũ khí vô địch, và con biết, qua kinh nghiệm, rằng chúng có thể làm mềm lòng tốt hơn nhiều so với lời nói.”

Thế nào là tu trì khắc khổ?

Người ta có cảm tưởng rằng những người đi tu ăn sang mặc đẹp hơn là người ở ngoài đời.



Tôi không dám phê bình những nhà tu hành ăn sang mặc đẹp. Rất có thể là họ nghĩ rằng còn có những cái khác còn khô hơn chuyện ăn mặc, chẳng hạn như khô vì không lập gia đình. Nhưng nếu nhìn lại lịch sử đời tu Kitô giáo, chúng ta thấy rằng nếp sống tu trì rất khắc khổ, theo nghĩa là họ sống rất đạm bạc nếu chưa nói là man rợ. Đừng kể việc họ đã từ bỏ gia đình, tài sản, chấp nhận sống nghèo, họ còn bày ra nhiều cực hình khác để hành hạ thân xác: từ chuyện kiêng khem trong việc ăn uống, đến chuyện đứng phơi mưa phơi nắng giữa trời, bất kể thời tiết ra sao. Dĩ nhiên, đó là vài thái cực được thực hành bên Syria chứ không phải khắp nơi.

Thực ra, trong các tiếng Châu Âu, danh xưng của họ là “dòng nhật phép” (stricta observantia), như là trường hợp giữa dòng Trappist (nhật phép) và dòng Xitô (rộng phép), tuy rằng vào hồi khai nguyên, dòng Xitô được coi là nhiệm nhật so với dòng Biển đức. Một cách tương tự như vậy, đối với Dòng Phansinh, ngành Capuxinô được coi là nhiệm nhật; còn với dòng Carmêlô, khuynh hướng nhiệm nhật mang tên là “không đi giày”.

Thế nào là hình thức nhiệm nhật?

Việc nhiệm nhật được diễn tả qua nhiều hình thức: chẳng hạn như không đi giày, nghĩa là chỉ đi dép giữa trời băng tuyết; hoặc giữ luật thính lặng tuyệt đối; hoặc là tuyệt đối không ăn thịt; hoặc là khắc khổ về lương thực, và nói chung, sự nhiệm nhật được hiểu như nếp sống thanh đạm từ y phục, đến nhà ở, và thậm chí các nhà thờ nhà nguyện đều giữ nét đơn sơ. Đối với vài dòng khác, nếp sống nhiệm nhật có nghĩa là trở về với tinh thần nguyên khởi của vị sáng lập, loại trừ những lối giải thích nói rộng, hoặc những chức chuẩn.

Ngoài ra, thiết tưởng cũng nên nhắc đến một hình thức khắc khổ khác nữa, đó là hình thức ăn tu.

Trên đây tôi có nói là các đan tu Kitô giáo đã sớm rời bỏ nơi cô tịch để sống thành cộng đoàn. Tuy vậy, hình thức ăn tu vẫn tồn tại dưới nhiều dạng khác nhau, chẳng

hạn như nơi dòng Chartreux, và gần thời đại chúng ta hơn cả là cha Charles de Foulcauld. Bộ giáo luật 1983, điều 603, đã chấp nhận hình thức này.

III. - NẾP SỐNG QUẢ DỤC

Nếp Sống QUẢ DỤC :寡慾 nếp Sống hãm bớt Lòng ham muốn như: Tiền tài tài sản, Tình ái, Danh vọng để nâng cao đời sống Tâm linh Quả dục là nếp sống Chiết trung (eclectic) giữa Đa dục và Diệt dục nghĩa là chỉ hãm bớt lòng ham muốn, chỉ cần ham muốn về nhu cầu vật chất cần thiết để giúp phát triển toàn diện con người về Tâm linh và Khoa học

Con người phải Quy tư để tìm về nguồn Tâm linh: Nguồn Năng lượng Tình Yêu để trau dồi Nhân cách Quy tư là ngôi yên tĩnh bất động, vô niệm để “ Đôn hồ nhân , cố năng ái: Đôn hậu tình người mà yêu thương cả Tam tài hầu cho: Thiên sinh Địa dưỡng Nhân hòa.

Suy tư là tìm cách phát triển kiến thức Khoa học để giúp nâng cao đời sống Vật chất,

Theo tinh thần Dịch lý Âm Dương Hòa thì Quy tư / Suy tư cần được lưỡng nhất sao cho đời sống Tâm linh và Khoa học nơi mọi người được Lưỡng nhất hay Quân bình thì nhân loại sẽ có Hòa bình.

Đây là nếp sống của Tổ Tiên Việt theo Dịch lý Âm Dương hòa.

BA LUẬT LỚN TRONG VŨ TRỤ

I.- LUẬT BIẾN DỊCH BẤT BIÊN THEO CHU KỲ:

YING / YANG HARMONIOUS CHANGE

DỊCH LÝ ÂM DƯƠNG HÒA cũng là thuật Quyền biến theo Thiên lý.

II.-LUẬT GIÁ SẮC Law of Sow and Reap

“ Ai Gieo thì kẻ Nấy Gặt
Gieo Gì thì Gặt Nấy
Gieo Một thì Gặt Trăm “

III.- LUẬT LỢAI TỤ Law of Affinities “ Tuồng nào đi theo Tập nấy.”

(Vân tòng Phong, Long Tòng Hồ: Mây bay theo Gió cuốn, Ròng cuộn theo Hồ lao mình)

[CS không thể đi với Dân tộc, vì Tuồng [Hận thù cực đoan] của CS rất khác với Tập [Nhân Nghĩa Bao dung] của Dân tộc, nên không thể đi với nhau, rõ ràng là CS không thể cứu Dân tộc được!

Đông phương không có quan niệm Tội lỗi như Tây phương, mà lại có Ba Luật lớn trên sàng sây những hành động nghịch Thiên : “ Thuận Thiên giả tồn, Nghịch Thiên giả vong : sinh hoạt thuận theo Thiên lý thì tồn tại và phát triển, hành xử ngược với Thiên lý tức là ba luật lớn trên thì tiêu vong , thử hỏi nghịch thiên như CS mà sao chưa Tiêu vong , xin thưa là ‘ Thời lai vị đáo: Chưa đến lúc gặt Quả báo nhân tiên, có khi Cha ăn mặn mà đến Con mới khát Nước !,

CỦA BA LOÀI NGƯỜI BA ĐÁNG

Của 3 loài: Tiền bạc, Tài sản, đồ đạc.

Người 3 Đấng. Danh từ · Đấng : Từ dùng để suy tôn cá nhân nào đó đến mức cao nhất do có công lao, sự nghiệp lớn, có ảnh hưởng lớn lao trong Xã hội .

Người Ba đấng là những Vị:

- 1.- Triết gia Thông Kim bác Cổ như Trạng Trình. Nho gia uyên thâm như Nguyễn Trãi
- 2.- Văn Gia với nguồn Thi hứng tràn ngập Yêu thương làm tươi mát, tô thắm Tình Người như Thi hào Nguyễn Du.
- 3.- Chính trị gia biết đem Đạo Lý vào Đời phục vụ Nhân sinh như Vua Lê Lợi , Chiến lược Gia Nguyễn Trãi, Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ .. .

BA CÁCH PHÁT BIỂU VỀ LỜI NÓI VÀ VIỆC LÀM

Thường có hai cách: Nói Khó Làm Dễ và Nói Dễ Làm Khó, còn trong nền Văn Hóa Dân tộc thì Nói Khó và Làm cũng Khó.

Nói Nền Văn Hóa Thái Hòa là Khó vì phải nói Hòa được trong mọi cấp bậc:

Cấp Cá nhân là Hòa giữa Tình và Lý theo Dịch lý Âm Dương Hòa.

Cấp Gia đình là Hòa theo Tiêu chuẩn Ngũ thường: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.

Cấp Quốc gia Xã hội là Hòa theo Nhân quyền và Nhân quyền.

Cấp Siêu hình là Hòa giữa Triết lý Vô thể (Ấn Độ: Đông phương) và Triết lý Hữu thể (Tây phương) : Vô Vi / Hữu Vi lưỡng nhất thành An vi.

BA LỐI HÀNH ĐỘNG

1.-- LỢI HÀNH như trong Chế độ Dân chủ Tư bản

2.- CƯỜNG HÀNH như trong Chế độ độc tài Cộng sản

3.- AN HÀNH như trong chế độ Nhân Trị: Lễ trị và Pháp trị của Dân tộc

Khi thấy sự việc hợp với Đạo Lý Nhân sinh thì quyết làm, khi sự việc bất công thì nhất quyết Không, nên cõi Lòng luôn được An nhiên Tự tại .

BA NGUỒN ĐỘNG NĂNG CỦA NỀN VĂN HOÁ THÁI HÒA VIỆT NHO

BỘ HUYỀN SỐ: 2 - 3, 5

Cây PHỦ VIỆT : BÚA VIỆT



Trên có 2 Giao long giao thoa

Dưới có 3 người đội Lông Chim (Tiên) nhảy múa

Góc của Bộ Huyền số: 2 -3 , 5 (2 + 3 = 5)

SỐ 2 :DỊCH LÝ ÂM DƯƠNG HÒA

Dịch lý Âm Dương Hòa là nguồn Biến dịch bất biến điều phối Tiết nhịp Hòa của Vũ trụ (Cosmic Rhythm) Số 2 là VŨ TRỤ QUAN ĐỘNG .

Số 3 TAM TÀI

Nhân trong Tam tài là con Người Nhân chủ : con Người tự Chủ, tự Lực, tự Cường , nên số 3 là NHÂN SINH QUAN NHÂN CHỦ .

Số 5 : Nguồn TÂM LINH

Hành Thổ của Ngũ hành tượng trưng cho VÔ: Nguồn Tâm linh; Nguồn Năng lượng Tình Yêu sáng tạo nên Vũ trụ . Số 5 là TÂM LINH SỬ QUAN: $E = mc^2$ (Einstein)

TÓM LẠI

Chỉ với 4 tiếng:

VÀI (2) BA (3) và DẪM (5) BA (3)

Đã có đủ Bộ Huyền 2 – 3, 5 là Cơ cấu và Nội dung của :

NỀN VĂN HOÁ THÁI HÒA DÂN TỘC:

VIỆT NHO & TRIẾT LÝ AN VI

BA NHU YẾU CỦA CÁ NHÂN

I.- CÁ NHÂN : Con Người Nhân chủ với 3 Nhu cầu

1.- THỰC : Nhu cầu VẬT CHẤT

Nhu cầu Vật chất như của Ăn Uống và Tiện nghi nhật dụng
 Ăn uống phải Ngon Lành và Điều độ giúp cho có:
 Một Tinh thần minh mẫn trong một Cơ thể tráng kiện .

2.- SẮC: Nhu cầu SINH LÝ

Nhu cầu sinh lý để thỏa mãn Dục Tính hầu giúp Vợ Chồng kết thân, sống cùng nhau suốt đời cho đến Đầu bạc Răng long, Cốt rủ Xương mềm và nhất là sinh để Con Cái và đào tạo chúng nên Trai hùng Gái đảm làm nền tảng vững chắc cho Xã hội.

3.- DIỆN: Nhu cầu TÂM LINH

Con Người phải Quy tư vào nguồn Tâm linh để un đức Lòng NHÂN và Suy tư theo Khoa học để trưởng Trí hay NGHĨA . Khi hành xử sao cho Nhân Nghĩa hài hòa hay Lương nhất thì đạt Đức Hùng Dũng. Hùng là Sức mạnh thể chất để

không bị ăn hiếp , Dũng là sức mạnh Tinh thần, giúp biết tự chế không làm điều bất Nghĩa . Khi hãnh xử sao chi NHÂN NGHĨA hài hòa thì có thể BAO DUNG mọi người, người tốt cũng bao, người xấu cũng bọc, người Lành cũng đón người Dữ cũng đưa , được thế là nhờ vào Bọc Đồng bào 100 Trúng 100 Con của Âu Cơ Tổ Mẫu.

NHÂN NGHĨA BAO DUNG là Tinh thần bất khuất của Dân tộc Việt Nam:

NHÂN NGHĨA BAO DUNG

Là Hệ quả của Thực, Sắc, Diện: Thiên Tinh dã .

II.- GIA ĐÌNH

Tổ ấm Gia đình nơi Vợ Chồng sống Hòa vui hạnh phúc bên nhau
Theo Đại Đạo Âm Dương Hòa

III.- XÃ HỘI

Nhân quyền / Dân quyền Lương nhất
Tâm linh /Khoa học lương nhất
Giúp Con người sống hạnh phúc, Xã hội hưởng Hòa bình

IV.- THẾ GIỚI HÒA BÌNH

Theo Tinh thần “ Tứ hải Giai Huynh Đệ “

Đường đi tới Hòa bình theo Văn Hóa Dân tộc xem ra:

Đường đi không khó vì ngăn Sông cách Núi,

Mà khó vì “ lòng Người Ngại Núi (NHÂN) E Sông (NGHĨA “)

(Dương Bá Học)

CUỘC CANH TÂN THEO NẾP SỐNG THEO VIỆT NHO

HAY CÁCH SỐNG THEO DỊCH LÝ ÂM DƯƠNG HÒA

SUY TƯ / QUY TƯ LƯƠNG NHẤT

TÂM LINH / KHOA HỌC LƯƠNG NHẤT

Thiết nghĩ CSVN dày xéo Dân tộc đã 80 năm nay, bây giờ không còn là lúc làm Thơ tả oán, viết văn đả kích, mà là lúc mọi người cùng bắt tay nhau đi vào lòng Dân tộc qua ngã Văn hóa – Mẫu số chung của Dân tộc - mà đoàn kết với nhau để có đủ Nội lực mà lo việc lớn chung.

Việc cần kíp là giúp mọi người hiểu rõ Văn hóa Dân tộc.

Văn hóa tộc mới là mẫu số chung của Toàn dân, là đầu mối của Đoàn kết Quốc gia tạo nên Nội lực Dân tộc để cùng nhau Cứu và Dựng Nước.

Việc canh tân nếp Sống toàn dân phải theo hai đường lối ngược nhau

QUY TƯ 歸思 là “ đi vào Lòng mình “ tức là đi về nguồn Tâm linh bằng cách ngồi yên tĩnh bất động. bỏ Suy tư “ Tâm viên ý mã “ mà “ Đôn hồ Nhân cố năng ái “ : Đôn hậu Tình người khiến cho Đức độ dày dặn, hầu yêu thương mọi người, mà nâng cao Tư cách .

資格 Tư cách : **Cái khả năng đúng mức nhờ vào Tình cảm yêu thương nhau để không xâm phạm tới quyền lợi và danh dự của người khác, ta còn hiểu là đường lối cư xử công bằng theo địa vị của một người.**

SUY TƯ 推思 bằng cách “ đi vào Khoa học “ để phát triển Lý trí cho được Chu tri (holistic knowledge) để nâng cao Khả năng hiểu biết hầu tránh nạn phiến diện như Triết lý sờ voi tức là tránh nạn Duy lý một chiều gây ra nạn phân hóa Dân tộc.

.可能 Khả năng : Còn tài sức làm được việc công bằng

Cặp đối cực Quy tư / Suy tư 歸思 / 推思 hay Tâm linh / Khoa học 心靈 / 科學 cần được lưỡng nhất hay “ Tình / Lý tương tham 情 / 理相參 “ thì con người mới có khả năng hành xử công bình giúp mọi người sống hòa vui với nhau mà lo việc riêng / chung.

Nếp Sống Suy tư / Quy tư luôn phải được quân bình hay Lưỡng nhất thì con người được Thân an Tâm lạc. Suy tư cho đời nay, Quy tư cho đời sau luôn được hành xử cùng một trật.

Được thế, thì nền Văn hóa Dân tộc mới xứng danh là nền Văn Hóa Thái Hòa , Con Cháu Tiên Rồng mới xứng danh là hậu duệ của Huyền Tổ Mẫu ÂU CO, Huyền Tổ 祖 Phụ LẠC LONG và QUỐC TỔ HÙNG VƯƠNG !

玄祖母鷗姬 玄祖父洛龍 國祖雄王

Việc nước là việc lớn chung của cả Dân tộc , không riêng cho Tôn giáo nào, Tổ chức Chính trị hay Phe phái nào, nên cần phải có một Tổ chức và một sinh hoạt chung. Việc này trước hết phải phó thác cho các Vị làm Chính trị vì Quý vị này hiểu rõ Tình trạng xã hội cần phải sửa sang bồi đắp.

Công việc canh tân nếp sống Dân tộc phải nhờ tới Quý Vị Lãnh đạo Tinh thần và Quý vị làm Văn Hóa Giáo dục, việc phổ biến công trình Văn hóa thường xuyên thì phải nhờ đến quý Vị Truyền thông Xã hội. Thành phần Nhân dân cũng rất quan trọng vì cần thể hiện nếp sống Hòa của Văn Hóa mà cùng nhau Xây dựng và Bảo vệ Nước.

Điều cần thiết là hoạt động nào cũng cần có Tổ chức cùng chương trình hành động thực tiễn ngắn và dài hạn. Phải có tinh thần bao dung của Đồng bào và “ Tinh thần nhiều tay vỗ nên Bộp “ thì mới mong giải quyết được công trình vừa To lớn vừa hết sức khó khăn.

Mọi người cần phải có Tinh thần yêu nước thiết tha cùng tinh thần trì chí thì mới mong làm nên việc lớn, nhất là có đi vào lòng Dân tộc mới có được nguồn hứng khởi mà làm việc lớn chung .

Còn Sinh hoạt cũng phải có kế hoạch ngắn và dài, ngắn là lo củng cố và phát triển Tổ chức của các Cộng đồng . Ngắn là loại trừ những sinh hoạt mọi mặt của CSVN đã xâm nhập trong cộng đồng. Dài hạn là có Tổ chức và kế hoạch mang tinh thần Dân chủ để thay thế chế độ độc tài trong nước.

Đây là công việc khó khăn và dài lâu , chúng ta phải bắt đầu là các Tổ chức chính trị ở hải ngoại cần gặp nhau và kết hợp lại làm một , kế hoạch sinh hoạt là Tổ chức các Tổ chức của các Cộng đồng các Tiểu bang với nhau. rồi thành lập Tổ chức chung toàn quốc và kế hoạch sinh hoạt chung.

Chúng tôi chỉ sinh hoạt về Văn Hóa, nên sự hiểu biết các lãnh vực khác rất giới hạn, nên chỉ có một số ý kiến chung chung, chúng ta đừng quên là 3 anh Thợ đày đồng Tâm sẽ thành một Gia Cát Lượng, có bắt tay vào việc thì ý kiến mới sẽ lòi ra , Với Lòng yêu nước thiết tha chúng ta sẽ vượt qua mọi khó khăn trở ngại.

Chúng ta phải nhớ rằng, mọi nỗ lực cải thiện xã hội và văn hóa đều cần sự tham gia tích cực của tất cả các tầng lớp nhân dân. Mỗi người, từ nhà Lãnh đạo cho tới người

dân thường, đều phải đóng góp phần mình để xây dựng một xã hội công bằng và tiến bộ. Chỉ khi mọi người cùng chung tay, cùng nhau vượt qua những khó khăn và thử thách, chúng ta mới có thể đạt được mục tiêu chung. Lòng Yêu nước và sự Đoàn kết là chìa khóa mở ra cánh cửa dẫn tới tương lai tươi sáng hơn.

Vạn sự khởi đầu nan, hy vọng các Tổ chức yêu nước sẽ được củng cố và hoạt động tích cực .

Cầu xin Ông Trên Ban ơn Sáng soi và Sức mạnh cho mọi con dân Việt nhận ra nhau, bất cứ ở đâu và lúc nào cũng đều là Anh Chị em Đồng bào. luôn biết yêu thương, Kính trọng , ăn ở công bằng, đoàn kết mà giúp nhau xây Tổ Ấm Gia đình và Quốc gia sao cho mọi người luôn được ấm no Hạnh phúc.

Hạnh phúc không chỉ ở nơi cao xa mà cũng rất gần với chúng ta từ những cái rất nhỏ: Khi nóng nực mà có được ngọn gió mát, khi đang đói mà có sẵn bát cơm , khi đang buồn rầu mà có được lời an ủi, bất cứ ở đâu và lúc nào cũng có sẵn hạnh phúc đang chờ, miễn là mình biết cảm nhận lấy.

Khi đã có cơm ăn, áo mặc. nhà ở, việc làm và cũng biết bằng lòng với những cái mình đang có thì đã có được niềm Hạnh phúc tương đối .

Nói như thế không có nghĩa là mình không mưu tìm sự Tiến bộ, nhưng mình luôn phải đi trên đường Đời một cách tích cực bằng con đường mòn như Tổ Tiên xưa mà tiệm tiến : Từ Nhỏ tới To, từ Thấp lên Cao. Từ đơn giản tới phức tạp, từ Tầm thường tới Phi thường , từ Tinh vi tới Vĩ đại . tuy nhiều hay ít, nhưng ai ai cũng lượng sức để làm trọn phần mình , bao giờ cũng lượng hết sức mình mà Vi Nhân, Vi nhân là công việc hàng đầu quan trọng nhất của mọi người mà “ Vi Nhân lại nan hỹ : Làm Người khó lắm, nên bao giờ cũng luôn cố gắng Tiến lên !

V.- LỘ ĐỒ TU, TÈ, TRỊ BÌNH

Lộ đồ Tu, Tè, Trị Bình là cách đem Đạo Lý Nhân sinh vào Đời từ Gốc tới Ngọn để phục vụ Nhân sinh mà chưa có một Tôn giáo hay nền Văn Hóa nào có thể sánh .

Gốc là từ Cá nhân, tới Gia đình, Xã hội rồi đến Ngọn Thế giới .

TU THÂN : NGŨ THƯỜNG



↓
Nghĩa

Tất cả 5 Đức tính đều là nét gấp đôi (Twofoldness) lưỡng hợp , NHÂN là Gốc.
 NHÂN : Ái thân, ái Nhân :Yêu mình, yêu Người
 NGHĨA : Đồng đồng vãng lai : Có Đi có Lại hai chiều cho Công bằng để tạoi Lòng nhau
 LỄ: Cung kỹ kính tha:Trọng Minh và trọng Người
 TRÍ:Tri Kỹ, tri Bỉ: hiểu biết Minh để hiểu biết Người
 TÍN:Tín kỹ, tín tha: Tin Minh để Người tin.

TÈ GIA : NGŨ LUÂN

Con / Cái

↑
Anh Chị / Em ← VỢ / CHỒNG → Đồng bào

↓
Cha / Mẹ

TRỊ BÌNH THIÊN HẠ

GIÁO DỤC : Thành Nhân / ThànhThân

↑
CHÍNH TRỊ : Nhân quyền / quyền VHTH XÃ HỘI: Dân sinh / Dân trí

↓
KINH TẾ: Công hữu / Tư hữu

VHTH: Văn Hóa Thái Hòa

Công hữu / Tư hữu lưỡng nhất

Thành Nhân / thành Thân Lưỡng nhất

Nhân quyền / Dân quyền lưỡng nhất

Dân sinh / Dân trí lưỡng nhất “

Khi tất cả các cặp đối cực đều được lưỡng nhất thì mới mong Xã hội Hòa bình.

THẾ GIỚI HÒA BÌNH

Với Tinh thần

TỨ HẢI GIAI HUYNH ĐỆ

KẾT LUẬN

Dân tộc chúng ta đã và đang bị CSVN tước mất Quyền Tư hữu và Quyền Tự do suốt 80 năm nay, nguyên do là bởi cái “ tệ nạn Khôn vật chung “ do bị áp bức bóc lột lâu ngày , Tổ Tiên chúng ta đã cảnh báo rõ ràng từ lâu, đó là nạn “ Khôn Độc Đại Đàn, Tham Dĩa Bỏ Mâm” nhất là ‘ Nhiều Sãi không ai đóng Cửa Chùa mà chúng ta không thềm nghe để hiểu Lẽ Sống Dân tộc ! “ .

Vậy quy trách về ai? Thừa là cho cả Toàn Dân, nhưng nhất là cái Đầu . Cái Đầu là những Vị Lãnh đạo Tinh thần các Tôn giáo, các Vị làm Văn hóa, các Vị làm Chính trị, các Vị làm Truyền thông xã hội.

Tất cả các thành phần này thường cứ làm anh hùng một phương, vì cho cái Khôn riêng của mình là hay hơn hết, lại thiếu tinh thần Bao dung , không lý gì đến thành phần khác, lại có quá nhiều khôn riêng, nên mỗi khôn riêng cứ hùng cứ một phương, xé Dân tộc ra từng mảnh, một số cứ im lặng cho là vàng. Số khác thì hăng hái hơn nên đã kịch liệt, đòi giết cho tuyệt nhau nhưng rồi chẳng đi tới đâu, vì hai bên cứ cương quyết giữ lập trường cực đoan của mình mà làm anh hùng một cõi . Do đó tuy nhiều tay mà không thể vỗ nên Bốp!

Tổ Tiên chúng ta đã có lối đi chung và hành động chung nhưng chúng ta tự cho mình khôn hơn văn minh tiến bộ hơn, nên cứ quần nhau theo lối cực đoan, để dòn nhau vào con đường Kiệt, (impass) khi đến mặt lộ thì đành im tiếng mà than thâm!.

Rõ là không Yêu thương Bao dung nhau mới chia ly, không Hành xử công bằng với nhau gây nên Hận thù nhau, ngay cả trong Nội bộ CSVN, tất cả tự cho mình là vô cùng yêu nước, luôn kiên định Lập trường cực đoan, đòi giết cho tuyệt nhau nhưng chỉ là đánh giặc miệng, yêu nước kiểu cuồng nhiệt bằng cách tước quyền sống của cả Dân tộc để cứu một thiểu số người, CSVN lại đem nhét Bobo vào họng cho Đồng bào hạnh phúc. Hai bên chẳng giết tuyệt được nhau, khi mỗi miệng thì đành im mà ngồi chờ vận may của Cơ Trời, càng chờ thì càng vô vọng thì càng thất vọng, hai bên đưa đẩy nhau tới con Đường Kiệt rồi thì phái Im !!

Còn CSVN thì đã nắm tay trên, lại được các nước Tây phương o bế làm ăn, tưởng thế là an toàn và vững bền, tưởng thế là đoạn tuyệt được với quá khứ đã gây ra bao thương đau khổ lụy cho Dân tộc, những vết thương do hành động Tham tàn Hung bạo đã gây ra khổ nạn cho một số người bị vu oan, nhất là phá nát luân thường Đạo lý làm cho Xã hội sa đọa, con người mất mát hết Nhân Tính Nhân Tánh, xã hội thì thượng hạ đang cực lực giao tranh lợi bất chính, làm sao mà tồn tại được, vì một mặt các Oan hồn trong cuộc đấu tranh sắt máu bị thảm sát vì bị vu oan và biết bao Oan hồn vượt thoát bị chết bờ chết bụi, chết Sông chết Biển, lại thêm nền Văn minh nhân loại ngày càng đem ánh sáng soi rõ cách hành xử lươn lẹo gian manh của CSVN, lại còn Liên đới trách nhiệm .cùng cách đốt lò chạy tội trong nội bộ thì Chính cái “ oan oan tương báo của bao người tử nạn “, rồi ra khiến CSVN phải tự giải thể, với bao nhiêu cảnh Nghịch thiên thì làm sao mà không “ giả vong “ để nhường cho một chế độ Nhân bản và Công bình .!

Nhân dân sẽ hết oán thù khi CS VN thực sự từ bỏ đờng lối Giai cấp đấu tranh man rợ của Mác Mao, luôn toàn dùng lối nhân danh cái cực Tốt để thực hiện cái Tham tàn, nên thành tâm quay lại con đường Nhân bản, biết tôn trọng quyền Tư hữu và quyền Tự do của toàn dân nhất là biết tôn trọng sự khác biệt của tha nhân. Hy vọng thay!

Cứ bình tâm thử xem có con đường nào hơn con đường NHÂN NGHĨA BAO DUNG của nền Văn Hóa Dân tộc. Tôn giáo thì chỉ lo Đòi sau, Văn hóa thì chỉ lo Văn chương Nghệ thuật trên mây dưới Gió, cùng lý tưởng đấu tranh dành Hòn Thua nhau. Truyền thông thì đem tin dật gân cho nhiều độc giả, nên Nội lực Dân tộc bị phân tán, Dân tộc yếu xìu!

Vậy thì trông cậy vào đâu để cứu Dân giúp Nước, mỗi người hãy tự hỏi lấy mình sao Dân tộc 100 triệu mà để cho 4, 5 triệu CSVN dày xéo gần thế kỷ, thì nhận ra chúng ta là ai và biết mỗi chúng ta phải làm gì, nhất là các Vị Lãnh đạo Tinh thần và các vị làm Văn Hóa giáo dục? Sức mạnh của Dân tộc ở nơi tinh thần bất khuất NHÂN NGHĨA BAO DUNG, chứ không ở nơi HẠN THỪ GIAI CẤP, Tinh yêu mang tính chất xây dựng, còn Hạn thì chỉ phá hoại cho điêu tàn nên việc xây dựng khó như lên Trời, còn Pha hoại thì dễ như đốt lông,

Việt Nam có Chế Quân chủ, không có chế độ Nô lệ để có Giai cấp như ở Tây phương, Thiết lập Công bằng Xã hội bằng cách phá luân thường Đạo lý cho điêu tàn để chiếm ngôi độc trị là phản Dân hại Nước! Chúng tôi nói những lời trên là lời xây dựng theo nền Văn Hòa Dân tộc với Tinh thần Nhân Nghĩa bao dung, chứ không theo lối đối đầu theo lối thường tình.

Kính xin Đồng bào hãy giúp nhau Tỉnh GIÁC CÔNG MIÊN: vong Thân , vong Gia , vong Quốc, vong Nô mà vùng lên vực dậy !

V.- CUỘC CANH TÂN NÉP SỐNG THEO VĂN HÓA DÂN TỘC

Theo hai đường lối ngược nhau

QUY TU 歸思 là “ đi vào Lòng mình “ tức là đi về nguồn Tâm linh bằng cách ngồi yên tĩnh bất động. bỏ Suy tư “ Tâm viên ý mã “ mà “ Đôn hồ Nhân cố năng ái “ : Đôn hậu Tình người, mà cảm nhận được lòng yêu thương mọi người , hầu nâng cao Tư cách .

資格 Tư cách : Cái khả năng đúng mức nhờ vào Tình cảm yêu thương nhau để không xâm phạm tới quyền lợi và danh dự của người khác, ta còn hiểu là đường lối cư xử đúng theo địa vị củ một người.

SUY TƯ 推思 bằng cách “ đi vào Khoa học “ để phát triển Lý trí cho được Chu tri (holistic knowledge) để nâng cao Khả năng hầu tránh nạn phiến diện như Triết lý sờ voi tức là tránh nạn Duy lý một chiều gây ra nạn phân hóa Dân tộc.

可能 Khả năng : Có tài sức làm được việc công bằng.

Cặp đối cực Quy tư / Suy tư hay Tâm linh / Khoa học 心靈 / 科學 cần được lưỡng nhất hay “ Tình / Lý tương tham 情 / 理相参 “ thì con người mới có khả năng hành xử công bình giúp mọi người sống hòa vui với nhau mà hưởng Hòa bình.

Được thế, thì nền Văn hóa Dân tộc mới xứng danh là nền Văn Hóa Thái Hòa , Con Cháu Tiên Rồng mới xứng danh là hậu duệ của Huyền Tổ Mẫu ÂU CƠ, Huyền Tổ phụ LẠC LONG và QUỐC TỔ HÙNG VƯƠNG !

玄祖母鷗姬 玄祖父洛龍 国祖雄王

CUỘC CANH TÂN NÉP SỐNG THEO VĂN HÓA DÂN TỘC

HAY CÁCH SỐNG THEO DỊCH LÝ CỦA VIỆT NHO

SUY TƯ / QUY TƯ LƯƠNG NHẤT

TÂM LINH / KHOA HỌC LƯƠNG NHẤT

Thiết nghĩ CSVN dày xéo Dân tộc đã 80 năm nay, bây giờ không còn là lúc làm Thơ tả oán, viết văn đả kích, biểu tình hoan hô đá đảo. mà là lúc mọi người cùng bắt tay nhau đi vào lòng Dân tộc qua ngã Văn hóa – Mẫu số chung của Dân tộc - mà đoàn kết với nhau để có đủ Nội lực mà lo việc lớn chung.

Việc cần kíp là giúp mọi người hiểu rõ Văn hóa Dân tộc để đoàn kết với nhau theo Đạo lý Nhân sinh của Văn Hóa

Văn hóa tộc mới là mẫu số chung của Toàn dân, là đầu mối của Đoàn kết Quốc gia tạo nên Nội lực Dân tộc để cùng nhau Cứu và Dựng Nước.

Việc canh tân nếp Sống toàn dân phải theo hai đường lối ngược nhau

QUY TU 歸思 là “ đi vào Lòng mình “ tức là đi về nguồn Tâm linh bằng cách ngồi yên tĩnh bất động. bỏ Suy tư “ Tâm viên ý mã “ mà “ Đôn hồ Nhân cố năng ái “ : Đôn hậu Tình người khiến cho Đức độ dày dặn, hầu yêu thương mọi người, mà nâng cao Tư cách .

資格 Tư cách : Cái khả năng đúng mức nhờ vào Tình cảm yêu thương nhau để không xâm phạm tới quyền lợi và danh dự của người khác, ta còn hiểu là đường lối cư xử công bằng theo địa vị của một người.

SUY TU 推思 bằng cách “ đi vào Khoa học “ để phát triển Lý trí cho được Chu tri (holistic knowledge) để nâng cao Khả năng hiểu biết hầu tránh nạn phiến diện như Triết lý sờ voi tức là tránh nạn Duy lý một chiều gây ra nạn phân hóa Dân tộc.

.可能 Khả năng : Còn tài sức làm được việc công bằng

Cặp đối cực Quy tư / Suy tư 歸思 / 推思 hay Tâm linh / Khoa học 心靈 / 科學 cần được lưỡng nhất hay “ Tình / Lý tương tham 情 / 理相參 “ thì con người mới có khả năng hành xử công bình giúp mọi người sống hòa vui với nhau mà lo việc riêng / chung.

Nếp Sống Suy tư / Quy tư luôn phải được quân bình hay Lưỡng nhất thì con người được Thân an Tâm lạc. Suy tư cho đời nay, Quy tư cho đời sau luôn được hành xử cùng một trật, .

Được thế, thì nền Văn hóa Dân tộc mới xứng danh là nền Văn Hóa Thái Hòa , Con Cháu Tiên Rồng mới xứng danh là hậu duệ của Huyền Tổ Mẫu ÂU CO, Huyền Tổ Phụ LẠC LONG và QUỐC TỔ HÙNG VƯƠNG !

玄祖母鷗姬 玄祖父洛龍 国祖雄王

CÁCH TU THÂN THEO DỊCH LÝ CỦA VĂN GIA

“Dịch vô Vi vô Tư dã, tịch nhiên bất động nhi toại thông thiên hạ chi cố : Dịch là không nhân vi, ngưng suy tư, ngồi bất động yên tĩnh, có vậy mới định Tâm, hầu “ Định nhi hậu năng tĩnh, tĩnh nhi hậu năng an, an nhi hậu năng lự, lự nhi hậu năng đắc “: Khi có ngồi yên tĩnh thì mới định tâm, khi tâm có định không bị tâm viên ý mạt thì lòng mới an, khi lòng đã an thì mới suy xét chín chắn, đột nhiên cảm thông được Lẽ của Trời Đất mà đạt Đạo Nhân.

Còn cách Tu của lớp Chắt gia tức là Bình dân: Những người ít học hay vô học lại có lối Tu Tập thể theo Tập quán vừa Làm việc vừa Tu. Họ hát hò theo kho tàng Ca dao Tục ngữ để truyền bá Văn hóa vừa để tu Thân Tập thể. Khi Làm bất cứ việc hoặc một mình hoặc nhiều người, Miệng thì họ hát những câu Ca dao Tục ngữ, Tay vẫn làm, họ làm việc luôn trong tâm trạng vui vẻ, hứng thú. nên cảm thấy đỡ mệt nhọc, nhất là làm tăng thêm Tình Liên đới với nhau.

Có rất nhiều lối Hát điệu hò rất phong phú !

Đây là cách truyền bá Văn hóa và tu thân rất thực tiễn và hữu hiệu .

Việc nước là việc lớn chung của cả Dân tộc, không riêng cho Tôn giáo nào, Tổ chức Chính trị hay Phe phái nào, nên cần phải có một Tổ chức và một sinh hoạt chung. Việc này trước hết phải phó thác cho các Vị làm Chính trị vì Quý vị này hiểu rõ Tình trạng xã hội và chỗ cần phải sửa sang bồi đắp.

Công việc canh tân nếp sống Dân tộc phải nhờ tới Quý Vị Lãnh đạo Tinh thần và Quý vị làm Văn Hóa Giáo dục, việc phổ biến công trình Văn hóa thường xuyên thì phải nhờ đến quý Vị Truyền thông Xã hội. Thành phần Nhân dân cũng rất quan trọng.

Điều cần thiết là hoạt động nào cũng cần có Tổ chức cùng chương trình hành động thực tiễn ngắn và dài hạn, . . . Phải có tinh thần bao dung của Đồng bào và “ Tinh thần nhiều tay vỗ nên Bộp “ thì mới mong giải quyết được công trình vừa To lớn vừa hết sức khó khăn.

Mọi người cần phải có Tinh thần yêu nước thiết tha cùng tinh thần trì chí thì mới mong làm nên việc lớn, nhất là có đi vào lòng Dân tộc mới có được nguồn hứng khởi mà làm việc lớn chung .

Còn Sinh hoạt cũng phải có kế hoạch ngắn và dài, ngắn là lo cũng cố và phát triển Tổ chức của các Cộng đồng. Ngắn là loại trừ những sinh hoạt mọi mặt của CSVN đã xâm nhập trong cộng đồng. Dài hạn là có Tổ chức và kế hoạch mang tinh thần Dân chủ để thay thế chế độ độc tài trong nước.

Đây là công việc khó khăn và dài lâu, chúng ta phải bắt đầu là các Tổ chức chính trị ở hải ngoại cần gặp nhau và kết hợp lại làm một, kế hoạch sinh hoạt là Tổ chức các Tổ chức của các Cộng đồng các Tiểu bang với nhau. rồi thành lập Tổ chức chung toàn quốc và kế hoạch sinh hoạt chung.

Chúng tôi chỉ sinh hoạt về Văn Hóa, nên sự hiểu biết các lãnh vực khác rất giới hạn, nên chỉ có một số ý kiến chung chung, chúng ta đừng quên là 3 anh Thọ đày đồng Tâm sẽ thành một Gia Cát Lượng, có bắt tay vào việc thì ý kiến mới sẽ lòi ra, Với Lòng yêu nước thiết tha chúng ta sẽ vượt qua mọi khó khăn trở ngại.

Chúng ta phải nhớ rằng, mọi nỗ lực cải thiện xã hội và văn hóa đều cần sự tham gia tích cực của tất cả các tầng lớp nhân dân. Mỗi người, từ nhà Lãnh đạo cho tới người dân thường, đều phải đóng góp phần mình để xây dựng một xã hội công bằng và tiến bộ. Chỉ khi mọi người cùng chung tay, cùng nhau vượt qua những khó khăn và thử thách, chúng ta mới có thể đạt được mục tiêu chung. Lòng Yêu nước và sự Đoàn kết là chìa khóa mở ra cánh cửa dẫn tới tương lai tươi sáng hơn.

Vạn sự khởi đầu nan, hy vọng các Tổ chức yêu nước sẽ được củng cố và hoạt động tích cực.

Cầu xin Ông Trên Ban ơn Sáng soi và Sức mạnh cho mọi con dân Việt nhận ra nhau, bất cứ ở đâu và lúc nào cũng đều là Anh Chị em Đồng bào. luôn biết yêu thương, Kính trọng, ăn ở công bằng, đoàn kết mà giúp nhau xây Tổ Ấm Gia đình và Quốc gia sao cho mọi người luôn được ấm no Hạnh phúc.

Hạnh phúc không chỉ ở nơi cao xa mà cũng rất gần với chúng ta từ những cái rất nhỏ: Khi nóng nực mà có được ngọn gió mát, khi đang đói mà có sẵn bát cơm, khi đang buồn rầu mà có được lời an ủi, bất cứ ở đâu và lúc nào cũng có sẵn hạnh phúc đang chờ, miễn là mình biết cảm nhận lấy

Khi đã có cơm ăn, áo mặc. nhà ở, việc làm và cũng biết bằng lòng với những cái mình đang có thì đã có được niềm Hạnh phúc tương đối.

Nói như thế không có nghĩa là mình không mưu tìm sự Tiến bộ, nhưng mình luôn phải đi trên đường Đời một cách tích cực bằng con đường mòn như Tổ Tiên xưa mà tiệm tiến : Từ Nhỏ tới To, từ Thấp lên Cao. Từ đơn giản tới phức tạp, từ Tầm thường tới Phi thường, từ Tinh vi tới Vĩ đại. tuy nhiều hay ít, nhưng ai ai cũng lượng sức để làm trọn phần mình, bao giờ cũng lượng hết sức mình mà Vi Nhân,

Vi nhân là công việc hàng đầu quan trọng nhất của mọi người mà “ Vi Nhân lại nan hỹ : Làm Người khó lắm, nên bao giờ cũng luôn cố gắng Tiến lên !

V.- LỘ ĐỒ TU, TÈ, TRỊ BÌNH

Lộ đồ Tu, Tè, Trị Bình là cách đem Đạo Lý Nhân sinh vào Đời từ Gốc tới Ngọn để phục vụ Nhân sinh mà chưa có một Tôn giáo hay nền Văn Hóa nào có thể sánh kịp,. Gốc là từ Cá nhân, tới Gia đình, Xã hội rồi đến Ngọn Thế giới.

Tuy là Văn Hóa nhưng Việt Nho vẫn có khả năng chơi vai trò Tôn giáo :

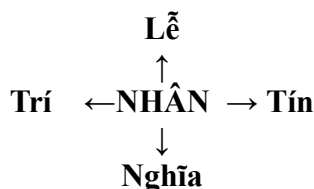
Nhân ái cò khác gì Bác ái và Từ bi .

Lý Công chình cũng tương tự như Lẽ Công bằng và Trí tuệ

Lòng Bao dung cũng là Tha thứ và Hỷ xả !

Gốc là từ Cá nhân, tới Gia đình, Xã hội rồi đến Ngọn Thế giới .

TU THÂN : NGŨ THƯỜNG



Tất cả 5 Đức tính đều là nét gấp đôi (Twofoldness), mà NHÂN là Gốc.

NHÂN : Ái thân, ái Nhân :Yêu mình, yêu Người

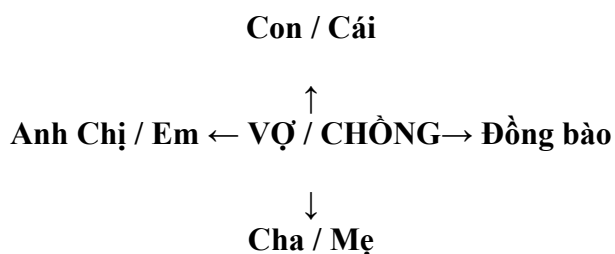
NGHĨA : Đồng đồng vãng lai : Có Đi có Lại hai chiều cho Công bằng để tạoi Lòng nhau

LỄ: Cung kỹ kính tha:Trọng Mình và trọng Người

TRÍ:Tri Kỹ, tri Bi: hiểu biết Mình để hiểu biết Người

TÍN:Tín kỹ, tín tha: Tin Mình để Người tin

TÈ GIA : NGŨ LUÂN



TRỊ BÌNH THIÊN HẠ

GIÁO DỤC : Thành Nhân / Thành Thân

CHÍNH TRỊ : Nhân quyền / quyền ↑ VHTH XÃ HỘI: Dân sinh / Dân trí

↓
KINH TẾ: Công hữu / Tư hữu

Xin mọi người chúng ta lưu tâm là Hán Nho với Quan lại Hào lý xưa mới là quê mùa Lạc hậu, còn Việt Nho vừa được T. G. Kim Định khai quật lên là nền Văn hóa Thái Hòa , là Tổng hợp Đông Tây Kim Cổ. Chúng tôi đã viết hai cuốn về đề tài này: Khi Đông Tây Giao Hội và Sự Hạnh ngộ giữa Đông và Tây đã được đăng tải trên vietnamvanhien.net.

VHTH: Văn Hóa Thái Hòa

Công hữu / Tư hữu lưỡng nhất

Thành Nhân / thành Thân Lưỡng nhất

Nhân quyền / Dân quyền lưỡng nhất

Dân sinh / Dân trí lưỡng nhất “

Khi tất cả các cặp đối cực đều được lưỡng nhất thì mới mong Xã hội Hòa bình.

THẾ GIỚI HÒA BÌNH

Với Tinh thần

TỨ HẢI GIAI HUYNH ĐỆ

KẾT LUẬN

Dân tộc chúng ta đã và đang bị CSVN tước hầu hết Quyền TU HỮU và Quyền TỰ DO suốt 80 năm nay, nguyên do là bởi cái nạn bị nô lệ áp bức lâu ngày của Thiên tử Tàu và Thực dân Pháp, nên sinh ra tệ nạn Khôn vật chung để sinh tồn, khi đã độc lập. Tổ Tiên chúng ta đã cảnh báo căn bệnh chung đó rõ ràng từ lâu, đó là nạn “ Khôn Độc Đại Đàn, Tham Dĩa Bỏ Mâm” nhất là ‘ Nhiều Sãi không ai đóng Cửa Chùa! “ .

Vậy quy trách về ai? Thưa là cho cả Toàn Dân, nhưng nhất là cái Đầu . Cái Đầu là những Vị Lãnh đạo Tinh thần các Tôn giáo, các Vị làm Văn hóa, các Vị làm Chính trị, các Vị làm Truyền thông xã hội.

Tất cả các thành phần này thường cứ làm anh hùng một phương, vì cho cái Khôn riêng của mình là đủ là hay hơn hết, không cần đến thành phần khác, lại có quá nhiều khôn riêng, nên mỗi khôn riêng cứ hùng cứ một phương, xé Dân tộc ra từng mảnh, một số cứ im lặng cho là vàng. Số khác thì hăng hái hơn nên đã kịch liệt, đòi giết cho tuyệt nhau nhưng rồi chẳng đi tới đâu, vì hai bên cứ cương quyết giữ lập trường cực đoan của mình mà làm anh hùng một cõi. Do đó tuy nhiều tay mà không thể vô nên Bốp!

Đây là Cơ hội bằng vàng cho CSVN lên ngôi !

Tổ Tiên chúng ta đã có Quốc bảo về Văn Hóa tuy có bị tiêu trầm trong Kinh điển, nhưng đã được đem vào nếp sống của Dân tộc qua Phong tục Tập quán, các Vị ưu thời mẫn thế không thấy rõ điều đó, nên cứ bôn ba nước ngoài tìm cách cứu nước., Khôn thay Tinh hoa nước ngoài là ở trong nguồn Tâm linh (Tình) của Tôn giáo rất khó cho người ngoài cảm nhận được, còn ba tai họa lớn mà Tây phương công hiến cho Nhân loại là: Chế độ Nô lệ, Đế quốc Thực dân, nhất là Cộng sản lại sờ sờ ra đó, rất hấp dẫn! không may là khi gặp được chủ nghĩa CS ông Hồ la lên như người ngộ Đạo, bèn hân hoan rước về Cứu nước bằng lối Tham tàn hung bạo!

Số là ông Hồ mang tâm trạng phụ thân là Cụ Phó Bảng Sắc bị chế độ Quân chủ cách chức, lại thêm xin học trường Hậu bổ để phục vụ mẫu quốc Pháp không được, nên khi gặp được chủ nghĩa CS là “ Tri kỷ Hận thù gặp Thù hận Tri kỷ “, đây là “ sự kiên thực tế đang là” rất kích động, nên ông Hồ hăm hở rước chủ thuyết Mác Mao về Cứu Dân giúp nước. Đến nay hai năm rưỡi là thành trì CS là Liên xô đã sụp đổ, chủ nghĩa Mác đã bị nhân loại vứt vào sọt rác từ lâu, Ông Hồ đã đi theo ngoại Tổ Mác Lênin Stalin mất rồi, còn CSVN cứ ôm lấy Mác Mao mà thờ ngôi độc trị!

Tổ Tiên chúng ta đã có lối đi chung và hành động chung nhưng chúng ta tự cho mình là khôn hơn văn minh tiến bộ hơn, nên cứ quần nhau theo lối cực đoan, để dồn nhau vào con đường Kiệt, (impass) khi đến khi thấy không hiệu quả đành im tiếng mà than thầm!.

Rõ là không Yêu thương Bao dung nhau mới Chia ly, không Hành xử công bằng với nhau nên Hận thù nhau, nhất là trong Nội bộ CSVN cũng rối tung, tất cả tự cho mình là vô cùng yêu nước, luôn kiên định Lập trường cực đoan, đòi giết cho tuyệt nhau nhưng chỉ là đánh giặc miệng, yêu nước một cách cuồng nhiệt như CSVN đã tàn hại cả Dân tộc, họ cao rao là đem công bằng cho một thiểu số mà đầy đọa đa số và còn đem nhét Bobo đồ ăn của ngựa vào họng để bảo Đồng bào hạnh phúc.

Hai bên chẳng giết tuyệt được nhau, khi mỗi miệng thì đành im mà ngồi chờ vận may của Cơ Trời, càng chờ vô vọng thì càng thất vọng, hai bên đưa đẩy nhau tới con Đường Kiệt rồi thì pháí Im !!

Còn CSVN thì đã nắm tay trên, rất tự cao tự đại và cực đoan, lại đang được các nước Tây phương o bế làm ăn, tưởng thế là an toàn và vững bền, mà không hiểu tuy người ta cùng giao thương để kiếm Lối, mà mặt khác còn đem cách sống Văn minh Nhân bản hầu cảm hóa CS đi theo con đường Nhân bản của Dân chủ mà ‘ Phú Chi , Giáo chi : Phú chi là dạy cách biết làm theo Khoa học kỹ thuật để có ăn , Giáo chi là dạy cách làm người có Tình và Lý để biết cách sống công bằng mà hòa vui với mọi người, chứ không dùng mưu gian và Bạo lực man rợ mà đè đầu cưỡi cổ người ta và dùng tưởng là đã đoạn tuyệt được với quá khứ đã gây ra bao thương đau khổ lụy cho Dân tộc, những vết thương do hành động Tham tàn Hung bạo đã gây ra khổ nạn cho một số người bị vu oan làm phá nát Luân thường, làm cho Đạo lý Dân tộc suy sụp tận nền, khiến con người mất hết Nhân Tình Nhân Tính, xã hội thì thượng hạ đang cực lực giao tranh lợi bất chính, làm sao mà tồn tại được, vì một mặt các Oan hồn trong cuộc đấu tranh sắt máu bị thảm sát do bị vu oan cùng với biết bao Oan hồn vượt thoát bị chết bờ chết bụi, chết Sông chết Biển, lại thêm nền Văn minh nhân loại ngày càng đem ánh sáng soi rõ cách hành xử lươn lẹo gian manh của CSVN, cùng cách đốt lò chạy tội trong nội bộ, thì rồi ra Chính cái “ oan oan tương báo của bao người tử nạn “ , khiến CSVN muốn tồn tại thì phải tự giải thể, với bao nhiêu cảnh Nghịch thiên thì làm sao mà không “ giả vong “ để nhường cho một chế độ Nhân bản và Công bình .! Không đi vào lòng Dân tộc bằng con đường Văn Hóa Nhân bản thì sẽ sa vào tròng Vật bản mà tàn dân hại nước mà lâm nguy !

Nhờ Tử bản Tây phương mà CSVN đã có phần thành Công, đừng tưởng thế mà hí hửng cho là xong Nợ máu xương, lại nữa nhưng chưa thành Nhân là Vấn đề quan trọng hàng đầu !

Không thành Nhân thì thành Công để làm gì là câu cần phải trả lời rõ ràng !

Nhân dân sẽ hết oán thù khi CS VN thực sự quay lại con đường Nhân bản, biết tôn trọng quyền Tự hữu và quyền Tự do của toàn dân nhất là biết tôn trọng sự khác biệt của tha nhân, đó là tinh thần Dân chủ , chứ không dùng Nhân danh lươn lẹo để khóa lấp vấn đề Công chính.

Đảng CSVN đã tự xưng là “ Đỉnh cao của Trí tuệ và Lương Tâm của nhân loại, Ông Hồ lại là đảng trưởng CSVN , tự xưng là Cha già Dân tộc , nên luôn ở trên đầu Dân tộc mà ve vãn nhân dân làm KM triệt để.!

Nhưng tiếc thay! Ông Hồ đã suốt đời bên ba nước ngoài đã không học được tinh thần Dân chủ Tây phương được khai sinh từ Tinh hoa của nguồn Tâm linh (nguồn Tinh) của Tôn giáo về giúp Dân cứu nước, mà lại ôm mớ Dẻ Rách Mác Mao Hân thù Hung bạo mà thế giới đã vất vào sọt rác về mà tàn Nước hại Dân !

Thử nghĩ lại coi, thử xem có con đường nào hơn con đường NHÂN NGHĨA BAO DUNG của nền Văn Hóa Dân tộc. có Lộ đồ Tu Tề Trị Bình theo Thiên lý (Dịch lý) mà qua mặt được Việt Nho, Tôn giáo thì chuyên lo lo Đời sau , Văn hóa thì chỉ lo Văn chương Nghệ thuật khóc mây than Gió , Chính trị thì ôm chặt lý tưởng đấu tranh dành Hòn Thua nhau . Truyền thông có khi thì đem tin dật gàn cho nhiều độc giả, nên Nội lực Dân tộc bị phân tán, Dân tộc yếu xìu!

Vậy thì trông cậy vào đâu để cứu Dân giúp Nước, mỗi người hãy tự hỏi lấy mình sao Dân tộc 100 triệu trong nước và 4. 5 Triệu ở nước ngoài mà để cho 4, 5 triệu CSVN dày xéo gần thế kỷ , thì nhận ra chúng ta là ai và biết mỗi chúng ta phải làm gì, nhất là các Vị Lãnh đạo Tinh thần và các vị làm Văn Hóa giáo dục, đây là Trung ngôn nghịch nhĩ , chứ không dám có ý khích bác bậy xằng !

Phải chăng đoàn kết theo Tinh thần “ Nhân Nhĩa Bao dung “ của Dân tộc là điều tiên quyết.

Kính xin Đồng bào hãy giúp nhau Tỉnh GIÁC CÔNG MIÊN: vong Thân , vong Gia , vong Quốc, vong Nô mà vùng lên vực dậy !

Thành thật xin cho phép “ Lão gia ” được nói cường điệu một chút, cho cõi lòng đỡ buồn tủi xôn xang, nếu lỡ có điều xúc phạm thì kính xin đại xá. Đa tạ!

Trân trọng,

Công dân Việt Nho

THAM KHẢO

NHO LÀ NHÂN ĐẠO CŨNG LÀ THIÊN ĐỊA ĐẠO

Người ta thường lầm lẫn Nho giáo là Khổng giáo của Đức Khổng Phu Tử, thực ra Đức Khổng chỉ thuật lại Đạo của Nghiêu Thuần, tức là Đạo “ Khoan nhu dĩ giáo, bất báo vô đạo . . . “ của phương Nam, tức là của Đại Chúng Việt.

Lại nữa khi nói đến Khổng giáo người ta chỉ liên tưởng đến Tứ Thư Ngũ Kinh với Luân thường đạo lý mà thôi.

Theo triết gia Kim Định thì Nho giáo có nguồn gốc ở nếp sống của đại chúng Việt, nhất là Việt Nam, nên được gọi là Việt Nho, Việt Nho có cơ cấu với bộ huyền số ‘ Vài Ba tức là 2 – 3’, 5, truy ra có nguồn gốc từ nền Văn hóa Hoà Bình cách nay ít nhất 12,000 năm đến 32,000 năm với Huyền Thoại hiền triết Tanê ở Đa Đảo với 3 thúng Trí khôn và 2 thúng quyền lực .

Việt Nho không những được Đức Khổng Phu Tử thuật lại trong Tứ Thư Ngũ Kinh mà còn là Nhân Đạo, Nhân Đạo lại là Tinh hoa của Thiên Đạo và Địa Đạo. Đây là một triết lý Nhân sinh được coi như một Chủ đạo để đáp ứng nhu cầu thiết yếu cho con Người Nơi Đây và Bây giờ cũng như xây dựng một xã hội Thái hoà như đã được Tổ tiên minh họa trên Trống Đổng Đông Sơn hay Ngọc Lũ. Từ nền tảng Việt Nho, Triết gia Kim Định đã xây dựng nên triết lý An Vi.

A.- ĐẠO LÀ GÌ?

Chữ Đạo (道 = 辶 + 首) có hai phân: Quai xước (辶), như cái bàn chèo dò để chuyên chở Đạo, còn chữ Thủ (首) là cái đầu, là nguồn cội. Thưa Đạo là con đường trở về với cái Đầu, cái Gốc, trở về Nguồn cội.

Nguồn cội đây là Đạo: “ Nhất Âm nhất Dương vị chi Đạo : Một Âm một Dương là Đạo, Đại Đạo “ Đạo cũng là nguồn sống Tâm linh hay nguồn Sống (Âm) và nguồn Sáng (Dương) từ Thiên Chúa, Thượng Đế, đấng Tối cao:

Nguồn Sống là nguồn Tình hay là lòng Nhân ái, hay Từ Bi hay Bác ái.

Nguồn Sáng là nguồn Lý Công chính hay đức Nghĩa hay, Trí huệ hay lẽ Công bằng.

Để diễn tả Đạo là gì, Nho gia đã nói đến cái Học Đạo lớn:

Trong Đại học, Nho nói : “ Đại học chi Đạo: Tại minh minh Đức, tại Thân Dân, tại chí u chí thiện:

Tại minh minh Đức là ở chỗ làm cho Sáng tỏ cái Đức Sáng đã được phú bẩm nơi thâm cung của con Người, tức là ánh sáng của Trí huệ. Đây Là Trí.

Tại thân Dân là ở chỗ phải Thân yêu hết mọi người, tức là phải có lòng Nhân ái, mới có thể dùng Tình để nối kết con người lại với nhau. Đây là Nhân.

Tại chỉ u chí Thiện, ở chỗ phải tu dưỡng sao cho được trọn lành gồm cả Nhân và Trí thay Nghĩa thì mới có đức Hùng (ngoại) Dũng (Nội) để sống Đạo lý được vẹn toàn. Đây là Dũng.

Vậy Học Đạo lớn (Đại học) là để đạt tới:

Lòng Nhân ái bao la để yêu thương được mọi người và vạn vật.

Trí huệ sáng suốt hay Nghĩa để ăn ở công bằng với nhau trong xã hội.

Phải đạt Đức Hùng Dũng để kiên trì tu dưỡng Đạo Nhân, và thực hiện đức Nghĩa (Nghĩa = Lễ, Trí, Tín) tức là lễ Công bằng trong cuộc sống hàng ngày nơi xã hội.

Những ai có thể học được Đạo Lớn đó, con Người học đó ra sao? Thừa từ “ Thiên tử chí u thứ dân, nhất thị giai dĩ tu thân vì bản : Từ người cao nhất đến người thấp nhất, ai ai cũng phải lấy việc sửa mình cho tốt làm gốc”, Đạo này ai cũng có thể Học và Hành được, và sau đây là lối con Người Việt Nho Học và Hành Đạo Lớn:

I.- Nhu yếu của Con Người Việt Nho

Muốn đủ điều kiện để học Đạo lớn, con Người Việt Nho phải có những nhu yếu cần thiết căn bản để sinh tồn đã, khi đó mới có thì giờ để học cách làm Người, vì “Vi Nhân nan hĩ : làm Người khó thay ! “ Tiên Nho định nghĩa con Người là cái Đức của Trời Đất, nơi Giao thoa của Âm Dương, chốn Hội tụ của Quý Thần. . . : Nhân giả kỳ Thiên Địa chi Đức, Âm Dương cho giao, quý thần chi hội. . .”

Vì được thụ bẩm Tinh hoa của Trời Đất, nên con Người mang Thiên Tính trong mình, được Nho công thức hoá trong câu: “ Thực , Sắc, Diện, Thiên Tính dã: cái Ăn uống, Tính dục và Thể diện là Bản Tính được thụ bẩm từ Trời “.

1.- Thực: Ăn uống

Ăn uống trước hết cần của Ăn vật chất được Ngon và Lành.

Ăn uống có được Ngon Lành thì con Người mới có “ một Tâm hồn trắng kiện trong một Thân thể khoẻ mạnh “.

Lúc trẻ thì yếu tố Ngon được ưu tiên hơn, đến lúc có tuổi cơ thể đã suy yếu, sự tiêu hóa giảm sút, nên yếu tố Lành cần được quan tâm nhiều hơn để cho sự sống được điều hoà. Vì sống trong chế độ nông nghiệp, nên thức ăn của uống của chúng ta đa phần là rau trái, không ăn nhiều thịt như trong chế độ Du mục.

Ăn uống cũng phải đáp ứng nhu cầu Nghệ thuật.

Trong cách nấu nướng pha chế cha ông chúng ta đã nấu nướng rất nhiều món ăn thích khẩu ngay đến những món tầm thường nhất, như Dưa, Cà, Mắm Muối và ngay trong việc trình bày các bàn cỗ

cũng trang trí làm sao cho đẹp mắt, để vừa kích thích con mắt hầu tiết ra nhiều dịch vị, làm cho việc tiêu hoá tốt hơn, cũng như gây ý thức khoái khẩu, nhất là làm cho tinh thần Thẩm mỹ của ta cũng được nâng cao hàng ngày. Đây là công việc Mỹ hóa thường xuyên Tâm hồn con Người. Các cụ ngày xưa nhất là Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu rất sành về Đạo Ăn. Dân Việt nhất là các bà nội trợ đã thực hiện cái Đạo Ăn một cách hết sức sành điệu, nên “ Nghề Ăn cũng là một Nghệ thuật lắm công phu!”.

Ăn uống phải thực hiện cái Đạo thuật sống hàng ngày.

Đề “ Có Thực mới vực được Đạo “ thì mọi người trong gia đình phải ngồi ăn chung, đồ ăn nên có nhiều món được để chung, các bữa ăn đều là buổi ăn chung, khi ăn là những lúc lưu tâm và chia sẻ chung từng cử chỉ, từng miếng ăn, từng lời nói, từng cung cách sống cảm nghĩ. Đây là một dịp để cho các thực khách “ Thi Lễ “ với nhau, vì Lễ (cung kỹ kính tha: Trọng Minh kính Người) là cốt tuỷ của nền văn hoá Việt. Đây là dịp để mọi người lưu tâm tới nhau, chia sẻ cùng nhau, trao Lý tỏ Tình với nhau, nhất là cung cách “ Kính Già Yêu Trẻ “. Đây là dịp thường xuyên để những người lớn thi Lễ với nhau, cũng là những tấm gương giáo dục nền tảng Văn hoá Hữu Lễ cho con cái. Bỏ lối ngồi ăn chung là xa rời căn bản Đạo lý sống của con Người.

Tây Âu sống theo lối cá nhân chủ nghĩa, mỗi người ăn mỗi đĩa, có khi mỗi người ngồi một nơi không lưu tâm nhiều tới việc ngồi ăn chung, tiện sao làm vậy, vì chẳng phải trao truyền Đạo Nghĩa gì, cho rằng Đạo không ở những chỗ gần gũi thấp kém này!

Văn hoá Việt bắt nguồn từ nguồn Dịch lý, chỗ nào cũng có Đạo cả ngay những cái Nhỏ mọn nhất, càng Nhỏ, càng Tinh vi thì chứa phần Đạo vĩ đại, nên mọi sinh hoạt sống Đạo là cốt lưu tâm ở những chỗ Nhỏ nhất, Tầm thường nhất. (Vật khinh hình trọng: Vật tuy nhỏ nhưng cái nội dung của nó thì lớn; Đạo bất viễn nhân: Đạo không xa con Người)

Đó là cách sống Nhịp Đôi như hơi “ thở Vào”,” thở Ra “, Đi Đứng, Nằm Ngồi, một Sáng một Tối, một Động một Tĩnh, một Tán một Tự.. . Ngay trong tiếng nói như Ăn Nói (ăn vào, nói ra), Ăn Ở (Ăn Vào, Ở là cách đối xử Ra với người ngoài), Ăn Làm, Học (Vào) Hành (Ra), Đạo (quy tâm: vào) Đồi (ra ngoài. . . Đạo và Đồi, Học và hành. . . là những cặp đối cực khăng khít không thể tách rời nhau.

Lối sống Lương hành (cùng đi sóng đôi với nhau) đó đã nhập vào sự sống toàn diện nơi người Việt Nam, ngay từ đôi đũa gắp thức ăn, nếu coi thường sự Nhỏ nhất, Gàn gửi thì không bao giờ thấy được Chân lý Ngược chiều quan trọng nhất .

“ Dịch nghịch số chi lý “ là luật biến dịch nghịch lý vận hành trong vũ trụ, đó là luật của đấng Tối cao. (như Thân, cành cây thì mọc lên, con Rễ thì lại đâm xuống, Thở vào thở ra. . . , thế mà vẫn kết hợp hài hoà được)

Cha ông chúng ta đã nhận biết cách sống Đạo Dịch bắt đầu từ khi lọt lòng Mẹ, tiếng khóc oa oa chào đời là báo hiệu em bé đã điều hòa sự sống trong nhịp thở Vào Ra, sau đó, trong mọi Sự Đời “ Ngược chiều “ này, như cách ăn lời nói, trong mọi cử chỉ, hành động và xử thế “đều có Đi có Lại mới toại lòng nhau “. Vì thế cho nên Đạo và Đời khăng khít với nhau, học và hành Đạo trong Đời nơi những cái Nhỏ mọn nhưng Tinh vi nhất, lại vì nó Gàn với mình nên Thiết thân với mình, bỏ cái Nhỏ cái Gàn mà tìm cách sống Đạo ở những chốn cao vời xa xăm là sai nhịp vận hành của vũ trụ. Đừng có khinh cái Nhỏ vì “ Vật khinh hình trọng”, “ cái Sấy nấy cái Ung” làm hư cái lớn. Xin đừng khinh cái Nhỏ nhất, vì cái nhỏ cũng chứa cái Tinh vi, cứ khinh thường nó thì sẽ mất cái To như mất hạnh phúc cá nhân, mất Nước cách này hay cách khác từ nguyên nhân Sâu xa và Nhỏ nhất này!!

Có hàng ngàn câu Tục ngữ Ca dao nói về Đạo Ăn: Ăn Nói, Ăn Học, Ăn Làm, Ăn Ở, Ăn Năn. . . có hàng ngàn câu như thế để cho con cháu sống Đạo giữa Đời. Tóm lại không hiểu được “ vấn đề Thực” thì “ không vực được Đạo”.

Có “ Tập dữ Tinh thành: Tập lấy Tinh tốt thành thói quen “ hàng ngày ngay từ lúc ấu thơ thì mới mong Đạo có thể thấm nhập vào làn da thớ thịt, thành tập quán mới được, nếu không thì chỉ có Đạo Nói “ mà chẳng có “ Đạo làm “như ta thường thấy! Vậy ta nên sống Đạo ngay ở chỗ Gàn nhất, ở những cái Nhỏ nhất, Tầm thường nhất, vì Đạo Đời là một, trong thế giới hiện tượng này cái Thường thường và Phi thường luôn gắn bó với nhau. Cuộc sống nơi trần thế gồm cả Đục lẫn Trong, cả Thị

lẫn Phi, . . nên nhớ cả Trong lẫn Đục, mọi thứ tốt xấu đều thuộc về Thượng Đế, về Chúa, vì không có cái gì không thuộc về Thượng Đế, Thiên Chúa, ngay cả Satan.

Sở dĩ có Đục, có Xấu là Thượng Đế để cho con Người có cơ hội tiến thân, cố gắng làm sao cho được Trong, cho được Tốt, để nâng cao phẩm giá con Người , hầu xứng đáng là con cái Thượng Đế, Thiên Chúa. Giá trị và ý nghĩa cuộc Đời của từng người là ở chỗ đó. Thiển nghĩ khi được sinh ra không ai đã là đã cao trọng, cao trọng hay không là phải cố sức “ Vi Nhân “.

Ca dao Tục ngữ là cả một kho tàng Minh triết. Nhờ có kho Minh triết này mà dân Việt Nam còn duy trì được phần nào nội lực Dân tộc, mới chống trả được với lối “đốt sách ,

*bắt dăng người tài, áp bức bóc lột. . . “ của đường lối bành trướng diệt chủng của Tàu, “ Không biết cái gì là Gốc, cái nào là Ngọn, cái nào Gân, cái nào Xa, mà sống bừa là nghịch với Thiên lý, vì “ Nghịch Thiên giả vong”. Theo tiên Nho thì “ Vật hữu bản末, sự hữu thủy chung, tri kỳ chung thủy tắc cận Đạo hĩ: Vật có Gốc Ngọn, việc có Trước Sau, biết Làm mọi việc theo thứ tự Trước Sau, tức là gần Đạo vậy. (Đại học)”
Nền tảng của việc xây dựng con Người Nhân chủ và gốc Đạo cũng bắt nguồn từ đây, quên đi việc nền tảng này thì đã là ở trên tiến trình “Đạo mất trước, Nước mất sau”!*

Trong thế giới hiện tượng của Thời- Không nhất- phiến (Time- Space-continuum) cũng như sự giới hạn của “ nhĩ mục chi tư : những suy tư từ giác quan ““, con Người chỉ có thể tiếp cận với những gì Tương đối mà thôi, chỉ có luật biến dịch của vũ trụ, của Trời cao mới là miên viễn. Triết học lý niệm chỉ chiêm nghiệm các ý tưởng trừu tượng, đưa con Người xa lánh cuộc đời Nơi Đây và Bây Giờ để lên cung mây, thành ra Đạo cao xa ở tít trên Trời, Đời trầm luân chìm sâu dưới Đất. Sở dĩ có luật phân chia Đạo Đời là vì người ta quan niệm Đạo ở xa xôi, xa cách với Đời, Đạo tốt đẹp, Đời xấu xa, nên không biết cách áp dụng đường lối “ Tu, Tề, Trị Bình “để đem Lòng Nhân ái và Nghĩa công bằng” vào Đời, được như thế thì làm sao mà phải Tách “ Tôn giáo và Chính trị “ ra làm hai. Vì vậy mà “ Chỉ có Đạo Nói mà không có Đạo Làm “ đưa tới tình trạng “ Lấy Đạo tạo Đời “, sinh ta nhiều nan đề cho xã hội. Lại thêm lối sống “ cá nhân chủ nghĩa “ chỉ “ tách con Người ta từng xú cô đơn” , khơi nguồn cho sự phân hoá, xé toang Bọc Ấu Cơ Tổ mẫu, tình nghĩa Đồng bào. May thay nền văn hoá chúng ta đã không đi vào ngõ đó, chỉ có khi nào chúng ta xa lánh Đạo Ăn Đạo Ở của cha ông mới gây nên nông nổi như ngày nay! Nhiều Người cứ ý y cho ta đây có Đạo lý tốt đẹp, nhưng không trì thủ mà sống lấy cho viên mãn thì cũng bằng Không !

Vậy Ăn là hành động Nhân hóa con Người để khi còn nhỏ biết cư xử êm thấm trong gia đình và khi lớn lên sống Hoà trong xã hội. Vì vậy cho nên mới nói: “ Có thực mới vực được Đạo “, và gia đình là cái nôi un đúc con Người Tình Lý.

Đây là Chân lý nền tảng duy trì sự Sống Còn của con Người.(CHÂN)

2.- Sắc là Sắc dục

Hay Tinh dục trong đạo Vợ chồng để con Người - “ Tạo hoá con “ - tham gia vào cuộc” sinh sinh hóa hoá “ của vũ trụ để bảo tồn nòi giống và cũng để xây Tổ ấm hầu un đúc tình Người. Tổ Ấm là nguồn hạnh phúc gia đình và cũng là nền tảng Hòa của xã hội. (Nguồn khoái cảm trong đời sống “ Kết hợp hoàn toàn giữa Tâm hồn và Thể chất“ giữa Vợ Chồng cũng là khởi điểm dẫn lối cho sự kết hợp với Thái Nhất với Đấng Tạo hoá hay hoà với tiết nhịp sinh sinh hoá của vũ trụ. (cosmic rhythm), hay là sự kết hợp giữa con Người Tiểu ngã với Đại ngã.)

Gia đình là môi trường để cá nhân phá cái khung chật hẹp của mình để vươn lên con người Công thể trong xã hội, để Gia đình trở thành nền tảng của xã hội, vì đây là lò đào tạo con Người biết cách sống “ Tình Lý tương tham “.

Vợ chồng không thuận hoà với nhau, để “ cơm không lành canh không ngọt” là đánh mất thiên chức của Vợ chồng, vì Đạo vợ chồng là Đại Đạo hàng đầu của con Người quân tử: “ Quân tử chi Đạo tạo đoan hồ phụ phụ “. Gia đình không thuận hoà không những Vợ Chồng mất hạnh phúc, mà còn làm cho nền tảng xã hội lung lay!

Gia đình là lò luyện Tình (từ Mẹ) và Lý (từ Cha) cho con cái, nhờ đó mà con Người có nền tảng Tư cách và Khả năng, điều này làm đẹp lòng Cha mẹ cũng như Thiên chúa , cha ông chúng ta đã nói : “ Dương thanh danh hiển phụ mẫu: nêu cao được danh tánh tốt của mình là cách làm vẻ vang cha mẹ “, không ai ăn ở tốt với cha mẹ con cái mà lại không biết cách ăn ở làm đẹp lòng Đấng Tối cao. Ăn ở tốt lành với Cha mẹ khó hơn đối với Đấng Tối cao, vì Ngài ở xa, không đụng chạm gì tới và chẳng than trách nói năng gì với mình cả !.(Thiên hà ngôn tai; Trời không bao giờ nói gì cả!)

Làm trọn nhiệm vụ Vợ Chồng và dạy dỗ Con Cái được tốt thiết tưởng là cung cách Thờ phượng, Tôn vinh và làm Sáng danh nhất cho Thượng Đế, cho Thiên Chúa tốt đẹp nhất. Sống tốt đẹp với mọi Người ở Đời thì chắc chắn Trời Phật không bao giờ từ bỏ chúng ta. Chứ cứ làm quấy mà không tự cố sửa mình cho tốt hơn, mà cứ tiếp tục theo lối xấu cũ thì những lời kêu ca cầu xin cũng vô ích! Gia đình là môi trường Thiện hoá Tâm tình con Người (THIÊN)

3.- Diện là Thể diện

Muốn có Thể tốt thì phải có lòng Nhân. Nhân là nguồn sức sống nối kết mọi người với nhau. Muốn có Diện đẹp thì Lòng Nhân phải giúp thực hiện đức Nghĩa. Đức Nghĩa là Lý công chính, có Lý công chính thì mới biết cách cư xử công bằng với hết mọi người để sống Hoà với nhau . Muốn bồi đắp cái Thể thì phải Quy Tâm, trở về với “ Vũ trụ chi Tâm: thế giới vô biên “, tức trở về nguồn sống Tâm linh mà tu dưỡng Đạo Nhân . Muốn có cái Diện đẹp thì phải thực thi đức Nghĩa tức là cuộc sống công bằng nơi Thế sự. Con Người không có Thể Diện thì không biết đến Liêm Sĩ,(Liêm : trong sạch, ngay thẳng không tham của người; Sĩ: Biết xấu hổ vì làm điều trái).

Con Người thiếu Liêm sĩ thì “ Vô sở bất vi: không kể việc Thiện Ác nào mà không nhúng tay vào “, những gương mù này ngày nay đầy rẫy trong đất nước chúng ta, ngay chính ở những người được gán cho là “ tai to mặt lớn “ ! Họ to về cái Danh hảo, cái mưu gian, mà bé tí teo về Phẩm hạnh!

Muốn un đức Thể Diện cũng có nhiều đường lối, hoặc là học sống theo Đạo lý làm Người của các Tôn giáo, Đạo lý của Dân tộc, hay sống theo Lương tâm. Lương Tâm

là Thiên bẩm Trời gán chặt vào Bản Tính con Người để cho để con Người sống lương thiện, tốt đẹp. Lương tâm được ví như hạt Ngọc, ta có biết cách mài dũa viên Ngọc sao cho ngày một sáng trong hơn thì mới giúp ích nhiều cho cuộc sống theo đường Ngay lẽ Chính được. Những Người có lương tâm mờ ám thì chỉ làm hại con Người và Xã hội mà thôi.

Xã hội nào có tôn trọng quyền Tự do Tôn giáo, có tôn trọng Nhân quyền thì con Người mới có cơ hội trau dồi Thể Diện. Nhân quyền và Tự do là nhu yếu cấp thiết chung cho mọi người trên hoàn vũ, không lệ thuộc vào bất cứ Không và Thời gian nào, cho rằng những nhu yếu này là tùy theo từng Thời từng Nơi là nguy hiểm! Đây là con đường Mỹ hoá Tâm hồn con Người.(MỸ)

Chân, Thiện, Mỹ là 3 nguồn mạch sống của con Người, đó là những nhu yếu thâm sâu không thể nào cắt xén đi được. Đó cũng là nền tảng của Nhân quyền và Dân quyền.

Về Nhân quyền thì phải bảo đảm quyền Tự do để cho mỗi Cá nhân có cơ hội và phương tiện tu dưỡng lòng Nhân.

Về Dân quyền thì bảo đảm cho toàn Dân có thể thực hiện được lẽ công bằng tương đối trong đời sống xã hội để xây dựng Quốc gia giàu mạnh.

Đây là cuộc sống “ Hợp Nội Ngoại chi Đạo hay hợp Nội Thánh với Ngoại Vương “. Ta nên để ý đây là Nền tảng của lối Sống Đại Đạo của cha ông ta, cái Đạo Gắn gũi Thiết thân với con Người Nơi Đây và Bây Giờ, mà bất cứ ai ai cũng cũng có thể Học, Hiểu và Thực Hành được trong đời sống hàng ngày, trước khi bỏ công đi tìm học Đạo ở xa. Việt Nho quan niệm thế nào về Trời Đất và con Người?

II- Vũ trụ quan của Việt Nho

Quan niệm về tạo Thiên lập Địa: Nho gia phát biểu quan niệm Dịch lý về Vũ trụ (Vũ trụ quan) trong mấy câu nhất girenng quá hàm súc như sau:

“ Thái cực sinh Lương nghi,

Lương nghi sinh Tứ tượng,

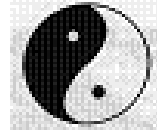
Tứ tượng sinh Bát quái. . .

Nhi biến hoá vô cùng”

“Tại Thiên thành Tượng

Tại Địa thành Hình.

Thái cực nhi vô cực. “



Qua hình Thái cực viên đồ, ta có quan niệm tổng quát về tạo Thiên lập Địa như sau:

1.-Thái cực sinh Lưỡng nghi, Lưỡng nghi sinh Tứ Tượng. . .

Vòng tròn tượng trưng cho Thái cực. Thái cực được phân chia ra hai phần ôm lấy nhau: Phần màu đen là Âm (Yin , Yoni, Tiên . .), trong Âm có một điểm màu trắng, để diễn tả trong Âm vẫn có mầm Dương. Còn phần màu trắng là Dương (Yang, Linga, Rồng. .), trong đó có vết đen, diễn tả trong Dương vẫn có mầm Âm. Cặp đối cực Âm Dương xoắn xít với nhau không thể tách rời. Âm Dương là hai đối cực phổ quát trong vũ trụ: Âm có thể là Trời,(Thời gian) Dương là Đất, (Không gian) Âm là Mẹ, Dương là Cha, Âm là electron, Dương là positon, Âm là Đạo, Dương là Đời. . .

“Cặp đối cực Âm Dương xoắn xít với nhau không thể tách rời. Lại nữa, Âm Dương tương thời “ nghĩa là cặp đối cực níu kéo và xô đẩy nhau để lập thể quân bình động mà tạo thành vạn vật.

“ Theo tương đối thuyết của Einstein thì “ Vạn vật trong Vũ trụ đều thành nên bởi Mô nền tảng mà thôi, và mô đó (tissu fondamental) không phải là vật chất hay vi thể (particules) mà chính là Thời – Không – liên (Time- Space- continuum). Thời gian hết còn đứng ngoài sự vật nhưng trở thành chiều Kích thứ tư (Không gian có 3 chiều) hay đúng hơn là thông số (paramètre , Thời gian là thông số thứ tư) thứ tư của sự vật. Sự vật chỉ là những hình thái (dị biệt) cong, méo , tròn, dẹp. . . và những biến động theo những định hướng của Thời – Không- liên. Tất cả vũ trụ đều thế kể cả con Người và thầy đều gắn bó với nhau bằng nhiều loại Trường như Tổng Hấp dẫn, Từ điện, và hạt Nhân (champ gravitationel, électromagnétique et nucléaire). Do đó bất cứ một động tác nào cũng phân trương ra khắp thiên cầu tuy càng xa càng nhỏ nhưng vẫn còn, y như lúc ném hòn sỏi xuống ao làm cho gợn lên những vòng sóng trước nhỏ sau to, càng to càng tan dần và lan tỏa ra cùng ao. Thời – Không - liên chính là Đại dương, còn vạn vật là những làn sóng nhấp nhô, tuy dị biệt nhưng nền sóng là Một. . . . Như vậy sự vật có là có bằng Thời - Không – liên và chữ Liên đây là nối kết cả Thời gian lẫn Không gian, cả Dĩ vãng, Hiện tại, Tương lai đúc thành Một: Ví dụ : Ngôi sao đã có rồi nay không còn nữa (vì đã biến mất) và ta đang xem thấy (nhờ ánh sáng từ xa mới đem đếm mắt ta) và lâu sau này sẽ được thấy ở các ngôi sao khác (nếu có người để thấy) . Thành ra Dĩ vãng, Hiện tại, Tương lai đều trở thành Tương đối hết và

không còn một lúc nào được kể là đặc ân, nghĩa là được quyền có cách độc tài hơn lúc trước hay lúc sau. Nhưng mọi Thời điểm và Không điểm đều trở nên một trung tâm có vô cùng mối liên hệ nên cũng biểu lộ vô cùng sắc thái và tất cả mọi Thời điểm liên hệ tới nhau như trong một Thân thể . Động đến Một là động Tất cả . Các ranh giới giữa Vật chất và Tinh thần trở nên tương đối nhập nhằng thăm thấu: Sự vật chỉ là nơi tụ họp mạnh hơn của Thời Không và tùy với hình thái khác nhau, với mật độ Thời Không khác nhau mà có sự vật, và sự vật không còn tính cách cá biệt ly cách nhưng liên hệ với nhau bằng các thứ Trường gần giống quan niệm Kinh Dịch làm bằng các ý niệm “ tương Sinh, tương Tức, tương Thấu, tương Nhập, tương Duyên.

Các trường của Tương đối thuyết với các Tương của Kinh Dịch giống nhau rất nhiều ở Hình nhi Hạ. Đó là vài ý niệm sơ lược về Tương đối thuyết, chính nó đã đánh đổ các quan niệm Tuyệt đối cũ về Thời gian không gian, về bản thể vật chất. . . , nên nó gây ra sự sụp đổ trong khắp địa hạt và cách riêng là nền Triết học đã xây dựng trên quan niệm Thời Không tuyệt đối và ý niệm sự vật im lìm. “

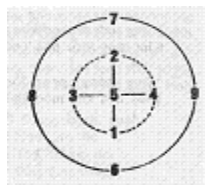
(Chữ Thời Phần I: Cơ cấu. I. Những âm vang của Tương đối thuyết. Kim Định)

Triết gia Kim Định đã dùng cơ cấu Ngũ hành để diễn tả Thời – Không nhất - phiến qua quá trình cá biệt hóa mà tạo thành vạn vật. *(Chữ Thời: Lược trích Phần III. Thăm thấu. XI.- Hữu nhược vô . Kim Định, các tiết mục đều do người viết đem vào)*

“ . . . Vũ trụ quan Viễn Đông thuộc Nhất nguyên lưỡng cực, (bipolaire) nên Đạo học không nhằm đạt tới một đối-vật tự-tại bên ngoài con Người, nhưng chính nó là một hành vi có tính cách Tâm linh (Spiritual) thể nhập nơi người hành đạo: “ Thánh nhân thể đạo “. Ông Paul Mus đã gọi triết lý Việt Nam là nền siêu hình thấu nhập vào cơ cấu xã thôn (la métaphysique engagée). Nói câu đó thật là lột được tinh thần, vì Việt Nho có một nền siêu hình ăn nhập vào hoạt động, vào hết mọi hành vi: Siêu hình của Hành, của Ăn, của Chơi, của Nói, của Cười. . .

Quả thật đó là Hoà -Thời tức là siêu hình đã nhập vào Triết nhân, đã thể hiện vào Người không còn đứng ngoài Người như một Vật thể: ” La métaphysique cesse d’être un objet en soi pour s’incorporer à son possesseur “. Đây là hậu quả Nhất – nguyên, không phải là thứ Nhất- nguyên độc- khối, nhưng là Nhất-nguyên lưỡng- cực (bipolaire), mà sách Trung Dung bảo phải” Chấp kỳ lưỡng đoan, dụng kỳ Trung ư dân “. Nhận cả hai đầu mối (Dụng) nhưng quan trọng là chữ “ Kỳ Trung “ gặp nhiều lần trong kinh Dịch cũng như Ngũ kinh. Hễ hiểu được chữ “ Kỳ Trung “ (Thể) hết lo lắng để “ CÓ “ một siêu hình như Tây Âu. Để nhìn ra chỗ dị biệt ấy, chúng ta đối chiếu Thể Dụng với thuyết

sự vật của Kant, và tạm ví Dụng với Hiện tượng (phénomène), còn Thể như Vật - tự - Nội (noumène).”



2.-Tại Thiên thành tượng, tại Địa thành Hình

“Để cho thêm phần xác thiết chúng ta lại dùng tới lược đồ và số độ của Hồng phạm dạng điển đạt. Theo đó thì Dụng (phénomène) được biểu thị bằng số Thành, còn Thể (Noumène) bằng số Sinh:1, 2, 3, 4. Nếu cưỡng phải vẽ lại quá trình diễn biến thì trước hết có vòng của số Sinh rồi đến vòng ngoài của số Thành bao lấy vòng Trong như hình dưới đây.

Số Sinh: 1, 2, 3, 4 là Tượng, số Thành : 6, 7, 8, 9 gọi là Hình. Đồ hình Ngũ hành:Vòng trong (từ 1 - 5); Vòng ngoài (từ 6 - 9). Tuy nhiên đó chưa phải là đồ biểu chót. Trong đồ biểu chót thì không còn vòng Trong vòng Ngoài nữa: nhưng số của hai vòng giao tham ăn ngòam vào nhau như hình sau:

$$\begin{array}{c} 4 - 9 - 2 \\ | \\ 3 - 5 - 7 \\ | \\ 8 - 1 - 6 \end{array}$$

Theo biểu đồ này chúng ta có thể nhận ra những điểm sau:

a.- Số Đất, số Trời

Số Đất: 2, 4, 6, 8 (Không Gian : Người Viết thêm vào) xen kẽ với số Trời: 1, 3, 7, 9. (Thời gian)

b.- Số Sinh, số Thành

Số Sinh: 1, 2, 3, 4 (Nội) xen kẽ với số Thành 6, 7, 8, 9. (Ngoại)

c.- Số Lễ, số Chấn

Tuy xen kẽ nhưng có một tiết điệu thứ lớp: Những số Lễ chỉ được trấn giữ 4 Hướng chính: Đông, Tây, Nam, Bắc. (5 - 3 ; 5 - 9 ; 5 - 7 ; 5 - 1). Còn số Chấn trấn đóng 4 Phương.

d.-Hướng: Định Tính (Spécifier)

Chữ Hướng theo ý nghĩa chuyên môn: Là đặc tính của sự phân trưng nguyên thủy (caractère de spartialité originelle) nên chưa hiện ra hình tích cụ thể, và vì thế để nó ở 4 Hướng của Trời mà tiếng Đức gọi là góc Trời (himmelsgend).

$$\begin{array}{c} 3 - 5 - 7 \\ | \\ 1 \end{array}$$

Nó có tính cách rất quan trọng cho đời sống trí tuệ con Người và khi con Người muốn có ý niệm về một vật gì đầu gọi là siêu việt linh thiêng tới đâu thì cũng phải nhờ đến sự phân trưng nguyên thủy với 4 Hướng đó mới có đủ khả năng suy tư . Vì thế gọi là những Chỉ định Đặc ân (indication privilégiée, hoặc action apriorique sz. 151-132). Đó là những chiều hướng Tiên thiên có tính cách linh thiêng nên các Đền đài thờ tự cổ xưa đều đặt theo Hướng Trời, thì dụ theo Đông – Tây hoặc là Nam - Bắc. Và đó là đợt Ngũ hành. Với khung Ngũ hành ta mới có sự phân loại trong lý tưởng: espèce, différentiation idéale, pas encore évolutif, mais déjà typé: đã thành ra Giống Loại nhưng mới là lý tưởng, chưa đi vào cõi biến dịch, mặc dầu đã có loại hình khác nhau được chỉ thị bằng những con số : 1 – 5. Đó là đợt Tiên thiên mà Kinh Dịch gọi là “ Tại Thiên thành Tượng “.

e.-Phương: Định Hình (Caractériser)

Còn số Chẵn thuộc Đất trấn đóng 4 Phương : (5 – 4 ; 5 – 2 ; 5 – 8 ; 5 – 6) để làm nền tảng cho quá trình cá - biệt - hóa hay là vật - chất- hóa là những cái theo quan niệm của ta không có ở nơi thần linh, nên nói “ Thần vô phương “, tức là Thần hay Tượng thì dừng lại ở đợt Hướng mà không ở đợt Phương.

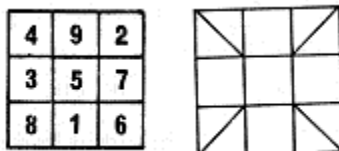
$$\begin{array}{ccc} 4 & & 2 \\ & \swarrow \nearrow & \\ & 5 & \\ & \swarrow \searrow & \\ 8 & & 6 \end{array}$$

Vì Phương phải có thêm 4 Cá và đã bị ngưng trệ thì hết biến hoá, không phải là Thần nữa : “ Trễ vu nhất phương, tắc bất năng biến hoá, phi Thần dã: Bị ngưng trệ ở một Phương, thì không thể biến hoá, thì không phải là Thần “. Đó là những lối quảng diễn dừng nên hiểu kiểu hình học. Chẳng qua là nói lên sự giao thoa cần thiết của vòng Trong vòng Ngoài.

Vòng Trong nên hiểu là Đại Ngã Tâm linh cùng với Vũ trụ một Thể không mốc giới. Còn vòng Ngoài nên hiểu là Tiểu Ngã tận cùng ở các giác quan Lý trí. Lý tưởng là hai vòng hòa hợp giao thoa.

Còn Phương là để định Hình (caractériser) trong Hậu Thiên Với định Tính có những Thứ (espèce) những Loại khác nhau như Tính Người, Tính Vật, Tính Cây, gọi tắt là Vật. Khi

nói “ Cách Vật “ thì phải hiểu là Vật ở đợt này . Đó là Linh Tượng : Sơ nguyên tượng (archetypes), tuy có Thực rồi chưa ở Đâu hẳn (vô hồ xứ giả), nghĩa là chưa cá - biệt - hóa , nên có tính cách linh thiêng gọi là Thần , ví “ Thần vô Phương “ (H.T.IV) . chính nghĩa là Thần không có Góc (Phương) , tức là không có hình chất cụ thể . Khi nhập vào Phương thì ta có định Hình và hiện ra cụ thể đầy đủ cho các giác quan và tiếp xúc được . Trong Hồng Phạm gọi Phương là Cá vì ta gọi đó là Cá- biệt – hoá hay Thời- gian hoá đều có ý chỉ vào bước định Hình này và Hồng Phạm vẽ 4 Cá bằng khung nhà Minh Đường như dưới đây:



I. Hồng phạm Cửu trù II. Nhà Minh đường

(Hình I là Khung Hồng Phạm Cửu Trù, Hình II chia 4 góc ra làm 8 Cá. Nhà Minh Đường được chia ra 12 tháng, mỗi mùa có 3 tháng, quy định mỗi tháng phải làm những gì để Tu trì (Đôn hồ Nhân, cố năng ái) gọi là Nguyệt lệnh . Nên biết Ngũ hành là nền tảng cho thể chế Minh Đường và Nguyệt lệnh, cả hai đều thai nghén ra Hồng Phạm và Hồng Phạm là mô hình bản cốt của Triết lý siêu hình chính trị Việt Nho)

Đây là nấc tiến hoá tối quan trọng và ta thấy học thuyết nào cũng đề cập, nhiều khi dưới hình thức ẩn dụ hoặc Thần thoại. Chẳng hạn như Thần thoại Bồng đảo (đảo của Tiên) ban đầu phiêu diêu trên mặt trùng dương bát ngát, bồng bênh nhô nhấp chưa có đường viền rõ rệt. Sau nhờ có con rùa khổng lồ nổi lên đội Bồng đảo trên lưng làm cho đảo hết phiêu dạt nổi chìm, trở thành cố định. Con rùa 4

chân chỉ đợt định Hình với 4 Phương, còn lúc trước bồng bênh trôi dạt mới là đợt định Tính có Hướng mà chưa có Phương, cho nên nói chưa ở nơi nào “ vô hồ xứ giả “. Nhưng đã có thành Linh Tượng, cũng khi nói bóng là Chốn Thiên thai. Và khi ta hát “ chốn Thiên thai chưa gặp bước Trần ai “, mà muốn hiểu sâu xa thì phải hiểu là những Linh Tượng (cõi Thiên thai) còn “ chưa gặp bước Trần ai “ là chưa mặc những đặc thù cá biệt , là thánh thể chưa có kết tinh, chưa “ khúc thành vạn vật : bắt khúc để trở nên vạn vật “. Đó là đại để “ Lộ trình “ của hai đợt Cá - biệt và Tính - biệt trong quá trình chuyển hoá của Nhất thể. Vai trò nổi nhất trong việc Cá - biệt- hoá là số 4 quen gọi là Tứ Tượng. Chính con số 4 này đem lại sự phân hoá . Nếu là 4 Sinh thì ở đợt Thời – tính Tiên - thiên . Nếu là số Thành 8 thì Gian- Thời Hậu thiên. Phải tiến thêm đợt nữa mới trở thành Hình cụ thể , nên nói “ Tại Địa thành Hình “. Vậy Tượng thuộc đợt Tiên thiên hay Thể, còn Hình thuộc Hậu Thiên hay Dụng.

3.- Quá trình cá biệt hóa

Hai diễn trình đó đi ngược chiều nhau: Tiên thiên theo chiều Trái (Vãn), Hậu Thiên theo chiều Phải (Vạn).

☶ Chữ Vãn: Tả nhậm (Quay ngược chiều kim Đồng hồ). Các số trong Hồng Phạm được xếp theo chữ Vãn.

4	—	9	2	
3	—	5	—	7
8	1	—	6	

☱ Chữ Vạn: Hữu nhậm (Quay cùng chiều Kim đồng hồ). Các số trong Hồng Phạm được xếp theo chữ Vạn

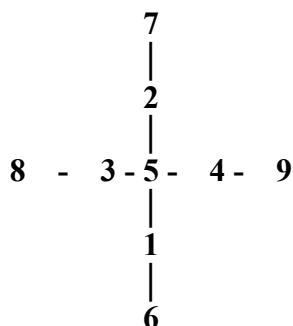
4	9	—	2	
3	—	5	—	7
8	—	1	6	

vì thế trên bản đồ tiến thêm bước nữa bằng bề quặt đường các số thành ra góc và Hệ từ gọi là khúc : “ khúc thành vạn vật : bề gãy ra bé nhỏ để làm nên vạn vật. Chữ Khúc gọi lại khung Hồng Phạm. Nếu đặt ra số thì ta có hình :

7	—	2	—	9
3	—	5	—	4

8 - 1 - 6

Là hình gãy khúc xuất phát từ hình chưa gãy khúc vừa kép lên bởi Ngũ hành như sau:



(1, 2, 3, 4, 5 : Số sinh) (5+1=6; 5+2=7; 5+3=8; 5+4=9 : Số Thành)

Hình gãy khúc chưa là chót hết, chúng ta cần phải ghi nhận rằng nó chỉ mới diễn tả được được Phương hay là góc. Đến Hậu thiên ta mới có Phương. Phương và Hướng đều có nhiệm vụ phân hoá, nhưng Hướng là để “ Định Tính “ (spécifier) ở trong Tiên thiên, còn Phương là để Định Hình (caractériser) trong Hậu thiên.

Với Định Tính ta có những Thứ (espèce) những Loại khác nhau như tính Người, tính Vật, tính Cây, gọi tắt là Vật. Khi nói “ Cách vật “ thì phải hiểu vật là ở đợt này. Đó là Linh Tượng: Sơ nguyên tượng (archétype), tuy có thực rồi nhưng chưa ở đâu hẳn (vô hồ xứ giả) nghĩa là chưa cá biệt hóa, nên có tính cách linh thiêng gọi là Thần , vì “ Thần vô phương “ . H.T.IV chính nghĩa là Thần không có góc: tức là không có hình chất cụ thể .

4.-Hoà - Thời bằng Tượng, Số

Linh Tượng (Đạo); Hạ Tượng (Khí vật). Nhân tiện đây cũng nên ghi câu nói trong Hệ từ: “ Hình nhi Thượng giả vị chi Đạo, Hình nhi Hạ giả vị chi Khí “. Chữ Thượng Hạ đây không nên hiểu là Trên hay Dưới suông, nhưng phải nhớ hiểu thêm là Chưa và Đã . Là vì câu nói đó ở trong

Kinh Dịch, nên phải bao hàm cả Không cả Thời để theo sát lối biến dịch của Thời gian còn đang chuyển hoá, nếu nói Trên Dưới mà thôi tức là chỉ hiểu theo có Không gian đã ứ đọng thì không đúng với đồng văn Kinh Dịch. Vậy phải hiểu Chưa Có Hình (mới là vòng

Trong) thì là Đạo Thể, hay vắn tắt là Thể . Khi Đã Mặc Hình (vòng ngoài) thì là Khí Vật thể hay Dụng.

Lại nữa nói Chưa với Đã ở đây chẳng qua là theo thứ tự luận lý trong tâm thức mà nói, chứ nói theo thứ tự Hữu Thể thì chẳng có Trước Sau chi cả, nhưng là cái gì Đồng thời uyển chuyển. Nếu ta lấy Tứ Tượng làm cứ, thì từ Tứ tượng quay lên Lưỡng nghi cùng Thái cực ta sẽ gọi là Linh Tượng. Còn nếu từ Tứ Tượng quay xuống Bát quái thì ta gọi là Hình Tượng hoặc Hạ Tượng. Linh Tượng thì gọi là Đạo, tượng trưng bằng Tứ linh: Long, Li, Quy, Phượng, hoặc 4 chòm sao: Chu Tước, Thanh Long, Huyền Vũ, Bạch Hổ. Hình Tượng thì gọi là Hạ tượng hay Khí vật, tức hiện tượng đã có Hình, như được biểu thị trong 8 quẻ: Trời, Đầm, Lửa, Sấm, Gió, Vật, Núi, Đất.

5.-Đạo bất viễn Nhân

Đạo Đồi cùng một gốc, không xa con Người. Trên đây là tóm lược lối biểu thị quan niệm Hòa - Thời bằng Tượng và Số. Đó không là một trò chơi lý trí, nhưng là một cách minh họa cái Đạo lý “ Hợp Nội Ngoại “, hoặc là “ Thể Dụng nhất Nguyên, Hiển Vi vô gián: Thể, Dụng cùng một Gốc, cũng như Hiển hiện với Tể vi không gián cách nhau “. Vì không có Gián cách nên không thể có Siêu hình như là một cái gì Xa xôi, trái lại không được lìa xa sự vật mà cầu Đạo.

Như câu nói của Hồ Nhữ Phong: ‘ Cố ly vật cầu Đạo giả, vọng nhi dĩ hĩ: lià xa sự Vật mà cầu Đạo là chuyện hảo huyền ‘ (Đại cương 145), và sẽ khó lòng nói lại được: “ Phân biệt chuyển hoá chân thật bất năng hợp nhất “ .

Đã không nói lại được thì khi muốn hành Đạo chỉ còn Duy Linh “ Xuất Thế “, bởi coi Thế giới này không có Đạo, cho nên trở thành huyền hoá lơ bần. Còn người ở lại chỉ là Duy vật Nhập thế ngập đầu ngập cổ trong cái đồng vật chất rỗng. Cả hai thái độ cùng dựa trên sự phân chia tuyệt đối theo Siêu hình cũ. Chỉ khi nào người ta nhận ra được sự thực trong câu : “ Nhân nhân Vật vật các hữu Thái cực: Người nào, vật nào cũng đều có Thái cực “ , nghĩa là Đạo không xa Vật, không xa Người, thì lúc đó mới đi vào con đường Xử thế: tu Đạo ngay trong Bản thân, ngay trong Gia đình, ngay trong Nước, vì Trần gian đã là Đạo rồi, khỏi cần tìm ở Trên hay ở Dưới xa xôi.

Và từ đó Tu Đạo cũng là Tu Đồi, tu Đồi cũng là Tu Đạo và chính vì thế mà quan niệm Hoà - Thời đã ghi được nhiều thành tích cải thiện đời sống nhân dân vượt xa nhiều nền siêu hình kia là nhờ coi “ Vũ trụ tiện thị ngô Tâm “ cũng như “ Ngô Tâm tiện thị Vũ trụ “, chứ không còn chi biệt cách xa lạ “ Thời – Không không còn là cái chi bên ngoài, nhưng là hai sợi Canh và Chỉ dệt nên con Người mà không thể chia lìa dù chỉ một giây “ *bất khả tu du li dã* “ .

Đây là cung cách giải thích Thời – Không nhất - phiên của Einstein theo cơ cấu Ngũ hành. Theo Einstein Thời gian và không gian là hai mô căn bản được xem như hai mạng lưới đan kết với nhau mà thành vạn vật Cũng vậy, các số Lẽ (Thời) và Chấn (Không) cũng bẻ quặt theo hai chiều Tả và Hữu nhậm hay Vãn và Vạn được xem như Canh và Chỉ dẹt vào nhau mà Cá - biệt – hoá thành Vạn vật. Đây là chỗ gặp gỡ của Khoa vật lý vi tử của thế kỷ 19 – 20 với biểu đồ Tượng Số trong quá trình cá-biệt- hoá của Hồng phạm. Hồng Phạm được bắt nguồn từ nền văn hoá Hoà bình cách nay ít nhất từ 12 ngàn đến 30 ngàn năm .(Chú thích của người viết.)

“ Từ đó con Người được tẩm nhuận trong Linh Thiêng: vì Linh Thiêng không còn là cái gì trên cao tấp tít mà cũng chỉ là chiều kích của Người, của Vật của Thời gian, tất cả gắn bó với nhau như Xương với Thịt, như Hình thể với Tinh thần.

Con Người được quan niệm như cơ cấu Thời gian: có toả ra trong Vật chất, đồng thời có vươn lên siêu việt, nên siêu việt đã được mang sẵn trong người mình, chỉ cần tìm cách phát hiện ra mà thôi. Và việc đó gọi là “ Minh minh Đức “ : Làm sáng tỏ cái Đức sáng nơi con Người, nhưng hiện chưa ý thức được là tại bị che lấp đi, cần phải lột màn (dévoiler) tháo gỡ những cái che phủ

xuống thì “ Tam gia tương kiến “, Tam Tài (Thiên, Địa, Nhân) sẽ hội thông trong một tiết nhịp linh diệu. Đó là ý nghĩa Tâm linh của Đông phương, tuy rất cổ kính nhưng luôn luôn mới và có thể nói là nó đi đón trước cả triết lý hiện đại cũng như khoa học vi thể vậy. Và như thế chúng ta nhận ra công việc của chúng ta không còn nong nả để cho Việt Nam “ Có “ một nền Siêu Hình, nhưng chính là gắng công nhận thức lại nền Đạo học Tâm linh cổ truyền, làm sao cho những biểu tượng xa xưa được phục sinh, để không phải là ôm một số biểu tượng và chữ nghĩa mà khoe mẽ một cách vô vị vô duyên, nhưng là Linh - Động – Hoá được chúng để phục vụ nhân sinh trong giai đoạn mới đang đi lên này vậy.

6.-Đặc tính của Cá biệt hoá

Chúng ta vừa phác họa có lược đồ với một hai nét lớn của Diễn trình Thời - gian hoá . Bây giờ chúng ta cần đi sâu vào nữa bằng phân biệt rõ hơn giữa Thời - tính và Thời -gian.

Trước hết Cá - Biệt – thể phải có một Thời- gian nhất - định , nghĩa là ra khỏi Đại Thời, Đại Không (Grand – Temps, Grand – Espace) ra khỏi miền Vĩnh cửu Tiên thiên để khởi đầu trong dòng trôi dạt Thời gian chia cắt ra từng khúc, vì thế nó mất tính chất Miền trường mà chỉ còn lại sự tiếp nối nhỏ giọt từng lúc của Thời gian bé nhỏ.

Thứ đến là Cá thể chiếm một Không – gian nhất - định, bởi Thời gian gắn liền với Không gian, hễ đã có một Thời điểm thì phải có một Không điểm. Hễ đã có Bao giờ thì

phải có Ở Đâu. Hễ đã hiện diện trong một Khoảng khắc thì phải ở trong một Vị trí nhất định, nên Siêu hình nói: Hễ cái gì CÓ là CÓ trong Hạn định.

Chính bởi thế mà triết lý trung thực không muốn nói có Thượng Đế là muốn để lại trong Vô biên, Không gian và Thời gian không còn phổ biến tính nữa và trở thành đặc thù, cá biệt, riêng rẽ: đã có Hình tính là là cụ - thể khả giác, hoặc Trừu tượng bất khả giác, tuy thế cũng đã thành hình dù là trong lý tưởng đi nữa cũng bị cột vào một Hình thái, hết còn ở khắp nơi và đồng thời, hết còn thông đạt, nhưng trở thành những đơn tử bị đóng khung kín mít trong tháp ngà .

Sự vật trở thành độc khối không có tương giao (monolithe sans aucun relation). Từ đó nó phải phục tùng các tính chất của cõi Hiện tượng là: Đồng nhất, Mâu thuẫn, Diệt tam, và Căn Do (4 Nguyên lý của Triết Âu Tây) như khi bàn về quan niệm Tĩnh chỉ của sự vật và như thế hễ đã chấp nhận Gian Thời là chấp nhận sự lệ thuộc vào những điều kiện eo hẹp do hoàn cảnh của Không gian bắt buộc. Chấp nhận Gian -Thời là chấp biến đổi, tan rã trái ngược với tính chất miên trường của Thời – tính Siêu - thời. Đứng ở bình diện luân lý mà nói thì hễ đã chấp nhận sự phân biệt Thị Phi, Bĩ Thử , Nhĩ Ngã, Có Không . . . Tóm lại, là tất cả những cặp đối kháng hạn chế lẫn nhau.

Đó là đại để tính chất Cá - biệt hoá nó đi ngược lại hẳn với chiều hướng của Tiên thiên Thời – tính, và làm nên một cuộc Nghịch hành, một sự căng thẳng giữa hai loại giá trị, hai thứ quẻ hương. Nó đặt con Người vào vị thế mà nhiều người cho là bi đát ở chỗ con Người vốn là bản chất vô biên, mà lại bị dồn ép trong một Không - Thời vừa nhỏ hẹp vừa trái ngược: một Đứng một Nằm, như đôi đũa lệch, không sao so cho vừa, y như Nước với Lửa, Sáng với Tối đối chọi nhau gây nên không biết cơ man nào vấn đề với những giải pháp liên tục đưa ra và hầu hết bị thất bại. Vì thế khi lên số những thành quả của cuộc Thời – gian – hoá, con Người chỉ thấy là toàn thiệt thòi, nên nhiều nền triết lý cho Thời gian là một sự sa đoạ, một sự tù đày bi đát.

7.-Thái cực nhi vô cực

Thái cực phân chia ra Âm Dương,Vô Hữu. Hữu là Thế giới hiện tượng, Vô là Thế giới vô hình, thế giới Tâm linh. Nhưng VÔ CỰC đây lại là sự tổng hợp cả Hữu lẫn Vô , cái VÔ ‘ Chân không diệu hữu “ mà Trang Tử cho là “ Hữu sinh ư VÔ “ .

“ VÔ CỰC chỉ Tiềm thể u linh chưa hề xuất hiện, và Trí ta không thể suy đến. Một khi ta suy đến thì liền ra Thái cực, có đặt tên là Tiềm thể, hay VÔ CỰC, VÔ THỂ thì cũng chỉ là việc cưỡng làm.

Thái cực tức là Vô Cực đã xuất lộ, nhưng mới ở trên đọt căn cơ, nên lý trí phàm trần chưa thể hình dung ra được. Nó gắn liền với VÔ Cực như câu sách Thái Cực đồ thuyết :” Thái cực nhi VÔ Cực “, Thái Cực mà lại VÔ Cực .”

(*Chữ Thời: Phần II. Căn cơ Thời gian trong Tam Tài. Ý nghĩa chữ Tài . Kim Định*)

Đây cũng là lãnh vực của triết lý An vi của triết gia Kim Định.(I). Tất cả là để diễn tả câu Tại Địa thành Hình, tức là thế giới Hiện tượng (manifested world) mà câu Tại Thiên thành Tượng, tức là thế giới Tâm linh (unmanifested World).

III.- Nhân sinh quan của Việt Nho

1.-Con Người Nhân chủ của Việt Nho

Theo hình Thái cực viên đồ ở trên, Phần sáng là Trời, phần đen là Đất. Trời Đất giao thoa tạo ra con Người và vạn vật. Con Người luôn ở thế quân bình động, không bị Trời kéo lên hay Đất dật xuống, con Người phải mạnh lắm mới duy trì được vị thế quân bình, nên có khả năng tự Chủ, muốn luôn giữ thế tự Chủ tất phải tự Lực và tự Cường. Lại nữa vì con Người luôn luôn ở vị thế quân bình động, nên luôn được Tiến bộ và Trường tồn, như thế là thuận Thiên. “Thuận Thiên giả tồn, nghịch Thiên giả vong : Thuận với luật thiên nhiên thì tồn tại, ngược với luật thiên nhiên là bị tiêu diệt “. Giữ được luôn tiến bộ và trường tồn theo Thiên lý thì sẽ được Thái hoà. Nhờ vậy mà con Người không Duy tâm mà chẳng Duy Vật, cũng không Duy Nhân, mà là con Người Nhân chủ. Nhờ ở vị thế quân bình, không bị kéo lên níu xuống, mà người người có vị trí cao cả ngang bằng cùng Trời Đất; Trời Đất là vua sáng tạo muôn loài, con Người cũng là “ Tạo hoá con “ tham gia vào công trình sinh sinh hoá của vũ trụ. Do vậy mà Trời là Thiên hoàng, Đất là Địa hoàng, thì con Người cũng là Nhân hoàng ở trong phạm vi của mình. Đây là bộ ba đặc trưng của Việt Nho, không những vì sự cân đối nội tại giữa Âm và Dương (Đất Trời) nhưng nhất là vị trí con Người (cao cả, to lớn) ở ngay cấp tối thượng này. Những con Người còn ở trong trạng thái Bái vật và Ý hệ sẽ cho đó là câu nói chướng tai, vì con Người là con vật bé nhỏ mà sao dám sánh cùng Trời Đất! Nghĩ thế là chưa đạt đến Tâm linh, nên chưa thấy hội thông giữa Trời - Người - Đất ngay tại thâm cung lòng mình. Vì chón hội thông đó quá sâu thẳm nên cả hai tâm trạng kia chưa đủ khả năng đạt được: Bái vật căn cứ trên tin tưởng thuộc Ham muốn và Tình cảm, còn Ý hệ căn cứ trên Lý trí, tất cả còn ở vòng Ngoài. Vì vậy cho nên khi nào vào tới vòng Trong Tâm linh mới nhận ra chón hội thông Thiên – Nhân - Địa, khi đó con Người sẽ sống trọn vẹn cả Ý – Tình – Chí.

2.- Nhân chủ tính

Đây là chân lý tối hậu mà chỉ có Việt Nho đạt tới, các triết học khác thi chưa vì đã đặt nền tảng trên Thiên hay Địa: Thiên bản (Duy Tâm) hay Địa bản (Duy vật). Nói khác đi là tiêu chuẩn tối hậu đặt ở Trời hay ở Đất mà chưa đặt trên bản tính con Người: Trời là Thiên hoàng Đất là Địa hoàng thì con Người cũng là Nhân hoàng . Có đặt con Người lên địa vị tự

chủ ngang với Trời Đất sẽ tránh được xã hội Người xây trên liên hệ Chủ - Nô. Khởi đoan con Người ở đâu thì tận cùng ở đó. Nhân chủ tính là chân lý nền tảng chỉ huy các chân lý khác làm nên tinh tuý của Việt Nho. Khi đánh mất Nhân chủ tính, khi mất tính chất tự lực tự Cường, con Người trở nên bé nhỏ, bất lực, trước sau gì rồi cũng sẽ sa vào tròng nô lệ. Lịch sử nhân loại đã chứng minh điều đó.

3.- Đại Đạo của Việt Nho

(Trích trong Nguồn Đạo gốc Nước: II. Nho Đạo được đề nghị như Chủ Đạo. Kim Định)

“ Căn cứ trên một số điển tích, mấy trang huyền sử và mấy bộ số kỳ lạ như 2 – 1 hay 2 – 3 , 5 hàm ngụ một số huấn điều mà ta có thể tóm kết vào ba định đề là: Thái hoà, Nhân chủ, Tâm linh. Chính ba nguyên lý này đã làm nên Đại Đạo vượt hẳn ra ngoài tầm giác quan, ngoài tầm lý trí, nên thông thường không thấy. Ví dụ như Nữ Oa đội đá vá trời thì lý trí quan niệm sao nổi!

a.- Thái hoà (Số 2)

Thái hòa là Hoà giữa hai đối cực của bất cứ hiện tượng nào, như Động Tĩnh, Cứng Mềm, Cao Thấp, Đất Trời, Nước Lửa . . . Đó là những đối chọi cùng cực mà theo lý trí thông thường thì không sao có thể hoà hợp được. Vậy đây bảo là Thái Hoà, nghĩa là phải làm cho kỳ được cách sâu xa vì đây là điều tiên quyết cho có sự, có việc, nghĩa là Tính thể của sự vật như thế, nên bước đầu này mà hỏng thì sẽ hỏng toàn bộ. Vì thế có làm xong bước đầu này thì mọi vấn đề khác mới trôi chảy (Nhất lý thông, vạn lý minh). Vậy Tiên Nho đã làm được như thế và còn để ẩn tích lại như Tiên Rồng, Sông Núi, Tròn Vuông. . . Tại sao làm được ? Thì phải hiểu là trong con Người không chỉ có Lý trí (Nếu thế thì không làm nổi, không cộng Tròn với Vuông cho được , nhưng còn một tầng Tâm thức vượt bên trên.) Lý trí thì có giới hạn như tai mắt là những cơ năng cung cấp hình ảnh cho lý trí làm ra ý tưởng, nhưng ý tưởng thì có tính cách cố định: đã Vuông thì vuông mãi mãi không sao hợp được với Tròn, còn đây là Tâm, là Tuệ bao la như vũ trụ nên làm được những điều lý trí bất khả đàng. Như vậy là với những vấn đề lý trí không giải quyết nổi thì phải lặn sâu xuống Tiềm thức, cửa ngõ mở vào Toàn thể, mới tìm ra giải đáp. Việc đầu tiên của con Người Đại ngã là làm trung gian giữa Trời cùng Đất để làm nên một thể “ Thiên Địa vạn vật nhất thể “ . Nhất thể được biểu thị bằng cái Trống (Đồng), một nhạc khí vũ trụ. Gọi thể vì sự công tác của cả Thiên Địa Nhân đều được biểu thị trên mặt Trống:

Thiên là Trung tâm Trống rỗng ở giữa được đại diện bằng Nhật Nguyệt.

Người được chỉ thị bằng cả hai mặt: cả mặt Đại ngã Tâm linh là vòng những tam giác gốc đại biểu cho “ đức Trời đức Đất giao thoa “. Hai là vòng Tiểu ngã gồm những con Người đang ca vũ tưng bừng giáp với “ Địa chi đức “ đại biểu biểu bằng hai vòng muông chim là hươu sao và các chim nước.

b.- Nhân Chủ (Số 3)

Cũng là một định đề phổ biến cho phép con Người cảm nhận được quyền năng Vô biên nơi mình. Nhờ đó những con Người bé nhỏ ta đang thấy quanh mình lại có gốc rễ từ Trời, tức là cái Toàn thể, nên khi thấu tới Nội tâm thì sẽ thấy mình được tham dự vào quyền năng của Trời, nhờ đấy mà được độc lập, không làm nô lệ cho vật nào khác, tự mình làm chủ lấy mình. Chính nhờ nguyên lý này mà con Người Việt Nho trong suốt gần 4000 năm đã không bị Vong thân và tránh được tai họa làm Nô lệ cho tiền tài hay định mệnh. Như Trên, Trống đây không là trống rỗng son đẹt, mà là cái “ Không Chân thực “ làm nguồn cho mọi cái: Thân, Thiện, Mỹ. Đó là “ Chân không Diệu hữu “, mà diệu hữu (Ơn ích) đầu tiên nền tảng cho mọi xiềng xích cột chặt mình tại nhà tù của những cái bé nhỏ hạn hẹp, để thấy được chiều kích của Đại ngã Tâm linh nơi mình. Con người chỉ thể nghiệm được chiều kích vũ trụ này khi nó thấu nhận được vào mình cái Trống, cái Không Chân thực để làm cho mình ra Diệu hữu, là làm chủ vận hệ Mình ngang cùng Trời với Đất.

“ Ta cùng Trời Đất ba ngôi sánh

Trời Đất Ta in một chữ đồng. “

Trần Cao Vân

c.- Tâm linh (2+3 = 5)

Là vật có Trung tâm nơi mình, nên không lệ thuộc vào bất cứ vật nào bên ngoài. Tính cách của Linh là Thống nhất, là Đoàn tụ. Khi nói tổ chức nọ có tinh thần, mà muốn xem câu nói trung thực được tới đâu thì phải căn cứ trên khả năng Thống nhất: Hễ Thống nhất nhiều là Linh nhiều, ngược lại không có Thống nhất thì không có Linh chi hết. Ngày nay nhân loại đang cần Thống nhất hơn bao giờ hết nên Tâm linh là nguyên lý cần được vun tưới. Hễ tiến vào Tâm linh sâu được bao nhiêu thì con Người sẽ thống nhất bấy nhiêu.

Vậy ba nguyên lý Nhân chủ Thái Hoà và Tâm linh là Đại Đạo giúp con Người phát triển được toàn vẹn cả ba phương diện Ý, Tình, Chí.

Trước hết là nguyên lý Tâm linh hàm ngụ trong chữ Đạo hiện thân vào cái Trống. Chữ Đạo kép bởi bộ Xước là đi, và bộ Thủ là Đầu Cội Rễ muôn loài . Trong Trống ta cũng thấy các đoàn vũ đang “ ĐI về (Đi theo chiều Tả nhậm) với Đầu “ là Trung cung Trống Rỗng. Bí quyết Thống nhất (con đẻ của Tâm linh) nằm trong lối tiến Tả nhậm này. Lão Tử nói về Đạo rằng : “ Vi Đạo nhật tồn “ , hiện thực Đạo thì mỗi ngày một bớt đi, nhờ xả bỏ mỗi vòng một bé lại, cho đến vòng trong cùng chỉ còn là sự Trống Rỗng, nên làm nơi các tai xe có thể cắm vào. Điều đó biểu thị chân lý này là càng xả bỏ thì càng trở nên Trống Rỗng, càng trở nên Linh, Thống nhất. Đây là lý do tại sao mỗi khi Tổ tiên ta hội họp đều đánh “ 3 hồi 9 tiếng Trống “ để nhắc mọi người hãy làm Trống rỗng lòng bằng bỏ Tư Ý, Tư Dục, mà chỉ

nhắm vào công ích với lòng Thái Công Vô Tư, thì sẽ đạt Thống nhất. Cho nên Thống nhất là hậu quả của Linh thiêng. Linh thiêng là con của Trống Rỗng, tức là những tâm hồn xa lìa vật chất thì dễ hoà hợp với nhau.

Xem đó thì cả ba nguyên lý đều sai mẫn đến cao độ, nghĩa là đẩy ứ hoạt lực. Cho nên học những nguyên lý ấy cũng phải học theo lối đầy Linh lực, nghĩa là với cả : Ý, Tình, Chí, với cả ngũ quan hợp lực, với tay múa may, chân nhảy nhót, miệng ca hát vang lừng, toàn thân hướng theo hướng Tả nhậm như được biểu lộ trong Trống (Đông).Có học được như thế mới là đem ba nguyên lý Thái hoà thay thế cho ba nguyên lý Đồng nhất (của Tây Âu). Hơn thế phải đi thêm bước xác định cuối cùng là Đốc hành, thì mới thật là biết thấu triệt, biết theo lối triết Đạt Thân, được sách Trung Dung triển diễn trong 5 tác động là:

- 1.- Bác học
- 2.- Quảng vấn
- 3.- Thận tư
- 4.- Minh biện
- 5.- Đốc hành.

Không có Đốc hành thì không có bước nhảy ra khỏi lý trí, mà cứ lồm bồm trong lý luận nói năng thì chỉ là la hét trong vòng lý trí. Đây là chỗ những người Duy Lý không nhìn ra.

Có đốc hành mới đi sâu vào được vòng Trong như đã hé mở do những nguyên lý nói trên: Như Thái hòa thì phải Hòa với Âm hay cái Vô là cái đã vượt ra ngoài Lý trí mà vào vòng Toàn thể con Người. Đến Nhân chủ cũng thế, nếu không đi vào Tuệ thì không sao cảm nghiệm được chiều kích Vũ trụ trong mình. Rồi không đi được vào con đường “ Chí Trung thì không đạt Chí Hoà “ là linh hồn của Linh Thiêng. Đó là những chiều kích mệnh mông “ Bất khả tư nghì “, mà chỉ có thể cảm nghiệm. Đây là lý do Nho giáo không dạy logic mà dạy thì Ca, Vũ, Nhạc cũng như lập ra các Hội hè Đình đám, để cho suối Tình dâng cao, đến độ làm cho con Người hợp được vào vùng Đại ngã và thể nghiệm được rằng “ Ngô Tâm tiện thị Vũ trụ, Vũ trụ tức thị Ngô Tâm “. Lúc ấy tha nhân tự nhiên xuất hiện như Một với Mình: Tha nhân khổ đau thì mình cũng cảm thấy có bồn phận: “ Vũ trụ nội mạc phi phận sự “. Ngoài ra còn một phương thức làm tăng tinh thần Đại ngã mà cụ thể là tinh thần công thể, đó là Lễ Hội.

4.- Lễ Hội

Lễ Hội là phương thức nhiệm màu để gia tăng bầu khí Tâm linh làm cho thống nhất Tâm, Trí, nên từ xa xưa khắp nơi đã biết dùng để làm tăng trưởng óc Liên đới, tinh thần “ Bốn bề một nhà “.

Khi Hội lại như vậy thì không những có sự để chung lại những mối cảm xúc đã được khuếch đại, nhưng còn có thêm chiếu kích linh thiêng màu nhiệm mà sự cộng lại song không thể cho được. \Người ta cho rằng nhờ Lễ Hội như “cái Nắp An toàn “ giúp con Người xả bớt đi những ẩn ức trong Tâm, Trí, nên được như vậy. Điều đó cũng có nhưng chỉ phần nào và nhất là mới tiêu cực không đủ gây nên công hiệu như u linh kia. Cả đến các Tôn giáo đầu đã rút tĩa từ thể chế này nhiều khả năng

làm cho cộng đồng Tôn giáo được đứng vững lâu bền, nhưng chưa bao trùm hết mọi chiều kích của Lễ Hội như có thể cảm thấy phần nào trong các cuộc Hội ở Đình làng nước ta, những cuộc Lễ này đã để lại nơi người dự Hội những cảm xúc thực thâm sâu thẳm thía. Nên nhiều khi phải lặn lội thật xa xôi cũng cố đi cho kỳ được. Thiết nghĩ chiều sâu thẳm đó giải nghĩa được do những yếu tố vi tế vượt tai mắt giác quan như sau:

Trước hết là sự tự Tĩnh tự Động, không có chút chi thuộc Cường hành, Lợi hành, mà là An hành tự nguyện. Thứ đến Lễ Hội có tính cách Toàn thể, không những có Lễ mà còn có Hội, mà đã Hội hè thì phải có Đình đám, đèo theo những cuộc chơi vui nhiều khi mang tính cách “ Tháo khoán “, như đánh Đu, Bắt Chạch. . . , khiến cho khi ra khỏi Lễ Hội con Người cảm thấy “ Thoả thuê trọn vẹn “ vì đã được những phút đầy viên mãn, hết mọi giác quan đều được tham dự, trong bầu Khí “ Sống như Chơi, Lâng lâng Bay bổng “. Đã không gặp điều kiện gò bó bắt phải trang trọng khắc khổ, tinh thần Công thể lại được nâng cao rất mực, nhờ thể chế “ Bình Sản “ nên vắng bóng chênh lệch quá đáng hoặc “ Đấu tranh giai cấp “ gắt gao, khiến cho môi sinh Thái hoà trùm phủ mọi người, toàn dân đều thích thú tham dự, Tâm, Trí lại không bị khuấy động ví các Chủ thuyết nọ kia, mà trái lại là bầu khí “ Du ư Nghệ “ đầy Thi tứ, Ca, Nhạc làm cho Tâm hồn như đã nhấc chân ra khỏi Đờn đến nửa, nay gặp bầu khí tung bừng của Lễ Hội thì nhiều người dễ cảm thấy nhẹ như bay bổng vào cõi Thiên thai man mác (được biểu thị trong Trống bằng những cánh Chim dài rộng vươn cao hơn Người), như được hớp vào làn nước Cam tuyền của cuộc sống Bồng lai hạnh phúc, để lại trong Tâm thần con dấu không thể xoá mờ, khiến có thể nói không sợ ngoa rằng mỗi cuộc Lễ Hội lưu lại ảnh hưởng sâu xa hơn trăm bài huấn đức, hơn cả trăm sách lý luận Duy Tâm.” (Hết trích)

5.- Con Đường Đốc hành của Việt Tộc (Ngôn cố hành)

Nho Đạo được đề nghị như một Chủ đạo, vì nó là một Đại đạo để phục vụ Nhân sinh qua Quốc kế Hòa bình.

a.- Nhân sinh: Thiên sinh, Địa dưỡng, Nhân hoà

Con Người Việt Nho hay Nho Nguyên thủy là con Người được Thiên sinh, Địa dưỡng nên Nhân Hoà. Sở dĩ được “ Thiên sinh Địa dưỡng “ nhờ biết sống bám trụ vào 3 Thiên tính : Thực, Sắc Diện. Nhờ Đầu đội Trời (Sắc Diện) Chân đạp Đất (Thực) được cân bằng nên

Nhân cũng được Hòa ngay trong căn tính, trong bản chất của mình . Đây là nguồn mạch sống chính nuôi dưỡng con Người một cách không ngừng đầy đủ và còn phong phú nữa. Đây là cái gốc vững chắc của Nhân quyền, Tự do và Dân chủ, mặc dầu chẳng đề cập gì đến những danh từ đang được tung hô rền vang thế giới để thủ đắc những cái không giúp ích nên tăng cuộc sống cho mọi con Người.

Không chú ý thiết lập và bảo vệ và phát triển những thứ này, mà cứ hò la Tự do, Dân Chủ và Nhân quyền thì chỉ là “ nói chuyên Hoa Lá Cành trên Mây trong Gió!” Con Người Nho ví như một cái cây có gốc vững chắc chứa mạch sống cam tuyền (Thực , Sắc, Diện), nên phát triển được toàn diện, hầu điều hoà cả ba nguyên Lý : Nhân chủ, Thái hoà và Tâm linh. Là Nhân chủ thì con Người không Duy Tâm, con Người Duy Tâm tôn Thần Thánh lên làm chủ đời mình (Thần chủ), cả đời chỉ biết có Thần thánh, cứ mê mãi cầu xin, lệ bái để xin xỏ cái tương lai xa vời chưa biết chắc, mà mà quên chính con Người mình, những con Người đang khốn khổ với nhau nơi Đây và Bây giờ, vì hành động sai trái của chính mình và đồng loại của mình gây ra.

Con Người Nho cũng không Duy vật, con Người không tôn Vật chất lên làm chủ đời mình (Vật chủ), những con người này chỉ chuyên dành miếng ăn như súc vật mà chém giết nhau như mỗi chúng ta đã cảm nghiệm từ trước tới nay! Một xã hội chỉ biết “Thượng hạ giao tranh lợi “ mà quên mỗi Nhân luân Đạo lý làm Người, con Người khôn hơn mạnh hơn sẽ gây tai hoạ cho những người thất thế hơn! Chế độ Nô lệ, chế độ Đế quốc Thực dân và CS là ví dụ.

Cả Duy Tâm và Duy Vật đều tôn Thần và Vật lên làm chủ đời mình, nên dĩ nhiên là Vong Thân, mà vong Thân thì sẽ bị sa vào vòng Nô lệ cách này hay cách khác, khi đã quên mình thì làm sao mà mình

đáp ứng được nhu cầu của mình, nên phải rơi vào tròng khổ lụy! Khi đã vong Thân thì sẽ kéo theo vong Gia, đến vong Quốc rồi vong Nô.

Nhân chủ cũng không phải là Duy Nhân, chỉ coi trọng mình mà không coi Trời Đất ra gì cả, con Người Nhân chủ biết sống theo Trời Đất để thuận với Thiên lý mà tồn tại và phát triển Toàn diện. Con Người Nhân chủ là một “ Tạo hoá con “ nên biết cách tiếp tục công việc sáng tạo của Tạo hoá mà làm Người Chủ đúng nghĩa trong phạm vi Nhân hoàng của mình, không để ai xâm lấn ngay cả Trời Đất.

Nhân chủ là con Người Tự Chủ, biết cách làm chủ đời mình, nên luôn luôn biết cách tự lực tự cường. Tự Lực là không ỷ lại vào tha lực như Thần thánh hay Vật chất hay người khác, mà cái gì cũng phải tự mình làm lấy, tạo dựng lấy để nâng cao đời sống Vật chất tinh thần và Tâm linh của mình. Sống trong Đời con Người sẽ gặp không biết bao nhiêu là Thiên tai và Địch hoạ, nên phải biết cách Tự Cường để vươn lên mà tồn tại và phát triển, nhất là phải biết

vươn lên đời sống Tâm linh siêu việt như danh từ Việt là tên của giống nòi để đạt tới Nhân Trí, Dũng mới vượt qua không biết bao nhiêu nghịch cảnh như Tổ tiên xưa.

Đặc biệt con Người Nhân chủ không thể bắt bắt cứ ai làm nô lệ, mà cũng không để cho bắt cứ ai nô lệ hóa mình và đất nước mình. Nhờ lưu tâm về đời sống Tâm linh và lãnh vực khoa học mà con Người mới nhận biết “ vạn vật đồng nhất thể và tương liên “ , nên tự nguyện tu luyện lòng Nhân, đem lòng yêu thương mọi người mà ăn ở công bằng với nhau, để sống Hoà với nhau, thì làm sao mà gia đình không êm ấm, xã hội không yên vui để vươn tới mỗi tình cao rộng “ Tứ hải giai huynh đệ “.

Nhờ thế mà con Người mới đạt được hạnh phúc, cuộc sống điều hoà được cả ba mặt Vật chất, Tinh Thần và Tâm linh thì mới đạt hạnh phúc chân thật. Những người ” giàu nứt đổ đổ vách “ mà nhiều khi phải tìm đến cách quyên sinh!

Ta nên nhớ nền Đạo lý của Tổ tiên không chỉ nói bằng lời qua ngôn từ, văn tự là xong , mà phải thể Đạo, nghĩa là đem Đạo vào đời sống của mình và mọi người, để Đạo trở thành như hơi Thở, Đạo trong lời Nói và nhất là việc Làm, có như thế ta mới bước tới đến nấc thứ năm là Đốc hành (Ngôn cố hành, hành cố ngôn: Nói ra thì cố Làm cho được, Làm được thì Nói ra cho người ta hiểu) Làm công tác văn hoá mà ta cứ tưởng mình chỉ nói ra là xong nhiệm vụ, đó là chỉ là việc “ Bán đồ nhi phê”. Ta tự hỏi ta có đem thứ Đạo lý đó vào trong chính con Người mình, trong Gia đình và Cộng đồng mình chưa và bằng làm cách nào cho đến nơi đến chốn, thì khi đó thì mới nói được làm nhiệm vụ văn hoá theo cung cách của Tổ tiên xưa, nghĩa là không làm một cách nửa vời, hay vô thường vô phạt.

Sau đây là cung cách Tổ tiên ta Đem Đạo lý vào Đời, nếu không đem được Đạo vào Đời để mưu hạnh phúc chung thì Đạo lý cũng chỉ là thứ ngôn từ vô dụng “ Đầu môi chót lưỡi mà thôi” ! Con đường Tu Tề, Trị, Bình của Tổ tiên xưa là phương thể hữu hiệu nhất để đem Đạo lý vào Đời, vì biết cách làm cái gì Gần trước, cái gì Căn bản nhất, cái gì Thiết thực nhất cho con Người trước, rồi cứ theo thứ tự mà nâng lên cho vững chắc, cho đến nơi đến chốn.

Đối với cá nhân thì phải Tu luyện Đạo Nhân và thực hành Đức Nghĩa theo Ngũ thường nghĩa là mối liên hệ công bằng giữa Người với Người.

Muốn tu dưỡng Đạo Nhân thì phải tu dưỡng và thực hành việc yêu thương mọi người bằng cách “ Tu tại gia “ mà yêu cha mẹ con cái, thứ đến là “ Tu Chợ “ nghĩa là yêu thương lân nhân mà ăn ở công bằng với nhau trong làng nước, thứ ba là “ Tu Chùa “ là tu chuyên biệt ở mức độ cao hơn. Còn Đức Nghĩa là cách thực hiện các Đức Lễ. Lễ nghĩa là “ trọng Mình và trọng Người, “, Trí là hiểu Mình và hiểu Người, có hiểu được Mình thì mới mong hiểu được Người , đức Tín là tin Mình và tin Người. Cách ăn ở công bằng hai chiều này có mục đích để tạo cuộc sống An Hoà với mọi Người.

Nói điều này nọ thì ai cũng nói được nhưng căn bản là Nói và Làm có như nhau không ?

Văn hoá Việt tộc Không như Tây phương chỉ riêng cho Quý tộc , mà là chung cho cả Văn gia và Chất gia, (cả người có Học và không có Học), nên có tính chất Thống Nhất cho cả hai giới, chỉ khác nhau ở mức độ cao thấp nhưng không khác về nền tảng. Còn các nền văn hoá khác thì văn hoá Quý tộc khác với văn hoá Bình dân .

Mặt khác văn hoá còn có tính chất Trường tồn nhờ mang tính chất thuận Thiên, mặc dầu nhiều khi dường như bị tiêu trầm, nhưng cái mầm Nhân Nghĩa Thiên bẩm này đã được khắc sâu trong bản tính con Người, luôn ẩn phục trong Tâm Trí con Người, khi gặp cơ thuận tiện hay bị quá áp bức thì nó

bùng lên vực dậy. Muốn duy trì và phát triển Đạo lý làm Người thì : “Tự Thiên tử chí u thứ dân, nhất thị giai dĩ tu thân vi bản: Từ Thiên tử cho đến người dân tầm thường, ai ai cũng phải lấy việc sửa mình làm gốc “

Hy vọng rằng trong hoàn cảnh Thù trong Giặc ngoài đè nén vây khốn như nay, nền Đạo lý cha ông sẽ bùng lên chói sáng!

Không có con Người tu Thân để có Tư cách (Đạo Đức) và Khả năng (Tri thức khoa học xã hội và tự nhiên) thì người ta chỉ làm Chính trị, Cách mạng với Nước bọt với hành trang chỉ là cái Xác cốt trống rỗng mà thôi! Không biết Gia đình là nền tảng hoà của Xã hội, mà bỏ qua hay phá đi, mà hăm hở đi xây Xã hội hay Quốc tế là đi xây dựng một quốc gia không nền, chưa biết cách xây quốc gia có Hồn mà lăm le đi xây Thiên đường (mù trần gian) là đi xây Hỏa ngục! Tại sao vậy? Thưa Ta không thể trồng một cái cây không rễ, xây một cái nhà không nền, không hiểu lẽ đó mà cứ làm đại thì chỉ là trồng cây chết, xây nhà không nền hay trên cát.

Làm việc Nhỏ chưa được mà hăm hở đi làm việc Lớn thì chỉ là đi phá hoại cái Lớn mà thôi, vì cái Lớn tốt đều phải bao hàm nhiều cái Tốt nhỏ, không có cái Nhỏ thì làm sao có cái Lớn?

Nếu cuộc sống ta chưa thoát khỏi lối sống loài Vượn mà hăm hở đi làm chuyện Người thì chỉ là làm chuyện giết Người và cướp Cửa mà thôi!

Không nắm mối liên hệ Hoà trong Nhân luân để mà sống công bằng với nhau trong gia đình và xã hội, giúp cho mọi người cùng phát triển toàn diện, thì làm sao biết cách xây dựng một gia đình êm ấm, và làm sao có đủ Nội lực toàn dân để xây nền tảng vững bền cho một xã hội phần vinh?

b.- Vi Nhân: Đội Trời - đạp Đất - ở Đồi

Cha ông chúng ta đã bảo “ Vi nhân nan hĩ: Làm Người khó thay!” Khó ở chỗ con Người ở giữa làm sao cho việc Đâu “ đội cho đến Trời” ở Trên , Chân “ đạp cho tới Đất “ ở Dưới được cân bằng với nhau, không bị Trời kéo lên, Đất dật xuống thì việc “ ở Đồi” mới ổn được. Có khó ở Đồi là Kết hợp Đạo với Đồi làm Một, Đạo và Đồi là chân lý ngược chiều, sống Đồi là

hướng Ngoại theo Lý trí, mà Sống Đạo là hướng Nội, quy Tâm mà tiếp xúc với Nguồn sống uyên nguyên. Không kết hợp được thì Đạo một đàng Đòi một nẻo, nên đời sống của con Người trở nên Tình Lý bất tương tham.

Đời vô Đạo (Đạo lý) thì mất hướng sống, nên cư xử với nhau như loài Ngợm, chỉ lo cướp dật, chém giết nhau (Cha ông đã nói quá mạnh: Làm Người thì khó, làm Chó thì dễ ! “ Đạo không đem được vào Đời thì Đạo mất tác dụng. Đạo phải là hơi thở là cách Ăn nết ở, cách hành xử làm sao cho tương đối Công bằng thì mới Hòa được. Vì vậy cho nên trong cuộc sống ta không thể chia Đạo Đời ra hai ngã riêng biệt.

Triết gia Kim Định đã bàn về việc ở Đời như sau:

(Chữ Thời: XIV.- Xây, Nhà, Ở. 3.- Ở Đời. Kim Định)

“ Quand Holderlin parle” Habiter “ (vohnen), il a en vue le trait fondamental de la condition humaine: Khi nói ” Ở Đời “ thì Holderlin nhắm tới cái nét căn bản của thân phận con Người “. Ở Đời bao hàm: Ở Với, Ở Đâu, Cách Nào ? Ở Đời vì thế trở nên một nghệ thuật đòi lắm công phu. Thi sĩ Holderlin nói : “ Con Người mà Giàu danh Nghiệp thì chính vì Ở Đời như một thi sĩ. Riche en mérites , c’est poétiquement pourtant. Que l’homme habite sur cette terre “. Ai chẳng muốn Giàu danh Nghiệp, nhưng ở Đời như thi sĩ là ở làm sao ? Đáp: “ Đội Trời, Đạp Đất, Ở Đời “

Ủa! Hỏi cụ ở Đời sao lại có kiêu thơ mộng Trời Đất chi đây? A! Hiểu ra rồi: Cũng cái kiêu của Khổng Tử chứ gì ? Khi Nhan Uyên vấn “ Vi Nhân “ , thì Tử viết; “ Khắc Kỷ, phục Lễ vi Nhân “ (LN.XII.1).

Con Người đâu chỉ có cái thân xác bé nhỏ này, nhưng còn một chiều kích mệnh mông như “ Thiên Địa chi đức “, mà đó là điều con Người hay quên đi . Vì thế mà cần phải “ chinh phục lại mình: cần phải khắc kỷ “, nghĩa là trước hết phải nhận thức ra mình là “ Thiên Địa chi đức “, rồi sau phải cố gắng để thâm hoá về cho mình cái đức đó để cái Tiểu Ngã nhường cho Đại Ngã.

Thiếu việc khắc kỷ đó là giam mình trong lao tù chật hẹp, thì con đâu nữa là “ Ở Đời “ cách thanh thoát như thi nhân . Muốn Ở như thi nhân thì trước hết phải phá hàng rào Tiểu Ngã, cái đó các cụ

xưa người thì gọi là “ Khắc Kỷ “ , người thì gọi là “ Đạp Đất “. Khắc kỷ là chinh phục lại cái Kỷ chân thực của mình đã bị sự vật cướp đoạt đi và thay vào đó là cái Kỷ giả tạo, cái “ ích Kỷ hại Nhân “, thế mà mình không hay biết, lại cứ dương dương tự đắc ra phết ta đây là Kỷ là Người, mà thực chỉ là cái Ngợm. Cần nhận thức ra việc tráo “ vút chân rùa đó “

để chinh phục lại cái Kỹ gọi là “ Khắc Kỹ “ . Như thế khắc Kỹ cũng chính là “ Tận kỳ Tính “.

Tận Kỳ Tính khác hẳn với việc khuấy động trên bề mặt của “ con vật biết suy lý “ . Cho nên mãi tới thế kỷ này mới nhận ra con Người không chỉ có thể, mà còn có cả Tiềm thức ăn sâu vào “ lòng Đất “ và thân xác cũng chính là Người.. Từ đó mới mọc lên những sách viết về xác thân , và “ Thần học của các thực-tại trần thế “ (Théorie des réalités terrestres de Gustave Thills . Desclée de Brower 1949) .. Nhờ đó ta mới hiểu “Đạp Đất “ ra sao, nó cũng một dòng tư tưởng như “ an Thổ đôn hồ nhân “ vậy.

Phải mất từng vài ba ngàn năm mới hiểu ra chỗ thâm thúy của người xưa . Chả trách Hồng Phạm nói : “ Là sẽ giúp cho biết chỗ Ở của mình: Tương hiệp quyết cư “ (Hồng Phạm tiết 3) Mới đọc ta có thể phát câu nói : “ Việc chi mà phải giúp, cất nhà lên mà ở chứ có khó chi đâu mà phải giúp. Nhưng nhìn sâu vào mới nhận ra con Người hiện đại toàn một giống Tu Hú , chứ có phải Ở Nhà của Minh, của chính con Người đâu. Thế mà chỗ Định Tính con Người : “ Ở Bầu thì Tròn, ở Ống thì Dài ! “ . Dài hay Tròn đều không phải con Người. Vì Người là giống Lương Thê: có Tròn mà cũng có Dài, nay Đầu không đội được Trời, chân không đạp được Đất thì hoá ra loài “Đầu không Chít mà Đít không Chằng “ , một loại trúc gốc đã mất khả năng “ Giao Lạc hồ Thiên, giao Thực hồ Địa “ thì còn chi nữa mà gọi là “ Ở Đồi “ . Chỉ còn là “ Tĩnh vật ù lì “ , nằm trải dài sát bụng tim gan vào Đất.

Nằm Đất thì đầu phải ở Đồi . Vì vậy mà phải đạp Đất, cho thấu đến chỗ thâm sâu “ Bác hậu khả dĩ Phối Địa “ (T.D. 26).

Còn Trời thì phải đội được cho dính sát vào Đầu vào óc như một chiều kích thâm sâu của con Người . Trời không đội được là khi coi Trời Đất như cái chi xa tắp tít ở đâu và Trời chỉ còn là một tiếng trống rỗng thiếu âm vang sinh động. Cái thứ Trời đó đâu có vừa tầm của cái với tay nữa mà gọi là Trời. Chỉ là ‘Đội Trời “ khi Trời Linh Động được tôi, khi tôi đi thấu vào Trời cho đến chỗ cao sáng phối hiệp với “ Cao minh Phối Thiên “ (T.D.26). Có thể mới gọi được là Ở Đồi . Câu nói của Cụ Tiên Điền thật đáng suy nghĩ xiết bao!.

Tuy nhiên, vì câu nói của Thi hào nên nhiều người chỉ đứng dừng ở lại vòng văn hoá nghệ thuật mà không chịu đi sâu, để đào cho ra nội dung Triết lý. Nếu làm vậy chúng ta sẽ thấy nó hợp với câu của Không Tử “ khắc Kỹ phục Lễ “, mà ta cần xét lại theo một khía cạnh nữa.

Khắc Kỹ là gì?

Thừa là chinh phục lấy cái Tôi. Ai bắt mà chinh phục? Thừa là Đất hiểu theo nghĩa vật chất không gian. Khi con Người không biết đạp Đất để mình chìm dần xuống thì Đất lẩn lên làm ngạt thở Tâm thức, làm tắt lịm những mối Tình cao khiết. Khi Tình Người đã tê liệt thì Người tất trở thành những người Máy tiếp xúc với nhau bằng da mỏng da dày, mà

mối Tình Thân chân thực đã cạn khô. Có gì hàm dưỡng Tình mà Tình chẳng cạn khô. Khi Tình đã cạn khô thì làm sao gây nổi âm vang trong Tâm thức. Con Người trở thành những Cơ khí tuân theo trọn vẹn biện chứng duy vật của ích dụng hoàn toàn trong vòng hiện tượng, dính sát vào cuộc sống sinh lý để quên hẳn đi bản gốc của mình. Như thế gọi là Vong Thân . Khi Thân đã vong đã mất thì cần được chinh phục trở lại, cần được Khắc Kỷ.

Muốn khắc kỷ thì làm thế nào? Thừa phải Phục Lễ. Phục Lễ phải hiểu là phục “ cái Tiết Độ căn cơ sinh sinh bất tức”. Nói Tiết Độ căn cơ là có ý gây ra ngoài lối hiểu hẹp hòi khi đồng nhất Lễ với Phong tục này, Tập quán nọ như nhóm Hương nguyện quen làm. Trái với triết lý phải hiểu chữ Lễ theo nghĩa uyên nguyên mà đọc thấy trong dạng chữ Lễ (礼) kép bởi chữ Thị (示 = 丩) chỉ Thần Đất hoặc “ chỗ Hôi thông của cả tứ bề “ như một nghĩa khác của chữ Thị . Muốn giữ Lễ cho cân xứng trình độ triết lý thì phải vươn tới đó, tới đọt là Kinh Dịch gọi là “ Hội thông “, thì mới hiện thực đúng câu Phục Lễ. “ Quan kỳ hội thông dĩ hành kỳ điển Lễ “ (H.T. VII).

Phải đạt tới chỗ Tam tài thì mới hiện thực được cái Lễ lý tưởng (Điển Lễ) của mình, tức là của Người viết hoa và như vậy tức là “ Vi Nhân “ rồi đó . Bởi chưng “ vi Nhân chính là đạt tới chỗ “ Tam gia tương kiến “ hiểu được máy Tạo hoá huyền vi có Tròn Khuyết, Đầy Voi , Nóng Lạnh đắp đổi, để mà Giá mà Sắc , gieo ra cũng như gặt vào : Triển nở cũng như Tàng ẩn , như được biểu tượng trong hai chữ Văn, Vạn hàm tàng trong khung Hồng Phạm.

Xem hai chữ đó, chúng ta mới hiểu ra “ vi Nhân” cũng như “ Ở Đồi “ cốt cán là thiết lập được mối tương quan căn để giữa Trời Không, giữa Trời Đất sao cho Người cùng được phần tham dự như một đấng làm Vua, có quyền “ Dữ Thiên Địa tham “ . Xếp đặt cho cả Trời- Đất- Người ổn thoả : được như vậy là : “ Thiên Địa vị yên “ và “ vạn vật tịnh dục nhi bất tương hại “. Trời Đất được đặt đúng vị trí thì vạn vật đều cùng nhau chung sống an vui mà không trở lại làm hại nhau. Ngược lại Bắc Nam tương diệt tương sát như nay (VNCH & CSVN) thì truy căn ra cũng vì Thiên Địa chưa có vị yên. Và con Người chưa biết ở Đồi . Vì Ở Đồi là hiện diện khắp Vũ trụ (Habiter c'est être présent au monde), chứ không ngưng đọng ở Trời hay ở Đất : Duy Vật hay Duy Linh: ở ù lì một bên sẽ dẫn đến tương oán tương thù, tương khắc tương diệt, còn đâu là thanh thoát như Thi sĩ: Ở Đồi như con Bướm bay lượn giữa muôn hoa đầy hương sắc, như kiểu “ cái thân ngoại vật là Tiên trên đời “ . Đây là một chân lý nền tảng, cho nên chúng ta lại trở về với nhà thi hào của chúng ta để tìm hiểu thấu triệt thêm chân lý đó . Và chúng ta sẽ đọc thấy thêm rằng :

“ Ở Ăn thì nét Cũng hay

“ Nói Lời Ràng- Buộc thì tay Cũng già.

Thực là rõ ràng, nhưng khi trích ra chúng ta xin được phép đổi đi vài chữ và đặt sai câu hỏi: muốn Ở Ăn Cho Hay thì Phải làm sao thừa cụ? Nguyễn Du- tử viết :

“ Ở Ăn muốn Nét Phải Hay

Nói Lời- Ràng- Buộc thì tay Phải Già. “

Thật là quý hoá: Lời lời châu ngọc. Nhưng thế nào là Lời- Ràng - Buộc .

Trước hết là Ràng Buộc cái chi ? Thừa là Ràng Buộc Đất -Trời lại với Người cho Tam tài làm nên Nhất Thế, khỏi xa lạ nhau.

Hỏi Đất Trời xa cách muôn trùng làm sao mà Ràng Buộc ? Thừa: Muốn Ràng Buộc thì Tay phải già, Tay chỉ Tác động.

Chữ Thủ trong danh từ Triết (哲=才+斤+口;Triết = Thủ + Cân + Viết; Chữ thủ = Tài :手= 扌) chỉ việc Làm và việc Làm (Tài = tác) Chí Cực là phải vào đến Chí, thuộc đọt Tâm linh mới có sức ràng buộc thấu tóm tất cả mọi thực thể mâu thuẫn, trở nên mối liên hệ ràng buộc vạn vật với nhau . Đó là ý nghĩa uyên nguyên của chữ Legein (Gốc của chữ Logos) có nghĩa là gặt hái thấu thập như nghĩa chữ Giá trong Hồng Phạm đi liền với chữ Sắc là gieo ra .

Về sau triết lý Tây sa đoạ đánh mất phần “ Thâu vào ” và chỉ còn có “ Gieo ra “ nên Logos đoạ ra Logique là khoa luận lý vòng ngoài đánh mất trọn vẹn tính chất ràng buộc, nên không nói lên được lời ràng buộc nguyên ngôn Logos. Lời khái thị căn cơ mà Hồng Phạm gọi là “ Di luân du tự “, le rapport fondamental des choses, mối dây liên hệ ràng buộc sự vật mãi từ đọt căn cơ cũng được gọi là cương thường của vạn vật . Muốn hiểu thêm nên xem lại ý nghĩa hai chữ Vãn và Vạn , liền nhận ra Ở Đồi là ở trong thế Giao – liên căn để giữa Trời với Đất, và “ Ở Ăn muốn nét được hay “ , thì phải biết thiết lập sự căng thẳng giữa hai đối cực là Thiên Địa. Làm Người chính là duy trì cho cuộc vận hành đó được sinh động.

Đấy gọi là Nói Lời - Ràng – Buộc. Có ràng buộc mới có ý nghĩa, nói khác đi ý nghĩa cuộc đời sự vật chỉ có thể hiểu khi quy chiếu vào cái Toàn thể biến dịch mà ở đây gọi là Thiên Địa, nếu không thì tất cả là vô nghĩa, ngoài Lời Ràng - Buộc đều phi lý và con Người không nói được Lời Ràng - Buộc thì trở thành cái chi cô độc, thiếu nhân phẩm, nhân tước và sẽ bị cuốn trôi vào hố u tịch hoang vắng như

mảnh sao băng đặc sệt, tối om âm lạnh, không còn là môi trường thuận tiện cho sự vang lên của Lời Ràng - Buộc, lời khái thị, lời tự sự của muôn loài gọi là Lời bực - lộ Chân – Như. Đấy là ý nghĩa nguyên ngôn. Một khi nguyên ngôn đã không vang dội trong hồn thì

con người biết ý cứ vào đâu để tìm thấy ý nghĩa sáng soi đặng “ Gieo ra “ khắp vũ hoàn, hoá cho nên Vũ hoàn trở thành vô lý.

Lời Ràng - Buộc không còn là âm vang thì còn biết “ Gặt vào “ cái chi mà bỏ cái chi, đành để mặc cho gốc rạ, cỏ hoang cùng tràn ngập để diệt trừ cho tận gốc cái Thiên lý còn sót lại và làm cho tê cóng Tình Người. Cho nên đầu miệng có hô to Thông cảm, nhưng cảm còn đâu nữa để mà thông. Nói Lời Ràng - Buộc thì tay phải già, nhưng tay già ở đâu ?

Cả Bắc cả Nam suốt 20 năm đều “ Già cái chi mà Non cái Hột. Cái Hột cái Nhân đã non thì nói sao nên Lời Ràng - Buộc mà chỉ còn là bì phu, phân tán, chia ly: Việt Nam chia hai, mỗi miền lại chia ra nhiều đảng phái, mỗi đảng phái lại chia ra 3, 4 nhóm nhỏ : Thái cực sinh Lương nghi, Lương nghi sinh Tứ Quái, Bát Tặc, biến hoá chi vô cùng, tràn ngập cả vào những nơi lẽ ra là chôn Thâm cung của Lời Ràng - Buộc, cũng lại trở nên loa truyền những lời ly gián, xách động để xua đuổi của tiên Tổ bì phu!

C.- Quốc Kế Dân sinh

I.- Văn hóa

Xưa nay làm Văn hoá người ta chỉ lưu tâm đến vấn đề văn chương nghệ thuật ca vũ nhạc, mà lãng quên lãnh vực Triết lý nhân sinh, lấy lời văn tao nhã mà trao đổi mà cảm hoá nhau để sống cho Hòa với nhau. Vì thế mà Văn hoá trở thành khâu quan trọng hàng đầu của Nhân sinh và Quốc kế

Dân sinh . Văn hoá của Việt tộc là nền văn hoá có gốc từ Trời Đất, nên có tính chất “ Thiên sinh Địa Dưỡng Nhân hoà “, do đó mà có tên là Văn hoá Thái hòa.

Trong con Người là Hoà Tình với Lý: Con Người cân bằng giữa Tình và Lý

Trong Gia đình là Hoà giữa Vợ với Chồng cũng như con cái: Tổ ấm gia đình

Trong Xã hội là Hoà giữa Nhân dân với Chính quyền: Xã hội an vui

Trong Cộng đồng nhân loại là “ Tứ hải giai huynh đệ “

Trên cấp Siêu hình là Hoà giữa Hữu và Vô .(Triết lý An vi của Kim Định)

Do đó mà Văn hoá là nền tảng cho Nhân sinh và mọi cơ chế xã hội Hoà bình.

II.- Giáo dục

Là khâu quan trọng thứ hai. Không nắm được mục tiêu của Giáo dục là xây dựng con Người toàn diện để ai ai cũng Có Tư cách (Tình) và Khả năng (Lý) . Muốn đào tạo con Người có Tư cách thì nền giáo dục phải đặt quan trọng trên yếu tố thành Nhân, tức là phải “ Tiên học Lễ (Học và Hành Đạo Đức), hậu học Văn (kiến thức khoa học xã hội và tự nhiên)

”Học Lễ để có Đạo đức để cư xử với nhau theo tình Người, học Văn để có kiến thức mà làm cho nên việc.

Ngày nay hầu hết nên giáo dục đều chú trọng vào kiến thức thành Văn để thành Thân hầu thủ đắc cho nhiều, nên “ Thượng hạ cứ phải giao tranh lợi “ thì làm sao mà xã hội không loạn.

Muốn dẹp bất công, khủng bố ngoài đời trước tiên phải diệt tên Bất công và Khủng bố quan trọng nhất đang ẩn náu trong thâm cung nơi mỗi con Người đã. Vậy một nền giáo dục tốt là nền giáo dục phải gồm đủ hai yếu tố thành Nhân và thành Thân, mà Thành Nhân là yếu tố quan trọng hơn. Khi thành Thân thì có thể làm ra của ăn, khi làm ra của cải mà không Thành Nhân để biết cách phân phối một cách tương đối hợp lý thì qua cuộc đấu tranh sinh tồn chỉ chém giết nhau mà ném của xuống sông mà thôi! (cái thâm thù của hai cuộc thế chiến và chiến tranh lạnh còn sờ sờ ra đó).

III.- Kinh tế

Thì phải chú tâm đến hai đối cực Công hữu và Tư hữu. Vì con Người được sinh ra trong tình trạng bất bình đẳng, người tài trí có thể dùng khả năng của mình để thủ đắc thật nhiều, tạo ra cảnh “ Kẻ ăn không hết người lần không ra “, trong chế độ Tư bản, những người nghèo coi đó là Bất công xã

hội, rủ nhau vùng lên làm cách mạng vô sản. Thảm trạng CS đem lại không biết bao nhiêu tang tóc cho con Người, vì CS phá bỏ quyền Tư hữu để biến thành Công hữu, thực ra chỉ để biến thành Tư hữu cho đảng CS, nên toàn dân lại bị tước đoạt đến tận nền tảng của con Người (bị đoạt hết cả Thực, Sắc, Diện thì còn chi lại cho con Người !. Tổ tiên chúng ta đã thực hiện chế độ Bình sản, (Công bình tương đối) tức là lấy Công hữu (công điền công thổ) để điều hoà với quyền Tư hữu để cho ai ai cũng có phương tiện để tự mưu sinh. Đó là lối sống chấp kỳ lưỡng đoan, không tư Bản (tôn trọng quyền Tư hữu tuyệt đối) và cũng không CS (không chấp nhận quyền Công hữu), nên người dân đều no ấm (mặc dầu mức sống còn thấp sản sát như nhau), gia đình yên vui, xã hội hoà bình .

IV.- Chính trị

Ngày nay chính trị lại bao trùm lên các ngành khác theo đường lối Pháp trị, để “ Thượng Tôn luật pháp “, nếu luật pháp thể hiện được lẽ công bằng xã hội tương đối vào trong các cơ chế xã hội như chế độ Dân chủ thì tốt, nếu dùng pháp luật để khống chế con Người để thực hiện đường lối độc tài thì lại là tai hoạ cho con Người và Đất nước.

Tổ tiên ta xưa thì theo chế độ Nhân trị, nghĩa là bao gồm cả Lễ trị và Pháp trị.

Lễ trị là hàng rào cản bên Trong nơi mỗi người, nhờ có nền văn hoá Thái hoà mà mỗi người tự giác không xâm phạm đến quyền lợi của kẻ khác, còn Pháp trị, hàng rào cản bên Ngoài là

lẽ công bằng tương đối của Luật pháp để ngăn chặn những lỗi lầm vì yếu đuối mà con Người có thể phạm phải. Ngày nay trong chế độ Dân chủ thì chế độ chính trị phải biết cách Điều Hoà giữa hai yếu tố Nhân quyền và Dân quyền. Nhân quyền giúp cho Cá nhân phát triển về mọi phương diện về Dân sinh và

Dân trí, còn Dân quyền là bổn phận đóng góp của mỗi người dân để giúp cho quốc gia hùng mạnh. Tôn trọng Nhân quyền thì phải bảo vệ thiên tính của cá nhân về Thực, Sắc, Diện, còn Dân quyền là thực thi lẽ công bằng trong mọi cơ chế xã hội để nâng cao Dân sinh và Dân trí toàn dân để đóng góp được nhiều cho xã hội.

V.- Xã hội

Thì phải làm sao cho sự phân cách giữa Giàu và Nghèo được tương đối ít cách biệt. Nếu sự cách biệt quá lớn, hay tình trạng bất công quá lớn thì sẽ xảy ra những cuộc đấu tranh chém giết lẫn nhau như lịch sử đã chứng minh... Vậy muốn cho xã hội được ổn định thì chính quyền phải lo hai việc “ Phú chi và Giáo chi: Làm cho dân cơm no, áo ấm, dân giàu, dạy cho dân để nâng cao trình độ hiểu biết của họ. Hai Công trình Dân sinh và Dân trí vô cùng quan trọng để làm cho dân giàu nước mạnh. Những chế độ độc tài thì chỉ lo ngu dân và bần cùng hoà cho dễ cai trị.

VI.- Lời Kết

1.- Khi ta nói đến nền văn hoá Thái hoà hay Việt Nho tốt đẹp và siêu việt như thế, tại sao ta không biết tới tình trạng ngày nay nền Văn hoá này gần như bị tiêu trầm, nhất là nước kế thừa còn có tên Việt duy nhất là Việt Nam lại có đời sống mất Đại Đạo như thế? Thưa qua trường kỳ lịch sử nền văn hoá “ Khoan nhu “ này của nền văn hoá nông nghiệp đã bị văn hoá “ Dĩ cường lãng nhược “ của Du mục phương Bắc tìm cách tiêu diệt. Qua các cuộc cai trị hà khắc cũng như những cuộc đại chiến của kẻ thù phương Bắc đã giam hãm nhân dân ta trong cảnh “ Cái khó bó cái khôn” cũng như “ Bần cùng sinh đạo tặc “, nên hầu như đánh mất Đại Đạo, đất nước chúng ta rơi vào tình trạng mất Quốc hồn như Triết gia Kim Định đã bảo : “Đạo mất trước, Nước mất sau “, cái khổ nạn của dân tộc chúng ta là ở chỗ đó!

Trong trường kỳ lịch sử của Dân tộc, ta đã chẳng thấy đã có nhiều lần cha ông ta đã biết lấy chiến Lược “ Lấy Đại Nghĩa để thắng Tham tàn, đem Chí Nhân mà thay cường bạo “ cũng như Chiến thuật “ Dĩ Nhu thắng Cương dĩ Nhược thắng Cường đó sao? Cha ông chúng ta đã giữ cho được nền độc lập qua hàng ngàn năm nên đã hết hơi rồi, không còn sức lực để thoát ra khỏi cảnh trầm luân được nữa !

2.- Vậy muốn có đời sống xứng với nhân phẩm thì bổn phận chúng ta là phải phục hoạt lại nền văn hoá đó. Triết gia Kim định đã để 50 năm trong cuộc đời để tinh lọc và hệ thống hoá thành cái sườn Việt Nho và triết lý An vi. Trước đây, lưu truyền rằng sau Khổng Tử thì Đạo Nho bị thất truyền vì bị chế độ Bạo động Du mục phương Bắc đã cạo sửa xen dậm

vào Nguyên Nho thành Hán Nho là Nho Bá đạo, thay vì lấy “ Dân vi quý , xã tắc thứ chi, quân vi khinh “ thì lại Tôn quân lên làm con Trời để dùng Bạo lực mà bành trướng.

Theo triết gia Kim Định, sở dĩ Nho giáo (Khổng giáo) bị thất truyền là vì Khổng Tử “ theo cổ huấn , thuật nhi bất tác Nghiêu Thuấn “, chỉ mới cứu được cái Khung ảnh của Đại Đạo, mà chưa tìm ra cái khâm ảnh của Đại Đạo.

Trong 30 năm sục sạo khắp đó đây của nền văn hoá Đông phương, triết gia Kim Định mới khai quật được bộ số huyền niệm Vài ba tức là 2 – 3 là nền tảng của nền văn hoá Đông Nam của Việt tộc, khi nắm được nền tảng này thì Đại Đạo không hề bị tiêu trầm nữa .

Số 2 là (Tiến hoá, Trường Tôn và) Thái hoà

Số 3 là Nhân chủ

Số 5 (= 2 + 3) là Tâm linh

Nền văn hoá này có nguồn gốc từ nền văn hóa Hoà Bình, qua Huyền thoại Hiền triết Ta nê với 3 thúng Khôn và 2 thúng quyền lực, cách nay từ 12 ngàn năm đến 30 ngàn năm, Giáo sư Kim Định gọi là Thái Nho.

3.- Thời đại toàn cầu hoá này là thời các nước vùng lên đào luyện kỹ thuật thành Thân để thủ lợi cho mau và nhiều, mà lãng quên yếu tố thành Nhân để thực hiện lẽ công bằng tương đối mà sống Hoà với nhau, thì đến lúc nào đó sẽ choảng nhau để đổ các thành quả xuống biển như hai cuộc đại chiến và chiến tranh lạnh trước đây ! Bây giờ còn có nhiều nước đang cố vũ trang để dành ưu thế, việc này đem các nước vào một trận đồ quá tốn kém, trong khi cuộc sống con Người ngày càng khó khăn! Vợ vã dành nhau bằng những phương cách tình vi nào mà do lòng Tham Sân Si trá hình nào thì rồi ra cũng đưa ta xuống hố. Lối sống Cao tốc với Mi ăn liền chì là lối sống vợ vã “ Dễ Đến ắt sẽ dễ Đi “ mà thôi. Từ bỏ lối sống tiết độ Quả Dục chừng mực mà theo lối sống Đa dục xa hoa trên nợ vay, thì trước sau gì cũng đem lại tai họa cho con Người và Đất nước!

Đây là lối sống phạm vào bất công tự trong bản chất, vì nó làm tiêu hao vô ích chính sinh lực của mình, lạm dụng tài nguyên của thế hệ sau và làm gia tăng ô nhiễm môi trường nguy hiểm cho sức khỏe!

4.- Khi không có con Người tự Chủ, Tự Lực, Tự Cường thì chẳng thể chờ mong gì đến Độc Lập, Tự Do và Hạnh Phúc, vì với tư tưởng Nô lệ (vong Thân, vong Gia, vong Quốc, vong Nô) không thể đóng vai trò làm Chủ được. Khi không có “ Chí Nhân & Đại Nghĩa “ thì không thể vươn lên vực dậy được.

5- Nếu chúng ta Không có Chủ đạo quốc gia để đoàn kết toàn dân, không có Quốc kế Dân sinh để mưu phúc lợi cho toàn dân cũng như không có Kế hoạch thực hiện lẽ công bằng

trương đối vào trong các cơ chế xã hội cho đến nơi đến chốn, mà chỉ đánh đánh giặc miệng sát phạt nhau thì rồi ra mọi sự vẫn còn không được như cũ nữa !

Làm việc nước mình mà cứ học theo người ta rồi làm đại cho mọi việc nát bậy như tương, rồi cứ chạy loanh quanh Hiện tượng mà sửa, càng sửa lại càng sai, vì sai từ Bản chất nên không biết đâu mà rờ! Cái Tinh thần ý lại trông chờ vào ngoại nhân mà không biết bắt đầu tự chính mình, từ nhân dân mình thì rồi ra bao giờ cũng rước tai hoạ vào Thân và cho Đất nước.!

Đây không phải là những lời nói viễn vông mà chỉ là những ý kiến thiết thực về nền tảng con Người và Xã hội mà thôi.

www.vietnamvanhien.org



An Lạc & Tự Chủ

VIỆT NAM VĂN HIẾN

www.vietnamvanhien.info



TỦ SÁCH VĂN HIẾN TRÊN MẠNG VỚI HƠN 12300 TÁC PHẨM & TIẾT MỤC